

Hương Thiền



Tranh: Thỉnh Art

Kính mừng đại lễ Vu Lan PL. 2559

NT. THÍCH NỮ HUỆ GIÁC
TT. THÍCH THIÊN TÀI
TT. THÍCH THIỆN TRANG
NHẬT CHIÊU
TRẦN DẠ LỮ
CAO THỊ HOÀNG
ĐẶNG HỒNG THÚY

Tương niệm HT. Thích Thiện Phước
Tịnh Linh Sơn cốt nhục (thơ)
Tịnh hoa Tử trọng ân
Thơ Tượng Quê
Buông (thơ)
Cúng việc lễ
Tà dâm



NXB Văn hóa-Văn nghệ

03
2015



HT. Thích Thiện Phước

(1924 – 1986)

Tổ khai sơn Liên Tông Tịnh độ Non bồng

HƯƠNG THIÊN 03/2015

BAN CỐ VẤN

HT. Thích Hiện Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

BAN CHỦ NHIỆM

TT. Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

CHỦ BIÊN

Phan Cát Tường

VĂN PHÒNG

ĐC: 304 Bông Sao, P.5,Q.8, TP.HCM

ĐT: (08)38503410 - 0913724043

E-mail: phancattuong@gmail.com

Báo Ân

(Trích kinh Tâm Địa Quán, phẩm Báo Ân)

THÍCH TÂM CHÂU

(dịch từ bản chữ Hán của Bát Nhã Đại Sư)



Cha có “từ ân”, mẹ có “bi ân”. Bi ân của mẹ, nếu tôi ở đời trong một kiếp để nói về ơn ấy cũng không thể hết được. Nay tôi vì các ông nói một ít phần về công ơn ấy để các ông hiểu.

Giả sử có người vì việc phúc đức, cung kính, cúng dàng một trăm vị Đại Bà La Môn tịnh hạnh, một trăm vị Đại thần tiên được năm pháp thần thông, một trăm người bạn lành, xếp đặt cho các vị ấy ở yên trong nhà thất bảo rất đẹp, đem trăm nghìn thứ đồ ăn ngon quý, y phục bằng mọi thứ báu tua rủ các chuỗi ngọc, dựng các phòng xá bằng gỗ chiên đàn, trầm hương, chăn gối, giường nằm trang nghiêm bằng trăm báu, cùng trăm thứ thuốc thang chữa khỏi các bệnh và nhất tâm cúng dường trọn trăm nghìn kiếp, cũng không bằng một niệm để tâm hiếu thuận, đem chút ít vật nuôi nâng sắc thân bi mẫu. Và, theo chỗ cúng dường hầu hạ ấy, đem so sánh với công đức trước thời đến trăm nghìn vạn phần cũng không thể nào xét lường kịp.

Sự thương nhớ con của bi mẫu ở thế gian không gì sánh được. Ân ấy đến với con ngay từ khi chưa có hình hài. Nghĩa là bắt đầu từ khi thụ thai, trải trong mười tháng, đi đứng, ngồi, nằm, mẹ chịu mọi khổ não, không thể dùng miệng mà nói hết được. Tuy có những sự dục lạc, ẩm thực, y phục nhưng mẹ vẫn không sinh tâm ưa thích, mà tâm mẹ chỉ luôn luôn lo nghĩ đến con không quên lãng.

Hãy tự suy nghĩ: Khi sắp sinh sản, mẹ âm thầm chịu đựng mọi khổ, ngày đêm sầu não. Nhưng, đến lúc lâm bồn, sự đau khổ ấy quá đổi, như trăm nghìn mũi nhọn bâu vào cắt xé, thực không thể nào kể xiết được, có khi đến chết. Sinh nở rồi, mẹ không còn bị khổ não gì nữa, lúc đó họ hàng thân thích vui mừng vô tận, cũng như người đàn bà nghèo được ngọc Như ý. Khi đưa con cất tiếng khóc chào đời, mẹ như là người nghe được âm nhạc. Mẹ dùng ngực mẹ làm nơi ngủ nghỉ của con và trên hai đầu gối mẹ, thường thường là nơi chơi giỡn của con. Trong nơi ngực mẹ tuôn ra những dòng sữa như nước suối cam lộ để nuôi lớn con. Ôn nuôi lớn ấy nhiều hơn trời đất và đức thương xót ấy rộng lớn không gì sánh được. “*Thế gian, núi non là cao, on bi mẫu còn cao hơn thế - cao hơn cả núi Tu di. Thế gian cõi đất là nặng, on bi mẫu còn nặng hơn thế!*”

Thằng hoặc có con trai, con gái nào bội ân, không hiếu thuận với cha mẹ, làm cho cha mẹ sinh tâm oán niệm, mà mẹ bực bội, thốt ra một lời nói ác, tức thời con phải sa đọa theo lời nói ấy, hoặc vào địa ngục, hay ngạ quỷ, súc sinh. Thế gian, nhanh gì hơn gió dữ, một chút oán niệm của cha mẹ còn nhanh

hơn gió ấy, hết thầy Như Lai, chư Thiên, Kim cương cùng các vị Tiên được năm pháp thần-thông... không cứu-hộ được.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào theo lời dạy bảo của bi mẫu và thừa thuận không trái, thời được chư Thiên hộ niệm, phúc lạc vô tận. Những nam, nữ ấy tức là dòng giống tôn quý của Thiên, Nhân, hoặc là Bồ-tát vì độ chúng-sinh, hiện làm nam, nữ đem lại lợi ích cho cha mẹ.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào vì báo ơn cha mẹ, suốt một kiếp mỗi ngày ba thời, tự cắt thịt mình để nuôi cha mẹ, cũng chưa trả được công ơn một ngày của cha mẹ. Sở dĩ thế là sao? Hết thầy nam, nữ ở trong thai mẹ, miệng nút cuống vú, uống huyết mẹ, khi ra khỏi bào thai, trước thời ấu trĩ, uống hết một trăm tám mươi hộc sữa của mẹ; mẹ được chút vị bổ nào đều cho con cả, ngay đến những y phục quý tốt cũng đều như thế. Và, dù rằng bị người con ngu si, xấu xí đi nữa, tình yêu con của mẹ cũng chỉ là một không hai. Xem như xưa kia, có người đàn bà đi chơi xa tại nước người, bẻ con lội qua sông Hằng, không ngờ nước sông lên to, chảy mạnh, sức yếu không vượt qua nổi, lại yêu mến con quá, không nỡ rời bỏ con, nên cả hai mẹ con đều chết chìm. Song, bởi sức từ tâm, thiện căn ấy, tức thời người mẹ được sinh lên cõi Sắc cứu cánh thiên, làm Đại phạm vương.

Do nhân duyên ấy, mẹ có mười đức:

Một là, như đại địa: Vì trong thai mẹ là chỗ nương tựa của con.

Hai là, năng sinh: Mẹ phải trải qua mọi sự khổ não mới

sinh được con.

Ba là, năng chính: Thường do tay mẹ ve vuốt, uốn nắn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân con.

Bốn là, dưỡng dục: Mẹ phải theo hợp bốn mùa mà nuôi nấng con khôn lớn.

Năm là, trí giả: Mẹ thường dùng phương tiện, làm cho con sinh trí tuệ.

Sáu là, trang nghiêm: Mẹ lấy những chuỗi ngọc đẹp trang sức cho con.

Bảy là, an ổn: Mẹ ôm ấp con, làm cho con nghỉ ngơi an lành.

Tám là, giáo thụ: Mẹ dùng phương tiện khéo dắt dẫn con.

Chín là, giáo giới: Mẹ dùng lời nói lành để con xa lìa những điều ác.

Mười là, cho gia nghiệp: Mẹ thường đem gia nghiệp giao lại cho con.

Thiện nam tử! Ở thế-gian này gì là rất giàu? Gì là rất nghèo? Bị mẫn tại đường, là giàu; bị mẫn bất tại là nghèo; bị mẫn còn sống là mặt trời giữa trưa, bị mẫn mất đi là mặt trời đã lặn; bị mẫn còn sống là mặt trăng sáng, bị mẫn mất đi là đêm tối! Thế nên, các ông nên siêng năng tu tập về sự hiếu dưỡng phụ mẫu thêm, thời như người cúng Phật, phúc báo ấy và phúc báo này bằng nhau không khác!

Các ông nên báo ơn phụ-mẫu như thế!

T.T.C



Thư pháp chữ Hiếu

ĐẠO CỦA MUÔN LOÀI

Chữ Hiếu (孝), về mặt chiết tự, là do chữ Lão kết hợp với chữ Tử. Chữ Lão nằm trên chữ Tử gợi cho ta hình ảnh đưa con cổng cha mẹ già trên vai, tức sự chăm sóc của con cái dành cho cha mẹ ở tuổi xế chiều. Đó là căn bản của đạo làm người.

Trong Hiếu lại có chữ Thổ (土) nghĩa là đất. Đất là biểu tượng của quẻ Khôn (:::) trong kinh Dịch. Thoán truyện viết: “Khôn hậu tải vật. Đức hợp vô cương” (坤厚載物, 德合無疆). “*Khôn nuôi dưỡng muôn loài, tình thương không bờ bến*”.

Hiếu không chỉ là đạo của con người, mà còn là đạo của càn khôn vũ trụ, đạo của muôn loài, theo triết lý Kinh Dịch.

H.T

Mẹ ơi

QUANG THÁM

*Thoảng nghe tiếng gió mùa thu
Chạnh lòng nhớ mẹ, lời ru thuở nào
Tuổi thơ ngày ấy mây cao
Dáng gầy nón lá mẹ vào mơ con.*

*Giờ đây ngày ấy đâu còn
Có chẳng về lại lời mồn nhớ thương
Tóc con giờ đã điêm sương
Mẹ ngồi trắng cả vô thường gió bay.*

*Mùa thu lá rụng xa cây
Con tê tái nghĩ đến ngày... mẹ ơi !
Một mai vắng mẹ trên đời
Con bơ vơ giữa những lời ru xưa...*

Hiếu đạo

NGUYỄN ĐỨC TỐ



Đón Vu Lan là nói đến mùa báo hiếu, mùa để những người con nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Bởi công ơn cha mẹ không có gì sánh bằng. Công ơn ấy đã thấm trong ta từ thuở tượng hình, đến với ta qua hơi ấm, qua vòng tay triu mến, qua dòng sữa bổ dưỡng và lời ru ngọt ngào. Cha mẹ là hình ảnh đầu tiên ta nhìn thấy khi ta vừa mở mắt chào đời, cho ta nhớ mãi nụ cười ánh mắt và tình cảm yêu thương. Nói đến cha mẹ là nói đến sự hy sinh vô bờ

dành cho con cái, chính vì tình thương và lòng hy sinh ấy mà ta phải dùng hiếu để đền đáp ơn nghĩa của đấng sinh thành.

Hiếu nghĩa đã ăn sâu vào tâm khảm của người Việt Nam và thật sự trở thành nét văn hóa, nét đặc trưng cho tính nhân bản của xã hội loài người. Hiếu được xem như một thứ tình

cảm thiêng liêng và cao đẹp nhất trong các thứ tình cảm của con người. Hiếu là chất liệu cho cuộc sống, là hương thơm cho đời, là hành trang vô giá cho bất cứ mỗi người. Hiếu còn phản ánh đời sống văn hoá của xã hội. Hiếu phân định nhân cách, tri thức của con người. Nói đến hiếu là nói đến những gì cao đẹp nhất, thiêng liêng nhất.

Không có bộ sách sử nào ghi rõ truyền thống hiếu đạo ở Việt Nam xuất hiện từ lúc nào, trong hoàn cảnh nào. Song, chúng ta vẫn có thể xác định sự tồn tại của truyền thống hiếu đạo ở Việt Nam muộn nhất cũng là thời Văn Lang - Âu Lạc. Xã hội thời ấy chuyển dần từ chế độ mẫu hệ sang phụ hệ, cấu trúc gia đình dần hoàn thiện, các quan hệ tình cảm gia đình được củng cố, có thể thấy qua hoa văn trên mặt trống đồng Đông Sơn với bộ ba cha, mẹ, con. Truyền thống hiếu đạo của thời kỳ này còn được lưu truyền qua các truyền thuyết, thần thoại như sự tích Bánh Chung-Bánh Dày, An Tiêm và quả dưa hấu, Sơn Tinh-Thủy Tinh và Trọng Thủy-My Châu. Như vậy, đạo hiếu của thời kỳ này bắt nguồn từ cuộc sống của nông dân, mang tính dân gian, nó tồn tại trong mọi gia đình mà không có cơ sở lý luận nào cho đến khi người Việt tiếp cận được tư tưởng Nho giáo.

Theo Nho giáo, Hiếu là một khái niệm đạo đức nền tảng, là cái gốc của mọi vấn đề đạo đức, chính trị. Trong xã hội phong kiến Việt Nam luôn lấy chữ hiếu làm chuẩn mực xã hội, làm tiêu chuẩn rèn luyện và đánh giá nhân cách con người, lấy hiếu để buộc người và người. Hiếu vốn là một nội dung quan

trọng của đạo đức gia đình truyền thống Việt Nam, đó là “*nét đầu trong trăm nét*”.

Đạo hiếu hình thành lâu đời trong những phong tục của người Việt như thờ cúng tổ tiên, kính trọng người già, tôn trọng cha mẹ... cho đến khi Nho giáo xâm nhập thì đã thể chế hóa thành những luân lý, đạo đức của xã hội. Thời Lý – Trần, Nho giáo chưa ảnh hưởng nhiều, nhưng sang thời Lê – Nguyễn, Nho giáo trở thành công cụ tư tưởng chi phối xã hội, chú trọng vấn đề gia đình, coi gia đình là cơ sở quan trọng nhất để thiết lập kỷ cương, ổn định trật tự xã hội. Không những thế, chữ Hiếu còn được pháp luật hóa, chính sách hóa. Trong lịch sử pháp luật Việt Nam, đạo hiếu đã sớm được điều chỉnh trong những bộ luật của xã hội phong kiến và vẫn được quy định trong pháp luật hiện nay. Nói đến chữ hiếu trong pháp luật là nói đến quyền và nghĩa vụ của con cháu đối với cha mẹ, ông bà và được chế tài đối với những hành vi vi phạm nghĩa vụ đó theo luật định..

Trong truyền thuyết hay trên cổ tích, người Việt luôn tự hào là thuộc dòng giống con rồng cháu tiên, cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ như là cội nguồn của bậc cha và mẹ mẫu mực, thương yêu và che chở con cái. Câu chuyện nào cũng tán dương, đề cao những người ăn ở hiền lành, sống đúng đạo lý biết ơn cha mẹ và tổ tiên nòi giống. Đó là ý thức về hiếu hạnh, đặt nền tảng gây dựng đạo đức xã hội.

Nguyễn Trãi, vị anh hùng dân tộc vào thế kỷ 15, trong tác phẩm “*Gia huấn ca*” cũng đã đề cao đạo đức luân lý trong

mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội, chữ hiếu được nhấn mạnh hàng đầu.

Với Phật giáo, kinh Nhẫn Nhục có dạy rằng: “*Điều thiện tối cao là chí hiếu, điều ác cực ác là bất hiếu*”. Tinh thần Phật giáo thấm nhuần trong văn hóa của dân tộc Việt, ca dao có câu: “*Dù ai mua bán đâu đâu, cứ rằm tháng bảy mưa Ngâu thì về*”. Rằm tháng Bảy trong ký ức của mọi người là ngày “xá tội vong nhân”, phát tâm làm lành tránh dữ, cúng dường Tam bảo cầu cho gia quyến bình an và nguyện cho hương linh cha mẹ và tổ tiên quá vãng được sanh về cõi an lành. Khi cha mẹ còn hiện tiền thì người con phải làm cho cha mẹ luôn sống trong niềm an lạc, hạnh phúc. Khi cha mẹ đã quá vãng thì người con cần phải tạo nhiều công đức để hồi hướng phần công đức đó đến cha mẹ. Mỗi xã hội, mỗi tôn giáo đều có quan niệm khác nhau về đạo đức, nhưng đều đề cao giá trị văn hóa, đạo đức của hiếu đạo.

Trong văn hóa Việt Nam, đạo hiếu được xem như là một di sản quý báu. Khi Phật giáo xuất hiện ở Việt Nam thì đạo đức dân tộc và đạo đức Phật giáo hòa quyện vào nhau. Do người Việt sẵn có tinh thần yêu chuộng đạo hiếu, với quan điểm làm người ai cũng mang ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Mừng Vu Lan hằng năm là thực hiện một phương thức báo hiếu vốn có từ lâu đời và xem đó như một tín ngưỡng truyền thống. Đây là nét đẹp của đạo hiếu xuyên suốt chiều dài lịch sử vốn có trong nền văn hóa Việt Nam.

N.Đ.T



Nụ cười bí ẩn của tượng Phật đền Bayon (Campuchia)

(Ảnh: Zing.vn)

Bất lập văn tự

BASSUI TOKUSHO

Đệ tử cư sĩ hỏi:

- Bạch thầy, Thiền được mô tả là “*Truyền ngoài kinh sách và không qua văn tự*”, vậy mà lại có nhiều cuộc vấn đáp và tham hỏi về Đạo giữa các thiền sinh và thiền sư hơn cả giáo môn. Như thế thì làm sao có thể nói Thiền là pháp môn “*truyền ngoài kinh sách?*”

Xin thầy giảng câu “*ngoài kinh sách, không qua ngôn ngữ văn tự*” nghĩa chân thực là thế nào?

Thiền sư thốt lên tiếng gọi:

- Cư sĩ!

Ông ta đáp ngay lập tức:

- Dạ.

Thiền sư nói:

- Tiếng “dạ” đó đến từ pháp môn nào?

Ông cư sĩ cúi đầu vái thiền sư. Thiền sư tiếp:

- Khi ông dự định tới đây, là ông tự quyết định. Khi ông định hỏi, là ông tự làm công việc “hỏi” đó. Ông không nhờ đến ai và cũng không cần phải dùng đến giáo pháp của đức Phật để làm chuyện đó. Chính cái “tâm” này chỉ đạo cho bản thân, chính nó là cốt tủy của “*truyền ngoài kinh điển và không qua ngôn từ*”.

Đó chính là tinh túy Thiền của Như Lai. Những lời hùng

biện lan lợi, văn chương lưu loát, phân biệt và hiểu biết cảm thông, đều không tới được bờ mé của Thiền này.

Chỉ có người nào thâm quán nội tâm một cách sâu sắc, không sa vào cái bẫy của chữ nghĩa, cũng không bị những lời dạy của chư Phật, chư Tổ che phủ làm mờ chân tánh, người nào vượt qua con đường độc đạo tiến tới giác ngộ và không để cho sự lan lợi khéo léo trở thành nguyên nhân suy sụp, người đó sẽ, lần đầu tiên trong đời, đạt Đạo.

Ngay từ khởi thủy, tất cả mọi chúng sinh đều vốn đã đầy đủ trọn vẹn và toàn hảo. **Chư Phật và chúng sanh đều vốn bình đẳng là Như Lai tự bản chất.**

Em nhỏ mới sanh vung tay khua chân cũng chính là hoạt dụng tuyệt vời của bản thể tự tánh.

Chim bay, thỏ chạy, mặt trời mọc, vàng trăng lặn, gió thổi, mây trôi, tất cả mọi sự vật hoán chuyển đổi thay đều từ hoạt dụng tánh giác bản thể, mà chúng ta thường gọi là “ý Trời” hay “quyền năng Thượng Đế”. Tánh giác của vũ trụ này không khác tánh giác của từng con người nhỏ bé chúng ta, như bản chất của nước trong đại dương không khác bản chất của nước trong chiếc cốc. Đó là ý chỉ của “Phật tại tâm” hay “Trời trong lòng người”! Tánh giác này không tùy thuộc vào lời dạy của người khác hoặc sức mạnh của ngôn ngữ.

Từ sự hoạt dụng của tánh giác, tức là bản thể của mỗi người, mà tôi đang nói chuyện đây và cũng vậy, các ông đang nghe tôi qua sự huyền diệu của tánh giác các ông đó!

B.T.K.S



ĐẠI THỂ CHÍ BỒ TÁT

Hạ Về Niệm Phật Hồn Nhiên

TRẦN TAM BẢO

*Quên hết những gì trong dĩ vãng
Để rồi ngắm nghĩ chữ Nam Mô*
(Chùa Nhất Nguyên – Tổ Liên Tông)



Mỗi năm cứ độ Hạ về, khi những cánh phượng hồng khoe màu rực thắm, có biết bao nhiêu tuổi học trò rung động nên thơ bởi niềm náo náo đón chào ngày tạm biệt. Nhưng đối với cuộc đời tu học chân phương thì mùa Hạ không phải mùa quyến luyến chia xa, mà tất cả thâm gọi bên nhau: **“Bạn ơi, hãy thức liễm tâm hồn trong mùa tinh tấn”**.

Kinh Đại Tập – Phật Thích Ca huyền ký: **“Đời mạt pháp muôn ức kẻ tu hành nhưng rất ít người đắc Đạo, chỉ nương theo pháp môn Niệm Phật thoát khỏi luân hồi”**. Giờ đây trên nẻo thẳng trăm bất tận khổ đau, chợt hiểu nước mắt

tử thân muôn kiếp đời nhiều hơn nước biển chứa chan tiếp nối chất chồng, phải làm sao tìm được con đường giải thoát vĩnh viễn. Bằng tín tâm sâu dày nguyện hạnh tròn đầy tinh tấn, trì niệm sáu chữ Hồng Danh tha thiết như con thơ gọi Mẹ, nhất định sẽ mở năng lực tự tánh Như Lai, biến Ngũ Trược Thế Gian thành ra Cực Lạc Pháp Giới. Chuyển Kiếp Trược thành Liên Trì Hải Hội, chuyển Kiến Trược thành Vô Lượng Quang, chuyển Phiền Não Trược thành nước Bát Công Đức, chuyển Chúng Sanh Trược thành Hoa Sen Thánh Thai, chuyển Mạng Trược thành Vô Lượng Thọ.

Đừng trần trở cho rằng câu niệm Phật không ưu việt bằng đại dụng Thiền gia, chẳng oai nghi linh hiển như Mật hạnh, không trang nghiêm giới đức hơn Luật tông hoặc chẳng sâu rộng thâm thúy bằng Giáo nghĩa. Cần quán triệt tận tường trong năm môn Thiên – Giáo – Luật – Tịnh – Mật, ở mỗi môn đều dạt dào ẩn chứa bốn môn, diễn hình Tịnh Độ tông:

Nhất tâm bất loạn dứt trừ vọng tưởng chấp trước ấy là Thiên.

Trì niệm miên mật ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh đó là Luật.

Câu Hồng Danh bao trùm vô lượng nghĩa là Giáo.

Sáu chữ Nam Mô A Di Đà tích tụ công năng hay giải nghiệp hàng Ma Chướng là Mật.

Trong đạo tràng hạ thủ công phu có pháp môn tối thắng Niệm Phật Bát Nhã Tam Muội, đức Thích Ca Mâu Ni đã thuyết giảng an cư kiết hạ tại núi Kỳ Xà Quật gần thành Vương Xá,

được kết tập ghi lại trong Kinh Niệm Phật Ba-La-Mật (*Cổ Hòa Thượng Thích Thiên Tâm phiên dịch Hán văn ra Việt ngữ*). Xin được trích đôi phần pháp nhũ, giới thiệu chân thành đến thiện hữu muôn phương. Đức Thế Tôn tuyên thuyết: **“Này Cư sĩ Diệu Nguyệt! Nếu có Thiện nam tử Thiện nữ nơn đầy đủ lòng tín, chỉ cần chuyên nhất tâm tiếng hợp nhau, xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật suốt cả sáu thời trong ngày và giữ gìn trọn đời không thay đổi, thì hiện tiền chiêu cảm y báo chánh báo của Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc. Lúc lâm chung thuận thực cho mười niệm nối tiếp nhau, lập tức vào Phổ Đẳng Tam Muội, được tiếp dẫn về Tây Phương Tịnh Độ, vĩnh kiếp xa lìa đường ác không còn sinh tử luân hồi... Niệm Phật là vua tất cả Pháp... Đây! Môn tu khế hợp mọi căn cơ, đưa hết thầy muôn loài xa lìa nẻo khổ, chúng đắc Niết Bàn tại thế, quyết định thành Phật trong một đời...”**

Lần dò theo thành trạng Cổ Đức còn lưu dấu trong lịch sử Thiên Tông, biệt môn của bậc thượng trí kham lãnh, sự liễu chứng đầu dành cho kẻ hạ căn. Ngay như xuất bất kỳ ngộ ra bỗng tâm mình là gì? Đã lắm nẻo gian nan, hướng chi đến phần thể nhập Vượt Tam Quan Kiến Tánh còn muôn vàn thi vi trắc trở. Lục Tổ Huệ Năng khi được ẩn khả nơi Ngũ Tổ Hoàng Mai đã ẩn vào núi Đại Du Lãnh hơn 16 năm hành trì. Quốc Sư Huệ Trung tự giam mình trong cốc Đẳng Tử ở núi Bạch Nhai gần 40 năm tịnh lặng... Song song một vài gương kiên trì đạt Đạo, còn biết bao nhiêu người vì sơ suất mảy may chấp thành Thiên

bịnh, thậm chí rơi vào đoạn diệt ngoan không.

Trở lại cửa Mật Tông, đạo tràng phải thật trang trọng, ẩn chú tinh thông giới luật cẩn trọng từng nghi tiết, điều tối hệ cần có Minh Sư truyền thừa Quán Đảnh, hướng dẫn quá trình diễn biến tâm linh thuận hành pháp giới.

Riêng Tịnh Độ Non Bồng – chẳng lựa trí ngu sang hèn, chẳng phân biệt gái trai già trẻ, không chọn giàu nghèo tăng tục, không luận huân tập lâu ngày hay tầm học sơ cơ. Tất cả đều có thể niệm Phật, niệm lớn, niệm nhỏ, niệm thâm, niệm niệm tương tục. Thật vì sanh tử phát lòng Bồ đề, lấy tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật. **“Không cần phải chán ghét lìa bỏ thế gian, ngay trong chỗ buộc ràng mà tâm vẫn tự tại, duy nhất là nhờ niệm Phật”**.

Ở trong thời kỳ thuyết pháp Đức Thích Ca cập nhật xuyên suốt nâng cao tiến trình pháp môn Niệm Phật, từ buổi đầu an trú lạc thú hiện tại đến giai đoạn Kiến Tánh Thành Phật. Thế Tôn hoan hỉ giảng tiếp: **“Này cư sĩ Diệu Nguyệt! Nay ta dùng cặp mắt toàn giác quán sát tâm hiện tiền của chúng sanh, nhận rõ bản chất nó là TÂM THỂ. Vốn không hình dáng tướng mạo, không sắc chất dài ngắn, không quá khứ hiện tại vị lai, không lành dữ, không sanh diệt, không phi sanh diệt, luôn luôn xa rời mọi luận giải thế gian...”**

Do vì Tâm Thể duyên chấp như bọt nên chúng sanh luân chuyển ba cõi sáu đường, nếu Tâm Thể thanh tịnh thì thành tựu Giới – Định – Huệ - Giải thoát – Giải thoát tri kiến... Còn danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là Pháp

Thân viên mãn chu biến nhất thiết xứ, là Phật tánh thậm thâm vô úy diệu dụng vô ngại, bất khả thuyết bất khả tán thán chuyển biến vô minh thành giác ngộ... Pháp Niệm Phật là tự tịnh hóa Tâm Thể bằng cách không cho duyên với vọng niệm, lục trần, thức phân biệt. Chỉ đem duyên mãi cùng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Không bao lâu người hành trì tự nhiên thể nhập đến chỗ vắng lặng, rỗng sáng, an lạc (lạc, minh, vô niệm), cảm ứng tương giao nguyện lực thấy mình sanh vào ao thất bảo, thân ngồi trên tòa sen báu... Hiển phát năng lực tánh Không, tỏ ngộ tri kiến Như Lai, siêu tuyệt thẳng vào cảnh giới Thánh Trí Tự Chứng...”

Thế mới biết, câu niệm lục tự Di Đà là giọt nước cành dương trong chánh pháp, dập tắt trọn vẹn lửa sân hận ác dục lồi vào địa ngục, lắng lẽ làm trôi mất tâm tham lam bòn xén bao loài Ngạ Quỷ, tươi mát tâm độn ám ngu si mọi giới Súc Sanh, nhận chìm tâm công cao ngã mạn của hàng A-Tu-La, kích thích nảy mầm hạt giống Bồ đề nơi con người và chư Thiên, tăng trưởng đại trà hạnh quả ở bậc Thanh Văn – Duyên Giác – Bồ Tát.

Câu chuyện thiền sau đây là đề tài thú vị, mọi người cùng tham khảo ngưỡng mộ:

Có khách Tăng đến tham vấn một Lão Đại Sư:

- Thưa Hòa Thượng! Cứu cánh niệm Phật là gì?

Lão Đại Sư từ tốn trả lời:

- Để sanh về nước Phật.

Khách Tăng hỏi tiếp:

- Sanh về nước Phật còn niệm Phật làm gì?

Lão Đại Sư khẳng định:

- Để thành Phật.

- Thành Phật có niệm Phật nữa hay không?

- Vẫn tiếp tục niệm Phật để cúng dường mười phương chư Phật.

Bởi vậy cho nên! Người trì niệm Hồng danh ngoài bốn nguyện vãng sanh, còn phát tâm giúp đỡ muôn loài đang lâm than cơ khổ. Trước tiên, phải trân trọng giữ gìn giới luật, nhẫn nhục kiên cường xông lướt giữa mặt trận não phiền, dù thế nhân cố ý phỉ báng cũng không sờn lòng nản chí. Phải tỏa ngời vô ý lực bền chắc Kim Cang âm thầm chịu đựng, trang trải niềm khoan dung vô vàn rộng lớn, khéo léo dắt dìu mọi người cùng trở lại quê nhà Bình Đẳng Như Lai. Thêm nữa, còn biết kết hợp hài hòa giữa vị tha – dũng cảm, hóa giải những bất công ngõ hầu làm tròn nghĩa vụ công dân và bổn phận của một thành viên đối với cộng đồng xã hội.

Xin chân thành gửi đến một công án để trầm tư:

Đại Sư Ipel (người Nhật Bản) đến tham vấn Hòa thượng Bổn Sư và xin một công án. Hòa thượng cho sáu chữ: NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT. Sau ba năm kiên trì nhập thất Ipel đến trình kiến giải:

Khi tôi trì danh

Không Tôi cũng không Phật

Chỉ có tiếng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Nam Mô là khai thị Vô lượng trí, A Di Đà là thâm nhập Chánh giác trí, Phật là Quang minh phổ chiếu trí.

(Kinh Niệm Phật Ba La Mật)

Ipel bị Hòa thượng đui ra (đây chỉ là giai đoạn bất niệm tự niệm). Sau hai năm nữa miên mật trì niệm Ipel đến trình kiến giải:

Khi tôi trì danh

Không Tôi cũng không Phật

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Hòa thượng mỉm cười chấp nhận (đây là giai đoạn triệt ngộ, tâm thân thế giới là tạng thân A Di Đà Phật).

Qua những năm dài rong ruổi thế gian, tấm thân nhỏ phôi pha cùng bụi gió nhưng lòng này vẫn giữ hoài lời đại thể vãng sanh. Ta chỉ muốn mình mãi mãi là đóa sen bừng nở ngát thơm chôn bùn như không ô nhiễm, mà còn vươn cao hơn nữa để làm lợi lạc muôn loài bằng hương tịnh độ cao cả vô biên.

Ai ơi hãy bước xuống thuyền

Theo nhau về đến tận miền Lạc Bang

Ham chi trần thế gian nan

Cuối cùng một nắm xương tàn cỏ khô.

(Trích trong Kệ Giảng Non Bồng của Tôn Đức Mẫu Trâu)

Sơn Thất – Mùa Tinh Tấn Niệm Phật 2015

Thân Giáo

HENRY NGUYEN

Thuở xưa có một nhà sư sống ẩn dật tại một triền núi được mọi người xem là đạo cao đức trọng. Một hôm, nhà sư phải tiếp một bà lão cùng cậu con trai của bà. Bà lão thưa:

- Bạch sư, thằng bé này mắc phải cái tật là ưa sưu tầm hoa kiểng. Nó đã làm cho tôi tốn hao không biết bao nhiêu là tiền của trong cái thời củi quế gạo châu này. Xin sư làm ơn chữa trị hoặc răn dạy giùm kẻ tội nghiệp cho tôi cùng vợ con nó.

Nhà sư ngẫm nghĩ giây lâu rồi nói:

- Bà hãy dắt nó về, độ nửa tháng sau trở lại tôi sẽ giúp cho.

Bà lão y lời đến ngày hẹn, nhà sư chỉ thốt một câu đơn giản:

- Đó là một thú vui hao tài tốn của, con hãy bỏ đi, để tiền mà thờ mẹ, nuôi con.

Bà lão bất bình:

- Tưởng thầy có phương cách gì, té ra chỉ bao nhiêu lời đó. Thế sao thầy không làm ơn nói dùm ngay bữa trước mà còn hẹn đến hôm nay. Đường sá xa xôi biết là bao !

Nhà sư mỉm cười:

- Chẳng giấu gì bà, tôi cũng mắc phải cái tật như cậu nhà đây. Nửa tháng gia hạn là thời gian tôi thiếu để tôi bỏ cái cố tật

Trần Tình Trước Phật

TRUNG THÚY

*Lòng con luống những ngậm ngùi
Trót đem linh tánh nhuộm mùi trần gian
Thân này đã lỡ vương mang
Khổ này gánh chịu muôn vàn tai ương!
Kiếp này bề khổ trăm luân
Nhọc nhằn lặn lội tìm đường mà đi.*

*Cúi xin Đức Phật từ bi
Giúp con thoát khỏi sân si đời thường
Xa vòng tục lụy trần duyên
Cho con quên những muộn phiền bủa vây
Nguyện theo Chánh pháp Như Lai
Thân tâm hợp nhất có ngày lạc an...*

đó. Nay mọi việc đã xong xuôi, tôi mới dám mở miệng khuyên can cậu em này.

Chàng trai từ đó ăn ở rất vừa lòng mẹ.

Người xưa, có thể chỉ với một câu nói giản dị mà cảm hóa được lòng người là do **thân giáo**. Còn chúng ta nói ra rả suốt ngày mà chẳng ai chịu nghe vì miệng nói một đằng mà hành động một nẻo, chứ không phải tại chúng sanh đời mạt pháp cương cường khó dạy đâu!

“Em Yêu Anh!”

LƯ CHÂU

*Tin nhắn vừa rồi có... lộn không em?
Sai hay đúng, xin làm ơn... nhắc lại
Bị nhầm nhiều, thành ra anh sợ hãi...
Ba chữ thôi mà anh phải đánh vắn.*

*Bởi trước đây cũng đã lộn đôi lần...
Rồi “Xin lỗi! Em nhắn cho người khác...”
Mỗi lần nhầm là một lần tan nát...
Thêm lần này... chắc chết quá em ơi!*

*Sững sờ nhìn những chiếc lá đang rơi
Mơ hay thật mà dòng tin ngắn thế
Nói được lòng mình là điều không dễ
Muốn hỏi em, nhưng lại sợ...em cười!*

*Sự thật lắm khi nghiệt ngã trong đời
Dù lường trước cả những điều xấu nhất
Dòng nước qua cầu bao lần trôi đi mát
Bỏ cây cầu nghiêng bóng nước chơ vơ...*

Bạn Của Má Tôi

NGUYỄN THỊ ÁNH HUỠNH



Chiều đó về thăm nhà, tôi như chết sững khi nghe tiếng má tôi. Hình như má đang nói chuyện với ai đó - qua điện thoại - mà âm thanh vui một cách kỳ lạ lắm! Ai vậy cà? Tôi sững lại, vì từ trước đến nay má tôi đâu bao giờ thư từ hay điện thoại với ai. Má

tôi nào có bạn bè !

Má tôi hơn tôi hai mươi tuổi. Trước khi mình được sinh ra, thời gian là một khối mịt mờ. Ấy mà khi hơi ấm và mùi hương của má truyền qua tôi rồi, thì má với tôi là máu thịt.

Cho nên trong suy nghĩ đã thành lệ của tôi, má đương nhiên là của tôi, là “tài sản” quý báu riêng của chị em chúng tôi, không thuộc về - dù chỉ là một tí tinh thần - của ai cả. Tôi thỏa thuê và tràn ngập hạnh phúc khi má con được sống với

nhau, bện chặt nhau. Ngoài ba tôi ra không hề có chú bác hay mợ dì nào đến nơi mái nhà bé nhỏ này để mà chuyện trò với má tôi đôi câu. Không hề! Quả thật, chưa bao giờ tôi thấy má tôi tụ họp vui chơi với bạn với bè ...

Má tôi là một người phụ nữ Nam bộ phúc hậu, giàu tình cảm và đảm đang. Hằng ngày má tôi dạy ở một trường tiểu học gần nhà. Đồng nghiệp của má tôi thì tôi biết, đó là các cô thầy dạy chung mà khi vô trường má, tôi phải cúi chào lễ phép. Thế thôi chứ không phải bạn thân!

Sáu bảy đứa chị em chúng tôi đổ lên má một trời vất vả. Một núi công việc không tên cho mỗi ngày. Soạn bài, lên lớp. Dạy thêm. Nấu ăn tắm giặt cho con. Làm các loại mứt bánh giao cho người đặt... Có đêm bất ngờ thức giấc tôi thấy má vừa giặt đồ vừa nấu cơm kho cá. Tôi ôm người và khóc. Hai giờ đêm mà má tôi chưa ngủ vì tất bật với những việc của ban ngày!

May mắn thay, ba tôi cũng là một “cộng sự” đắc lực của má tôi. Nhưng nói gì thì nói, muôn đời người mẹ vẫn là nơi chốn “tin cậy” nhất nhất để cuộc sống trút vô đó đủ thứ linh tinh những đòi hỏi, những yêu cầu vô tận!

Nỗi bất hạnh mất mẹ khi chỉ hai tháng tuổi ... đã khiến má tôi thêm khát vô cùng cuộc sống gia đình. Cái tiếng MÁ thiêng liêng trong đời này, người cũng chưa từng được gọi một lần! Cho nên đôi với má tôi, những giờ phút mẹ con quây quần sum họp với nhau “má má con con” là món quà lớn nhất mà tạo hóa còn để lại cho người!

Có lẽ vì vậy mà má tôi không màng đến bạn bè chẳng?

Nhưng còn chúng tôi, có bện chặt với má mãi không? Tôi nghiệm ra, khi lớn lên chính là lúc người ta lạc mất nhau nhiều nhất! Lạc mất, bởi vì tôi cũng có một gia đình. Tôi lu bù với bao việc riêng việc chung. Cái khoảng cách địa lý giữa tôi và má là vạn dặm! Những đứa con mà má vất đi qua hết những nắng mưa cay cực của đời, đang lần lượt bút ra vượt khỏi tay má, để lại nơi mái nhà một khoảng lớn đơn côi!

Và chiều ấy, cuộc nói chuyện riêng của má qua điện thoại khiến tôi biết thêm những điều mà tôi chưa từng biết. Tôi biết má tôi từng được sinh ra trong giàu có nức tiếng, rồi từng khó khổ mồ hôi, từng bán rau ở một góc chợ quê, từng là cô nữ hộ sinh bò qua lằn lửa đạn để đỡ đẻ cho người không quen biết. Tôi biết má tôi từng yêu khi còn rất trẻ và hẹn với ba tôi là sẽ còn gặp lại kiếp sau !

Thì lúc cầm chiếc điện thoại bàn má tôi đang bệnh nặng, đã rệu nhưc hết các khớp xương rồi. Nhưng nét mặt ưu tư thường ngày của người đã dẫn ra. Và kiểu nói rất lạ, rất vui, thanh xuân lắm, hồn nhiên lắm... này tôi mới nghe được lần đầu! *“Hơ hơ ghét lắm lặn... mình mông hà xừ đó... ừm nhớ... đó kiếm được... mình đón, ...”*. Tôi đứng sững nghẹn ngào. Cái cô gái trong má tôi làm tôi tràn nước mắt!

Hóa ra má tôi đó, cũng một thời vui đây, trẻ đẹp, thanh xuân...

Bạn của má tôi là những ai? Ở đâu sao tôi không biết. Một đôi lần người có nhắc về dì Tuyết, dì Dung, cậu Sĩ...nào

- “Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng
Sầu khổ sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.”

- “Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen.”

KINH PHÁP CÚ

đó. Ôi các dì các cậu ơi, các ân nhân ơi hãy đến vui chơi với má con đi... Các cậu dì còn khỏe không hay đã là dĩ vãng ?

Khi cất giấu hết những niềm vui thanh xuân vào ngăn tủ thời gian, má tôi đâu biết sự hy sinh của người là vô hạn, vượt qua sự giới hạn của ngôn từ! Thương má vô cùng mà trái tim tôi không đủ sức mạnh lớn lao để đi cùng má một con đường.

Cõi trần gian này má đi có một mình !

Bây giờ má tôi đang ở chỗ sương mù ...

Mùa Vu Lan này tôi cũng sẽ lên nghĩa trang. Như mọi lần tôi sẽ kính cẩn thắp thêm nhiều nhang cho những ngôi mộ kề cận với lời nguyện xin hãy mến thương và làm bạn tốt với má tôi. Những bạn mới của tôi đó, những người bạn mà lúc sinh thời má tôi chưa biết mặt biết tên!

Giờ thì là bạn bè láng giềng miên viễn!

N.T.A.H



MẸ CON - TRANH S.T.D

Đóa Hồng Trắng Cho Mẹ

LÊ MAI TRINH

Mẹ kính yêu!

Đêm đã khuya... Đã hơn 2 giờ sáng nhưng sao con chẳng ngủ được! Tâm trí cứ miên man... miên man sống trong hoài niệm của những ngày xưa. Từng kỷ niệm, ký ức về Mẹ lại tràn về như một bộ phim quay chậm, lúc ấm áp, hạnh phúc; lúc nhói đau. Trong tim con, nỗi buồn lại khe khẽ tìm về vào những ngày gần lễ Vu Lan. Mẹ ơi, con nhớ Mẹ vô cùng!

Mẹ ra đi đã hơn mười bốn năm. Mười bốn năm trôi qua, con không còn gặp mẹ, là biết bao nhiêu lần nước mắt con lại tuôn rơi từng đêm. Thời gian bay vút vô tình tựa cơn gió, cũng đủ làm thay đổi mọi vật. Nhưng Mẹ ơi, hình ảnh Mẹ không bao giờ phai nhạt trong trái tim con. Hình ảnh Mẹ mãi lung linh sống mãi mãi trong con.

Kể từ ngày Mẹ ra đi, con mất cả niềm vui, con hụt hẫng chơi vui giữa dòng đời xuôi ngược, bước chân cô độc bèo giạt nổi trôi. Mẹ đi rồi con bơ vơ lạc lõng, không biết tỏ cùng ai, một mình với tháng ngày lặng lẽ, nghe cô đơn lạnh buốt chiều sương. Con nhớ Mẹ, nhớ lắm Mẹ ơi! Nhớ một thời bên mẹ, tuổi thơ con hạnh phúc ấm áp, vui sướng được mẹ vương tròn yêu thương, nuông chiều, chăm sóc. Nhớ tuổi thơ con đẹp như

Đời

NGUYỄN LONG XUÂN

*Đời buồn lê bước lên cầu
Đời mang nỗi khổ vương đau chữ tình
Đời ta còn lại một mình
Đời vui ru mãi cuộc tình... mãi ru*

*Đời đời, một kiếp thiên thu
Đời tàn, vay nợ, hận thù, nợ vay!
Đời còn vui thú đêm ngày
Đời pha mặn ngọt, đắng cay môi mềm...*

ánh trăng rằm và con nhớ thật nhiều đôi mắt mẹ bao dung, triu mến, đầy yêu thương, đơm buồn khóc hết nước mắt vì số phận bất hạnh, nửa chừng xuân của con. Mẹ luôn là bàn tay ấm áp, che chở, nâng đỡ khi con vấp ngã. Mẹ là bài học của sự hy sinh vô bờ bến, là nguồn động viên khi con tuyệt vọng. Mẹ ơi, con thương Mẹ. Mẹ là tất cả những gì quý báu nhất của con .

Đêm về khuya, con nhớ Mẹ vô vàn. Con ghen ngào lệ tuôn, viết những dòng này để tưởng nhớ Mẹ yêu thương của con. Mẹ không còn, trên áo con cài bông hoa trắng. Mẹ ơi!!

L.M.T

DANH KHƯƠNG

Hồn Quê

*Đường quê trăm ngã rẽ
Tình quê một lối về
Trời quê chim én lượn
Nắng vàng xanh lũy tre.*

Hoài Cảm

*Khoảng cách bao xa, bao nỗi yêu
Sóng tình hồ hải, bến cô liêu
Hồn mơ ám lại đơm lên má...
Một đóa hồng thơm nở sáng chiều!*

Chánh niệm như trò xiếc

ANDREW OLENDZKI

(M.V.D dịch)



Có hai thầy trò nhà kia làm nghệ sĩ xiếc. Thầy là một người đàn ông góa vợ và học trò là một cô gái nhỏ tên Kathullika. Hai thầy trò đi khắp đó đây trình diễn để kiếm sống. Màn trình diễn thường xuyên của họ là ông thầy đặt một cây tre khá cao trên đỉnh đầu mình, rồi bé gái leo dần lên đầu cây và dừng lại trên đó, để người thầy tiếp tục di chuyển trên mặt đất. Cả hai thầy trò đều phải vận dụng sự tập trung tâm ý đến

một mức độ khá cao để giữ thăng bằng và ngăn chặn tai nạn có thể xảy ra.

Có một hôm thầy nói với học trò:

“Này Kathullika, con hãy giữ gìn cho ta và ta sẽ giữ gìn cho con, chúng ta hãy giữ gìn cho nhau để tránh tai

nạn thì thầy trò mình mới kiếm được tiền lâu dài được.”
Đứa bé gái trả lời:

“Thưa thầy, có lẽ ta nên làm thế này thì đúng hơn: Mỗi người chúng ta nên tự gìn giữ lấy mình, vì giữ gìn lấy mình chính là gìn giữ cho nhau, tránh được tai nạn và thầy trò mình mới kiếm được tiền.”

Đức Phật kể câu chuyện này trong kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya) để ví dụ về sự thực tập chánh niệm của chúng ta. Hình ảnh trò trình diễn đầy nguy hiểm này nói lên được những đặc điểm trong sự thực tập chánh niệm.

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta quen phóng tâm ý của mình ra thế giới chung quanh, nên việc chuyển sự chú ý vào bên trong, cảm giác được sức nặng của bộ đầu trên đôi vai cùng với những cử động tinh tế của các bắp thịt trong cơ thể lúc nào cũng có mặt để giữ cho thân ta được thăng bằng, là một thay đổi lớn. Người nghệ sĩ xiếc cũng giống như một thiền giả, đem ý thức trở về với một tiến trình lúc nào cũng đang xảy ra trong ta nhưng thường bị lãng quên. Quay trở về để ý thức được mình là một bước rất quan trọng, nếu ta thật sự muốn tìm hiểu và học hỏi về chính mình.

Và câu chuyện đức Phật kể cũng cho ta thấy tại sao chúng ta nên quan tâm đến hạnh phúc của chính mình trước khi phê phán hay trách móc những việc làm của người khác. Hình ảnh đức Phật đưa ra trình bày rõ sự thật ấy: Chúng ta không bao giờ có thể kiểm soát sự quân bình của người khác. Và hơn thế nữa, bé gái chỉ có thể giữ được sự quân bình của mình nếu

người thầy mà cô đang đứng trên vai cũng vững vàng và tin cậy được. Nói một cách khác, phương cách hay nhất để vị thầy giữ cho học trò mình khỏi bị tai nạn là quay nhìn lại bên trong và chú ý đến sự thăng bằng của chính ông. Và điều ấy cũng rất đúng với nhiều vấn đề khác trong cuộc đời ta.

Phẩm chất của một sự tương quan được sâu sắc và vững vàng hơn khi mỗi bên biết tự săn sóc chính mình, và điều này lại rất quan trọng khi bên này cần nương tựa và tin cậy vào sự vững chãi của bên kia. Sự sống tự nó là một hành động giữ thăng bằng. Mỗi chúng ta đang đi trên một thân tre cao, cố gắng giữ thăng bằng giữa những cơn gió lay động, đong đưa của cuộc đời. Giữ cho mình được an toàn đã là một chuyện khó, đừng nói chi đến việc còn phải lo cho những ai đang đứng trên vai của mình!

Chánh niệm là một phương tiện giúp ta thực hiện được việc ấy: quay lại nhìn vào bên trong, giữ thăng bằng và an trú nơi một điểm trọng tâm tĩnh lặng làm gốc rễ quân bình cho tất cả. Phẩm chất của năng lượng chánh niệm trong giờ phút hiện tại - thân tre mà chúng ta đang đứng - có thể là yên tĩnh, vững vàng, và bất động. Lúc ấy, sự an toàn của ta và những người nương tựa vào ta sẽ vô cùng bảo đảm. Và ngược lại thì cho dù ta có trách móc, phê bình hay chỉ trích kẻ khác bao nhiêu, điều đó cũng sẽ không khôi phục lại cho ta một sự quân bình nào hết.

Cũng có thể có người hiểu lầm và cho rằng sự thực tập này là ích kỷ. Nhưng nói như vậy là ta quên rằng đức Phật

cũng có nhân mạnh về sự liên hệ mật thiết giữa ta và người khác. Người thầy cố gắng giữ sẽ thăng bằng của mình là vì muốn bảo vệ cho người học trò của chính mình. Lúc đầu, ông ta đề nghị rằng mình sẽ lo cho sự thăng bằng của người học trò, đó là một biểu hiện của tình thương, nhưng tình thương ấy phải được soi sáng bằng tuệ giác. Cũng như một người đang bị lún sâu trong bùn lầy thì làm sao có thể giúp được ai khác nữa? Anh ta phải tự mình thoát ra và đứng trên mặt đất vững chắc trước đã. Khả năng giúp đỡ người khác của ta hoàn toàn tùy thuộc vào sự vững vàng và quân bình của chính mình.

Khi ta hộ trì cho chính ta là ta đang hộ trì cho người khác. Khi ta hộ trì cho người khác là ta đang hộ trì cho chính ta. Bằng cách thực tập chánh niệm và làm cho nó được tăng trưởng. Và thế nào là trong khi hộ trì cho người khác là ta hộ trì cho mình? Bằng cách nhẫn nại, bất hại và tình thương. Bạn có nhận thấy ranh giới giữa mình và người khác đã biến mất không? Khi ta nhẫn nại và có tình thương đối với người khác là ta đang ban rải tâm từ đến chính mình. Thật vậy, giúp đỡ người khác là một phương pháp nhiệm mầu nhất để săn sóc cho hạnh phúc của chính ta, cũng như khi ta gây hại cho người khác là một cách gián tiếp gây hại cho chính mình.

Theo giáo lý của đức Phật thì mọi hành động - Karma - của ta đều dựa trên tác ý của mình, nó không chỉ ảnh hưởng đến thế giới “bên ngoài” mà còn tác động đến chính con người và tâm tánh của ta. Những gì ta nghĩ, ta nói, ta làm sẽ định hướng và làm thành con người của mình, và rồi ta lại tạo dựng

Minh Khúc

NGUYỄN TẤT NHIÊN

*Bây giờ em đã xa tôi
Hay là sông núi xa đời lãng du
Bây giờ đêm đã nghìn thu
Hay là nhật nguyệt thôi bù đắp nhau
Bây giờ tình đã chai đau
Hay là cây cỏ bạc đầu tuyết sương
Bây giờ ảnh đã lia gương
Hay hoa vụn thọ trong lòng thu đông ?
Bây giờ chín khúc Cửu Long
Hay sông vẫn một dòng trăng không là...
Bây giờ mây của hôm qua
Tiếng con quạ khản kêu ca một mình
Sương hoàng hôn đẹp bình minh
Nắng ban mai mới tinh trên nắm cỏ
Á à lệ vẫn chưa khô
A ha trời đất mơ hồ, hay tôi?*

và ảnh hưởng đến thế giới chung quanh qua những phẩm chất ý thức và sự hiểu biết sâu sắc của chính ta. Quay lại nhìn vào bên trong một cách cẩn trọng và thường xuyên, và giữ một thăng bằng. Tất cả đều tùy thuộc vào sự thực tập chánh niệm ấy của ta.

A. O.

Người góa phụ và ông lái đò

Một người góa phụ ở bên bờ sông với mong muốn tìm đến



cái chết, may mắn được ông lái đò đi ngang qua cứu vớt. Ông lái đò hỏi người góa phụ: “*Tại sao lại muốn tìm đến cái chết?*”, người góa phụ nói: “*Bởi vì chồng của tôi đột ngột chết nên tôi cũng không thể sống nổi nữa.*”

Ông lái đò hỏi: “*Cô kết hôn được bao lâu rồi?*”

Người góa phụ trả lời: “*Được 3 năm.*” Ông lái đò lại hỏi: “*Lúc chưa kết hôn, cô làm nghề gì?*”. Người góa phụ trả

lời: “*Tôi làm nghề nhuộm vải trong thôn.*”. Ông lái đò lại hỏi: “*Khi ấy cuộc sống của cô thế nào?*”. Người góa phụ trả lời: “*Cũng hài lòng.*” Người lái đò lại hỏi: “*Lúc đó cô chưa có chồng, tại sao cũng sống được tiếp vậy?*”

Người góa phụ bật cười.

Ông lái đò nói: “*Hãy tìm về chính bản thân mình khi chưa kết hôn đi, lúc đó cô có một mình, chẳng phải cũng vẫn cảm thấy hạnh phúc sao?*”

Ông chủ khách sạn và kẻ lang thang

Ông chủ khách sạn phát hiện có một kẻ lang thang ngày nào cũng ngồi bất động ở ghế đá công viên mà nhìn chăm chăm vào khách sạn của mình, ông cảm thấy rất tò mò. Một hôm, ông chủ khách sạn không thể nhịn được nữa, thế là ông đi đến chỗ kẻ lang thang và hỏi: *“Xin lỗi, anh bạn, tôi muốn hỏi anh một chút, tại sao ngày nào anh cũng nhìn chăm chăm vào khách sạn của tôi vậy?”*

Kẻ lang thang nói: *“Bởi vì cái khách sạn này quá đẹp! Mặc dù tôi chỉ có hai bàn tay trắng và ngủ trên ghế đá, nhưng mỗi ngày tôi đều nhìn nó như vậy, đến tối sẽ mơ thấy mình được ngủ ở trong đó”*. Ông chủ khách sạn sau khi nghe xong thấy rất đặc ý, liền nói: *“Anh bạn, đêm nay tôi sẽ cho anh được miễn ngủ, anh có thể ở miễn phí tại phòng tốt nhất của khách sạn trong một tháng”*.

Sau một tuần lễ, ông chủ khách sạn trở lại và muốn xem tình hình của kẻ lang thang thế nào, thì phát hiện người này rõ ràng là đã chuyển khỏi khách sạn rồi và trở lại ghế đá của công viên.

Ông chủ khách sạn hỏi kẻ lang thang: *“Rốt cuộc thì đã xảy ra chuyện gì?”*

Kẻ lang thang nói: *“Lúc trước tôi ngủ trên ghế đá, mơ thấy được ở trong khách sạn, nên thấy rất vui vẻ, thế nhưng khi ngủ trong khách sạn, tôi lại thường mơ thấy mình trở lại với chiếc ghế đá cứng nhắc đó. Thật là đáng sợ, cho nên, tôi không thể chịu đựng được nữa!”*

Ông chủ khách sạn nghe xong liền phá lên cười và nói: *“Thì ra, đôi khi không có cũng khổ mà có cũng khổ!”*

H.G (st)

Bài Thơ Nhớ Mẹ

HOÀI HUYỀN THANH

*Gánh hàng rong neo dài con phố nhỏ
Mưa lâm thâm thắt thểu dáng mẹ gầy
Ế ẩm chợ đời gió rét chiều nay
Com rượu nếp các con ăn đỡ dạ.
 Nhường tất cả đem ba con chạy trốn
 Mưa gió dập vùi dòng đời thiên kim
 Cô gái tá điền xinh đẹp ngoan hiền
 Đời lâm lữ mẹ chạnh lòng thương cảm.
Dẫn các con đi hai bàn tay trắng
Ba mươi tuổi đời lao碌 lao tâm
Lặng lẽ bên thêm người mẹ đơn thân
Dạy chúng con lòng bao dung nhân ái
 Sống là yêu thương không mang thù hận
 Con cô tá điền là các em con
 Mẹ ơi mẹ! Ba mươi năm lận đận
 Chúng con hai dòng gộp một tình thân
Không còn mẹ nhiều đêm mưa thức trắng
Thương nhớ mẹ hiền nước mắt tuôn rơi
Nốt nhạc cuộc đời mẹ xin dấu lặng!
Hạnh phúc cho người thương quá mẹ tôi!!!*

Vâng Lời Má

(truyện ngắn)

PHAN THÀNH DANH



Chuyện xảy ra cũng khá lâu rồi. Vào năm 1978, nghĩa là cách nay cũng đã 37 năm. Vậy mà tôi vẫn nhớ như in...

Chiều hôm đó, tôi lái Honda chạy chậm trên quốc lộ 13, ven một cánh đồng. Mặt trời đã

chuyển thành màu đỏ hồng phía chân trời tây. Gió nhẹ thổi từng cơn trên đám cỏ lau chuyển động như những cơn sóng màu xanh đến tận chân trời. Mẹ tôi bảo tạm dừng lại bên vệ đường để ngắm và đón gió. Bà ngắm những tia nắng yếu ớt chiếu qua các đám mây ửng màu vàng nhạt, đằng sau là mặt trời lấp ló như viên hồng ngọc và nói:

- Thật là tuyệt đẹp! Hồi xưa lúc má còn nhỏ, ba của con đã nói đùa với với má là ông trời nấu cơm, nhưng có lẽ không lâu nữa má sẽ không còn nhìn được cảnh này con ơi!

Tôi cảm thấy nghẹn ngào muốn dâng lên đôi mắt. An ủi mẹ, tôi nói:

- Bà ngoại đã sống được 92 tuổi rồi vẫn còn sỏi, má mới bảy mươi mà... Con sẽ chở má hai mươi năm nữa để ngắm trời chiều.

- Con ơi, ngoại của con là bà già xưa có tuổi thọ di truyền bên ngoại của má nên được tuổi cao như vậy. Còn má biết sức khỏe của mình rồi, má buồn khi chẳng may qua đời mà chưa lo xong hết chuyện nhà. Ông ngoại và ba của con trước khi mất giao cho má tiếp tục phụng dưỡng bà ngoại đến trăm tuổi. Má lại đau bệnh như vậy làm sao đủ sức chăm nom, phần nhà mình nghèo lại còn mang tiếng cổ xưa khó tánh nên không ai dám làm dâu...

Khi đó, tôi đã thấy có cái gì đó bất ổn nên nói:

- Má đừng lo nghĩ nhiều, má nên nghỉ may cho khỏe. Con tuy đi dạy, lương thầy giáo không đủ sống thì nghỉ ở nhà thay má trông coi tiệm may. Mấy anh chị tuy ở riêng nhưng cũng chung góp chăm lo

Mẹ tôi chỉ vào đôi hoa tai đang đeo lấp lánh như sao dưới ánh sáng yếu ớt buổi hoàng hôn, bà nói thẳng vào vấn đề:

- Má muốn nói riêng đến con đó, má còn đôi bông này, má muốn có dâu và cháu nội!

Tôi hốt hoảng trả lời:

- Không được đâu má à! Má dùng đôi bông này để lo việc đau ốm của má và bà ngoại, chuyện của con để con tự lo. Còn cháu nội thì má cứ bắt đại một đứa con của mấy anh em đã ra riêng về nhà cũ con trông giữ luôn.

Mẹ tôi nghiêm giọng:

- Không được ! Má muốn con phải cưới vợ, con gần 30 tuổi rồi, đâu còn tung hoành gì nữa! Con kiếm vợ làm cô giáo hay thợ may hoặc ngành gì tạm đủ sống cũng được. Trước mắt, có mấy đứa học trò nghề của má đang dạy nè. Má đã ngầm tuyển từ các gia đình hiền đức lại còn siêng năng chăm chỉ làm ăn. Má đã nhằm tính tuổi mấy đứa nó rồi, đứa nào cũng tốt và hợp với tuổi của con, con chọn một đứa đi!

- Con cũng đã tính rồi má. Tuy không khắc nhưng không bền, lá số của con phải mười năm nữa mới đến vận hảo.

Mẹ tôi đổi thái độ và ra lệnh:

- Việc con nhỏ Tây lai đó lâu quá rồi thì mày không được chờ nữa. Nó ở bên Tây sung sướng quá mà! Đòi nào nó quay về cái nước nghèo khổ này! Từ nay đến cuối năm, mày phải trả lời dứt khoát cho tao và bà ngoại là chọn đứa nào. Tao cũng gần theo ông rồi, để tao lo cho xong chuyện trước khi nhắm mắt!

Trời đất, trẻ trung đẹp trai như tôi mà cưới vợ rồi thì còn giá trị chi mà “*cua ghế, cua ghệ*”? Làm thầy giáo lại kiêm thợ may và lại là con chủ tiệm may được chi cục thuế xếp loại “đại bang” trong thời buổi kinh tế xếp hàng chết người... là sang lắm đấy! Tiền không nhiều nhưng có lai rai xài tạm đủ cà phê, thuốc lá “Hoa Mai, Nông Nghiệp, Đà Lạt, Apsara”... và đủ sửa xe đạp. Nhiều cô thầm mơ trộm nhớ. Bây giờ bà già bắt cưới vợ là tiêu! Tuy nhiên, nhà tôi vốn còn rơi rớt “phong kiến” nên tôi đâu dám cãi “lệnh”; có điều là cố làm sao kéo dài thêm ít năm biết đâu thành công chăng? Thế là má tôi cho thời

hạn một năm để chọn lựa. Nghe rồi bời bời!!

* * *

Mỗi ngày đi dạy học về đến nhà, tôi phải vào phiên trực ngồi máy viết số cạnh cửa chính đón khách hàng, ghi biên nhận tạm trong khi chờ đợi. Riêng có một cô khách tên Cúc, tôi không ghi tên mà vẽ ước lệ một chiếc hoa cúc vào biên nhận. Việc này mà xảy ra có sự: Một bữa nhằm lúc trời mưa vừa tạnh, sân gạch tàu còn trơn trượt, Cúc đến lấy hàng giao, nhưng cô ta trượt té nhủi cái “ạch” vào người tôi. Không biết tôi có cái phản xạ gì kỳ cục lại ôm cô ta khỏi té nhào xuống đất! Tôi đỡ cô ta và nói:

- Úi chà! May dữ hông! Chắc duyên trời... Hi hi...

Cả tiệm nhà và đám học trò nghề của bà già xúm nhau cười bể bụng. Mặt đỏ rần, Cúc lật đật đứng dậy, xách xe đạp chạy tuốt một nước về nhà. Lát sau, “đệ tử” của Cúc đến nhận hàng giao. Tôi nhét vào đó một tờ giấy vụn có ghi một hàng chữ nhỏ: “Anh chở má qua nhà méc ba cho mà coi!”. Dần dần cũng theo chiêu thức này mà lời nhắn, ảnh vẽ phác thảo qua lại trong gói hàng giao nhận trong một tuần như sau:

- Đố anh dám! (có vẽ thêm chiếc môi)

- Mời em xoi trầu.(có vẽ thêm cái khay có nhọn và cặp rọu)

- Không lời. (có vẽ hai trái cau)

Dần dần có thời gian, ảnh vẽ công phu hơn một chút. Nhiều tờ giấy nhỏ luân phiên qua lại. Có lúc gặp “đệ tử” Cúc qua giao hàng, tôi hỏi:

- “Sur phụ” của em bữa nay có nhắn gì hông ?

- Dạ, nếu có em nói liền cho anh biết mà! Mấy bữa nay chỉ vẽ đi vẽ lại cái gì đó rồi xé bỏ vẽ cái khác hoài hà! Còn lúc anh không có nhà, em đem hàng vắt sổ về nói với chỉ là anh ở trường! Chỉ hồng tin, chỉ mở bung đồ ra giũ túi bụi xem có tờ giấy nào của anh không đó. Hiiiiii...

Tối, vắng khách khứa, má tôi nói:

- Mày nên tiến tới luôn đi. Tao thấy giống như duyên trời, được lắm đó. Mày hỏi thẳng đi, nếu nó đồng ý, tao sẽ qua nhà gặp ba của nó tính chuyện cho xong.

- Ôi trời, gì mà gấp quá vậy, má để từ từ cho con mà...

- Từ từ? Hừ! Mày cứ hẹn lần hẹn lựa hoài! Đến giờ mấy đứa bạn học của mày đứa nào cũng có con nay đã bập bẹ nói thành câu rồi. Tao muốn có một đứa cháu nội để cưng!

-Thì con đã nói rồi, má cứ bắt đại đứa cháu nào về ở chung mà cưng.

- Không, tao muốn là con của mày !

Thế là tôi quyết định tấn công luôn bằng phương pháp cũ. Tôi vẽ tỉ mỉ hơn và nhét vào gói hàng giao cho Cúc. Đồng thời tôi cũng nhận được những mảnh giấy nhỏ vẽ kèm lời nhắn, tuy không khéo bằng nhưng tạm xem là có khả quan như sau:

- Không lời. (chiếc áo dài nam và chiếc khăn đóng)

- Không lời. (quả cau bỏ đôi để lên trên lá trầu)

- Không lời. (02 chiếc nhẫn)

- Mời anh qua nhà. (một mặt trăng và số 8 kẻ bên)

- Ừa! (một đôi môi đang cười)

Bóng

Dài tay đếm mãi ngàn sao lạ

Cánh mỏng, sao mờ, ta với ta

Bóng đổ, đơn côì chùng hóa đá!

Trăng rơi, trăng vỡ, giọt sao sa...

YÊN SA

Tôi đoán là chiều tối hôm đó, lúc 8 giờ (vì đã qua ngày rằm), tôi mặc quần áo tươm tất đạp xe qua nhà Cúc, dự định mời ra quán ăn chè. Đoạn hẻm từ đường vào nhà Cúc khoảng 50 mét tối thui vì phải qua khu vườn chôm chôm, lại có thêm đường mương bên rào. Nhìn sâu vào xa xa thấy dáng Cúc đang chong đèn ngồi chờ trước sân lớn. Xe đạp vào thời điểm đó không có trang bị đèn. Hẻm thì nhỏ, đường lại trơn trượt tối thui, tôi không quen địa hình nên bị trượt bánh đảo xe và tôi chỉ kịp kêu lên: Áh... (!!)... Rồi rớt cái... ầm... xuống mương.

Bên trong sân nhà, Cúc và mấy đứa em vừa gọi vừa xách đèn chạy ra :

- Ôi... anh Sáu phải hông?... Trời đất ơi!... Sao hông kêu trước?

Tôi “quê xệ”, lồm cồm vác xe lên khỏi mương, mình mẩy đầy sinh, miệng thở ề... ề..., nói:

-Thiệt là “xúi quẩy”, anh về thay đồ! Hẹn bữa khác! Coi như một điều (01-01), nghen em!!

P.T.D

HIẾU TỬ

Đức Phật lại bảo các vị Tỳ-khưu: “Này các Tỳ-khưu, cần phải thực hành hiếu đạo: Cha mẹ ngu tối, không kính Tam Bảo; hung ngược, tàn ác, lạm trộm phi lý, dâm dật ngoại sắc, nói dối phi đạo, say sưa hoang loạn, trái lẽ chân chính, hung nghiệt như thế, con hết lòng can, để khai ngộ Người.

Nếu còn mê muội, chưa biết tỉnh ngộ, liền đem nhân nghĩa, khai hóa dần dần; hoặc dẫn Người xem lao ngục nhà vua, dẫn giải thí dụ về những hình phạt của những tù nhân, thưa cha mẹ rằng: “Những tù nhân này không theo pháp luật, nên thân phải bị mọi sự khổ độc, tự mình vùi lầy, mất thân mệnh mình. Mệnh mất, Thần đi, giam vào Thái sơn chịu tội nước, lửa, muôn thứ khổ độc, một mình kêu gào, không ai cứu vớt, vì theo làm ác, phải trọng tội ấy”.

Ví dụ chưa chuyển, khóc lóc kêu van, tuyệt không ăn uống. Hành động như thế, Người tuy chẳng minh, nhưng hẳn đau xót, vì tình thương mến, sợ con mình chết, sẽ gượng nhẫn nhục, nén lòng sùng đạo...

(Trích Kinh Hiếu)

Đợi

LÊ HÀ THẮNG

*Con ngồi đợi gió chiều lay
Đề cao thêm cánh diều bay lưng trời
Mẹ thì đợi chút nắng ngời
Cho xanh luống cải cho tươi nụ cà.*

*Bâng khuâng con đợi đường xa
Ước ao được một gói quà mẹ trao
Mẹ còn buổi chợ chênh chao
Hắt hiu đợi khách lời chào ử ê.*

*Ngây thơ con đợi ngày hè
Rong chơi khắp phố cùng quê thỏa lòng
Nhọc nhằn mẹ đợi bến sông
Xuống đò ngang chạy con giông bất ngờ.*

*Con giờ tóc ngả màu tơ
Còn đâu chiều đợi trưa chờ mẹ thương
Mẹ giờ lạc chốn mù sương
Linh thiêng đợi dịp khói hương tìm về.*

*Mẹ là bóng mát chở che
Cho con lớn giữa bộn bề... mẹ ơi!*

8 lần nói dối của Mẹ

HƯƠNG LAN (st)

Câu chuyện bắt đầu khi tôi còn là một đứa bé trai và được sinh ra trong một gia đình nghèo, thậm chí đến những bữa ăn còn không đủ. Tới bữa, khi không đủ cơm ăn, mẹ thường lấy ở chén của mình rồi chia đều cho các con.

Mẹ bảo: “*Các con, ăn nhanh đi, mẹ không đói!*” - **Lần nói dối đầu tiên của mẹ.**

Khi tôi lớn dần lên, mẹ tranh thủ những ngày nghỉ cuối tuần đến đầm hồ gần nhà bắt thêm ít cá làm bữa ăn. Món canh cá của mẹ thật ngon. Khi anh em tôi xì xụp ăn, mẹ ngồi bên cạnh nhìn chúng tôi cười, rồi ăn những phần thịt còn sót lại trong miếng đầu cá mà chúng tôi chê bỏ ra. Thấy vậy, tôi liền lấy chút cá để vào bát mẹ nói “Mẹ ăn đi”. Nhưng ngay lập tức mẹ từ chối và bảo: “*Con cứ ăn đi, mẹ chỉ thích ăn đầu cá thôi*”. Tôi ngây thơ tin rằng mẹ nói thật cho đến mãi sau này. - **Lần thứ hai mẹ nói dối!**

Khi lên cấp 2, để nộp đủ tiền học phí cho anh chị em tôi, mẹ phải đến một xưởng nghề nhận vỏ hộp diêm về nhà ngồi cặm cụi mà dán vào mỗi tối. Việc này có thể giúp mẹ trang trải thêm một chút cho việc học của chúng tôi. Vào một tối đông, nửa đêm tôi tỉnh giấc, thấy mẹ vẫn còng lưng dán vỏ bao diêm bên cạnh chiếc đèn dầu nhọt nhọt. Tôi nói: “Mẹ à, mẹ đi ngủ

thôi, sáng ngày mai mẹ còn phải đi làm nữa mà”.

Mẹ chỉ cười: “*Con cứ ngủ đi, mẹ bị mất ngủ nên không buồn ngủ*” - **Mẹ đã lần thứ ba nói dối**

Ngày tôi thi vào Trung học, mẹ xin nghỉ làm để có thể chăm sóc tôi tốt hơn. Đúng vào mùa hạ, trời nắng như đổ lửa, mẹ mong ngóng từng khắc phía ngoài phòng thi. Tiếng chuông hết giờ đổ vang. Mẹ dang rộng cánh tay ôm đứa con trai bé nhỏ, trong tay mẹ là bình trà pha sẵn mẹ đã ướp hoa từ độ tuần trước. Nhìn thấy bờ môi khô nẻ và khuôn mặt lấp lánh mồ hôi của mẹ, tôi liền đưa bình trà nhỏ bằng thủy tinh nhỏ trong suốt, một trong những thứ tài sản quý giá nhất trong nhà, bảo mẹ cũng uống đi.

Mẹ bảo: “*Uống đi con. Mẹ không khát*” - **Lần thứ tư mẹ nói dối!**

Sau khi cha lâm bệnh qua đời, mẹ vừa làm mẹ vừa làm cha. Vất vả với chút thu nhập ít ỏi từ nghề chính, mẹ phải tự lo các chi phí trong nhà một mình. Cuộc sống của gia đình chúng tôi trở nên phức tạp hơn, không có ngày nào được bình yên. Nhìn thấy điều kiện gia đình tôi ngày một khó khăn, một người chú họ sống gần đó đã tới giúp chúng tôi, từ việc lớn cho đến những chuyện nhỏ. Những người hàng xóm quanh đó khi nhìn thấy cảnh không may của gia đình tôi họ đều khuyên mẹ hãy tái hôn. Nhưng mẹ tôi - một người cứng rắn, bà không quan tâm tới lời khuyên của mọi người.

Mẹ nói: “*Mẹ không cần tình yêu, chỉ cần các con thôi*” - **Mẹ nói dối lần thứ năm!**

Sau khi anh, chị tôi tốt nghiệp và đi làm. Mẹ nghỉ hưu rồi nhưng vẫn tiếp tục làm những việc lặt vặt ở chợ, nhưng một thân một mình, cũng có tuổi, mẹ mắt đã kém, chân tay cũng còn dẻo dai như trước, việc cũng dần ít đi. Các con biết chuyện thường xuyên gửi tiền về để phụng dưỡng mẹ. Mẹ kiên quyết không nhận, tất cả tiền con gửi về mẹ đều gửi trả.

Mẹ bảo: *“Các con mới ra đời, cần nhiều khoản chi tiêu. Mà mẹ bây giờ tháng đi chợ cũng có thiếu gì tiền cả. Cứ cầm lấy”* - **lần thứ sáu mẹ nói dối!**

Còn tôi ở lại trường dạy hai năm, sau đó thi đỗ học bổng học Thạc sĩ ở một đại học danh tiếng của Mỹ. Sau khi tốt nghiệp tôi ở lại làm việc tại một công ty chuyên về nghiên cứu. Khi đã có chút điều kiện, tôi muốn đưa mẹ qua Mỹ sống để phụng dưỡng. Nhưng mẹ không muốn làm phiền tới con trai mình, mẹ nói:

“Mẹ sống ở đây quen rồi. Mẹ không muốn đi đâu cả” - **Mẹ lại một lần nữa nói dối!**

Nhiều năm trôi qua, mẹ lâm trọng bệnh, phải vào viện điều trị. Khi tôi đáp máy bay từ nơi xa xôi về thăm mẹ, mẹ đã già và tôi đau đớn vì thương xót mẹ. Mẹ mở mắt, cố gượng thều thào bảo:

“Con đừng lo, mẹ chẳng đau chút nào đâu con...” - **Và đây là lần nói dối cuối cùng của mẹ.**

Sau lời nói dối thứ tám đó, mẹ tôi đã nhắm mắt ra đi mãi...

H.L

Vu Lan Nhớ Mẹ

THUẬN BÌNH

*Trăng tháng bảy về... sao không thấy vội!
Chờ trăng xưa, hay ta nhớ Mẹ hiền?
Thả vãn thơ qua tất cả mọi miền
Vãn vương vãn bài ca dao năm ấy.*

*Bị đòn roi ngày nào đau biết mấy
Vãn chưa bằng ngày vắng Mẹ mà... đau
Những đêm về không có Mẹ bóng sau
Lòng khắc khoải nhớ những chiều mưa đổ.*

*Đêm nguyện cầu Mẹ siêu sanh Tịnh Độ
Khép trần tâm con mở rộng cửa thiên
Câu Di Đà vào giấc ngủ cô miên
Ngày Tục Đẽ coi như là cõi tạm.*

*Gió mây kia ta gọi hồn vạn dặm
Quyện nhàn sen con dâng Mẹ hôm nay
Những buổi chiều khi bóng Mẹ nhạt phai...
Trong hoài niệm con vẫn mong tìm kiếm.*

Vu Lan, E-mail Cho Má

Dâng tặng Má () kính yêu!*

H U Y Ñ N H Đ Ứ C T Ú

Má kính yêu của con!

Mùa Vu Lan lại về, mùa của những đóa hoa hồng đỏ, trắng được nở trên ngực áo của những người con hiếu thảo với đấng sinh thành. Con thật may mắn vì đóa hoa hồng màu đỏ luôn nở thắm trên ngực áo của mình, một niềm hạnh phúc vô bờ xen lẫn chút tự hào và hãnh diện trong con khi còn có Má. Má ơi!...Má luôn là điểm tựa cho anh, chị, em chúng con mỗi khi chúng con vấp ngã, rất muốn được tìm về trong vòng tay yêu thương, chở che của Má.

Đã gần bước sang tuổi bát tuần, gần tám mươi năm qua, Má đã từng trải qua hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong chiến tranh, cái chết luôn luôn chực chờ và sự sống luôn bị đe dọa. Má đã vượt qua bao nhiêu khó khăn, khổ nhọc để đùm bọc anh, chị, em chúng con mỗi khi có bom rơi đạn nổ, chiếc trảng-xê (tranchées) của ông bà nội không đủ chỗ cho Má con mình trú ẩn đạn bom, nhưng nó đã ghi vào trong ký ức tuổi thơ con tình mẫu tử thật thiêng liêng vô bờ bến cho đến tận bây giờ. Làm sao con quên được miếng bom đã ghim sâu vào trong cánh tay của Má, khi Má che chở cho chị con thoát đạn, lúc ấy, chị mới vừa hai tháng tuổi. Má đã quên rằng máu trên cánh tay mình đang tuôn chảy, quên hết sự đau đớn trên da thịt mình chỉ vì thương yêu và lo lắng cho

các con.

Cả thầy anh chị em chúng con bầy đứa, đã nheo nhóc lớn lên trong tình yêu thương của Má, chúng con lớn lên trong sự tảo tần sớm khuya của Má, Má chẳng nề hà khó nhọc, vất vả lặn lội ngược xuôi mua từng thúng thóc, bán từng thúng gạo, lúc rảnh thì Má lại cắt may kiếm đồng tiền mua mớ rau, con cá... cho chúng con có cái ăn, cái mặc, được cấp sách đến trường... Kể sao cho hết, khi chúng con lớn lên, đứa đi lập nghiệp xa quê, đứa theo chồng, đứa lấy vợ, con thì theo học tại trường Mỹ thuật.... Chỉ còn một mình Má trong ngôi nhà chất chứa biết bao nhiêu kỷ niệm. Má chất chiu từng đồng, dành dụm để cho con sau mỗi học kỳ...(!)... Nỗi lo cơm, áo, gạo, tiền đã làm dáng Má liêu xiêu, Má chống chọi để không mất thăng bằng bên chiếc xe đạp cũ kỹ, vì trên đó là những bao gạo, bao cám... nặng hàng trăm ký lô, Má phải một mình vất vả đẩy ra chợ bán cho kịp phiên chiều. Má quên rằng bụng Má vẫn chưa có được bữa trưa, nắng cứ oi bức, áo Má ướt đẫm mồ hôi vì chiếc nón lá xười trên đầu Má không che được hết cơn nắng quái. Vậy mà, Má còn phải gánh chịu những trận đòn không khoan nhượng từ Ba con. Còn xót xa nào hơn khi nhìn lại những vết sẹo trên đầu của Má mà Ba con đã gây nên, Má đã từng đổ máu biết bao nhiêu lần, Má từng chịu đựng nhiều đòn đau, tủi hờn cũng vì tình Má dành cho các con, thật bao la biết mấy!... Con đã nợ Má nhiều lắm Má yêu ơi! Món nợ ấy cả cuộc đời này con trả cũng chưa xong... Công ơn **chín chữ cù lao** (***) con nguyện ghi tạc trong lòng, biết đến khi nào con mới báo đáp được ân sâu. Má ơi!.. Con thương Má nhiều lắm!

Giờ đây, chúng con đã lớn khôn và Má không còn trẻ nữa, con thương Má vì bao nhiêu nhọc nhằn, lo toan Má chỉ gánh chịu cho riêng mình. Những tháng năm với quá nhiều cơ cực Má phải vương mang nay đã qua rồi, những tháng năm ấy như tô đẹp thêm chiếc áo tràng màu lam hôm nay của Má, Má vẫn thường hay mặc mỗi ngày, lúc lên chùa lễ Phật làm công quả, khi thì Má đi từ thiện ở nhiều nơi như: Bến Tre, Đồng Tháp, Châu Đốc, An Giang, Cà Mau... Có khi Má theo đoàn từ thiện đi tận Đà Lạt, Đà Nẵng, Quảng Trị xa xôi... Về đến nhà Má lại gói bánh chay, nấu chè trôi nước dâng lên cúng chùa vào những ngày rằm hoặc ba mươi, mồng một... Con hiểu, đó cũng là niềm vui của Má có được đang lúc tuổi già! Hình ảnh Má sẽ luôn đẹp mãi trong tim con, Má ơi!

Mong sao Má của con luôn khỏe mạnh, hạnh phúc miên trường cùng với chúng con. Con một lòng thành tâm hướng về chánh pháp, cầu xin ân đức cao dày của đức Như Lai cho Má được sống vui, sống khỏe bên các con và dâu, rể, nội, ngoại tôn, cháu.

Mùa Vu Lan 2015

Con trai thứ bảy của Má!

(*) **Má:** là Phật tử Quy Y Tam Bảo tại Chùa Kim Cang (Thủ Thù - Long An) Pháp danh của Má là **Chiếu Năng Thọ**

(**) **Chín chữ cù lao:** Theo kinh điển, chín chữ cù lao bàn về công lao của người Mẹ bao gồm: Sinh, cúc, phủ, dục, súc, trưởng, cố, phục, phúc. Có nghĩa là: Sinh nở, nâng đỡ, vỗ về, dạy dỗ, cho bú, nuôi lớn, trông nom, nuông chiều và che chở.

Mẹ Tôi

TRĂNG KHUYẾT

Mẹ tôi nay đã già rồi
Đâu còn quang gánh trên đôi vai gầy
Buồng cau vàng chín sáng nay
Nhớ phiên chợ vắng núi mây che đầu.

Mẹ tôi thức giấc canh thâu
Lay buồn chiếc võng nhớ ầu ơ... xưa
Ngoài hè lá chuối đong đưa
Giọt rơi tí tách gió mưa u hoài.

Mẹ tôi mái tóc hao gầy
Guốc dong ngày ấy ngủ say góc nhà
Đầu làng mấy dặm không xa
Bước đi run rẩy dừng ba bốn lần.

Thúng treo góc bếp nhện giăng
Lúa phơi vàng lúa ngoài sân đâu rồi ?
Mẹ ngồi nhớ thuở xa xôi
Gió sương dầu dãi... thì thôi kiếp tầm.

Cầu trời mẹ sống trăm năm
Vui cùng nắng sớm cùng dăm lá trầu
Lén nhìn ngắm mẹ thật lâu
Yêu thương... con hiểu tình sâu biển trời...

Khoảng trống

(truyện ngắn)

HƯƠNG NGUYỄN

Anh ta từ một kỹ sư xây dựng mới chân ướt chân ráo bước ra khỏi cánh cổng trường đại học và sau đó xây dựng đội ngũ kỹ thuật của riêng mình.



Bây giờ, đã trở thành ông chủ một công ty xây dựng có tiếng tăm trong thành phố.

Bên cạnh anh có quá nhiều cảm dỗ.

Trong khi đó, vợ anh ngày càng xấu đi, thân hình trở nên xồ xề, da dẻ cũng không hồng hào, mịn màng như trước. So với vô vàn kiều nữ bên cạnh anh, vợ anh thật què mùa, ảm đạm. Sự hiện diện của vợ nhắc nhở quá khứ tầm thường, thấp kém của anh.

Anh nghĩ cuộc hôn nhân này nên chấm dứt ở đây.

Anh gửi vào tài khoản của vợ 500 triệu, mua cho cô một ngôi nhà ở trung tâm thành phố nhộn nhịp. Anh không phải

người đàn ông vô lương tâm. Vì vậy, nếu như không sắp xếp cuộc sống ổn thỏa cho vợ anh sau này, anh sẽ cảm thấy vô cùng tội lỗi...

Cuối cùng, anh chủ động đề nghị ly hôn.

Vợ anh ngồi đối diện, trầm tư nghe anh giải thích lý do ly hôn. Đôi mắt ấy rất đỗi dịu dàng. Nhưng 20 năm làm vợ chồng, anh quá hiểu rõ về cô, đằng sau đôi mắt hiền dịu ấy, anh biết rằng trái tim cô đang rỉ máu.

Anh chợt nhận ra mình thật tàn nhẫn.

Ngày vợ anh đồng ý rời khỏi nhà. Công ty phải giải quyết một vài vấn đề, anh bảo cô đợi ở nhà, trưa về anh sẽ giúp cô chuyển nhà, chuyển đến căn hộ chung cư anh mua cho. Đồng nghĩa với việc cuộc hôn nhân kéo dài 20 năm sẽ kết thúc tại đây.

Buổi sáng ngồi trong phòng làm việc, anh bồn chồn, thấp thỏm. Đến trưa, anh vội vã về nhà.

Căn nhà được dọn dẹp sạch sẽ, vợ anh đã đi mất rồi. Trên bàn đặt chiếc chìa khóa nhà anh mua cho cô, sổ tiết kiệm 500 triệu đồng và một bức thư cô viết cho anh.

Đây là bức thư đầu tiên mà cô viết cho anh:

“Em đi đây, em về nhà mẹ. Chăn em giặt phơi khô rồi đấy, cất ở ngăn cuối cùng bên trái tủ quần áo. Trời lạnh anh nhớ lấy ra đắp. Giày da tất cả em đều đánh xi rồi nhé, nếu anh không tự mình đánh được thì mang đến tiệm ông Tư đầu ngõ ấy. Sơ mi treo ở phía trên, vớ, thắt lưng ở trong ngăn kéo phía dưới tủ. Mua gạo nhớ mua gạo tám thơm của Thái Lan,

anh nhớ vào siêu thị mua nhé, mua bên ngoài anh không thạo người ta bán hàng giả cho đấy. Di Hai mỗi tuần đều đến dọn dẹp nhà cửa một lần, cuối tháng anh nhớ gửi tiền cho di ấy. Còn nữa, đồ cũ cứ cho ông Tư đầu ngõ nhé, ông ấy gửi về quê cho bọn trẻ con, chắc chúng nó sẽ vui lắm.

Dạ dày anh không tốt, em đi rồi anh nhớ uống thuốc đều đặn. Thuốc em nhờ người ta mua từ Quảng Bình, có lẽ cũng đủ dùng nửa năm. Anh ra ngoài thường quên mang theo chìa khóa nhà, em gửi một chùm ở chỗ bảo vệ, lần sau nếu quên thì đến đấy lấy nhé. Buổi sáng đi ra ngoài anh nhớ đóng cửa sổ, mưa tạt vào sẽ làm ướt nhà đấy. Canh cá lóc – món mà anh thích em để ở trong tủ lạnh. Anh về nhớ hâm lại rồi hãy ăn nhé. Gửi anh, người em yêu nhất! ”.

Những dòng chữ xiêu vẹo nhưng tại sao nó cứ như những viên đạn bắn vào trái tim anh, mỗi viên đều mang theo tấm chân tình xuyên thẳng vào ngực – đau nhói.

Anh từ từ đi vào nhà bếp.

Mỗi đồ vật ở đây đều lưu giữ dấu tay, hơi thở của cô.

Anh chợt nhớ về 20 năm trước, anh làm ở công trường xây dựng dầm mưa dãi nắng. Những ngày tháng bần hàn của cuộc đời đều có cô bên cạnh. Nhớ lại bát canh cá lóc nóng hổi đã sưởi ấm trái tim anh trong những ngày mùa đông lạnh cắt da cắt thịt, nhớ lại giây phút anh đã từng hứa với lòng mình nhất định sẽ mang lại hạnh phúc suốt đời cho cô.

Anh quay người, nhanh chóng khởi động xe.

Nửa tiếng sau, cuối cùng anh cũng tìm thấy cô đang đợi

Em Đi

*Em đi rồi, tôi buồn như cõi mộng
Những chiều vàng lấp lánh ánh sao rơi
Đêm nhạt nguyệt hôn nhau trong góc tối
Tôi hôn người trong giấc mộng đơn côi.*

P.C.T

tàu trở về quê.

Anh giận dữ nói:

“Em muốn đi đâu? Anh làm việc mệt mỏi cả ngày, về đến nhà, đến cơm nóng cũng không có mà ăn. Em làm vợ như vậy à? Về nhà với anh ngay”.

Anh trông rất hung dữ và thô lỗ!

Đôi mắt cô ướt nhòe, cô đứng lên, ngoan ngoãn theo sau anh đi về nhà. Giọt nước mắt xen lẫn niềm vui

Cô không biết rằng, lúc này đi trước cô, anh đang dẫn lòng cô kìm nén những giọt nước mắt ...

Suốt quãng đường từ nhà đến đây, anh thực sự rất sợ, sợ không tìm thấy cô, sợ từ đây sẽ mất cô mãi mãi.

Anh tự trách mình sao lại ngu ngốc đến vậy, hóa ra đánh mất cô ấy cũng giống như anh đánh gãy xương sườn của mình!

Hai mươi năm đồng cam cộng khổ, hai người đã buộc chặt cuộc đời mình vào nhau, mãi mãi không thể tách rời...

H.N

Thèm là trẻ con

BÙI NGUYỄN TRƯỜNG KIÊN

*Tự xưng thèm là trẻ con
lăn ra giữa đồng phơi mình nghe gió hát
nhìn mây trên trời cao xanh ngút ngát
nhớ lời Mẹ ru thuở tóc chỏm trên đầu.*

*Tự xưng thèm là trẻ con
để được sống cho đã thèm với Mẹ
hỏi Mẹ đi xa ta còn là cậu bé
từ đó những giấc mơ cứ ướt đầm canh dài.*

*Tự xưng thèm là trẻ con
ta sẽ nhíp đêm vô ngày bện chung năm cùng tháng
để cuộc đời sẽ dài ra vô hạn
cho ta dù thời gian đi tìm Mẹ cuối chân trời.*

*Tự xưng thèm là trẻ con
để mặc sức mà mơ mà ước
ta sẽ thả chiếc thuyền lá tre xuôi theo dòng nước
cùng với trái tim lên tiếng gọi...
Mẹ ơi!*

GỖ CỬA HƯƠNG THIÊN

“GỖ CỬA HƯƠNG THIÊN”, một mục mới sẽ bắt đầu đi đều kỳ từ tập này, nhằm giới thiệu rộng rãi đến quý độc giả những tác giả - là các thành viên trong nhóm, đã có sáng tác được in thành sách hoặc có những tác phẩm văn, thơ đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng được độc giả yêu mến.

Bút nhóm Hương Thiên ra đời cách nay 9 năm. Ban đầu là những sáng tác văn thơ rời rạc, chỉ để ngâm vịnh lúc trà dư tửu hậu. Dần dần những sáng tác rời rạc ấy được tích góp lại để trở thành những tuyển tập thơ, văn mang đầy nhựa sống...

Trong tập này, Hương Thiên xin giới thiệu hai thành viên của bút nhóm sẽ đến với quý độc giả bằng những sáng tác mới nhất trong năm 2015. Đó là nhà thơ Trần Bảo Định và nhà văn Nhật Chiêu.

Trần Bảo Định, một cây bút tuy đến với Hương Thiên có phần muộn màng, nhưng những sáng tác của ông lại thấm đẫm chất Thiên, đầy ắp hương đồng cỏ nội của miền đất phương Nam hồn hậu, chân tình. “Làng Tôi” là một ví dụ điển hình.

Nhà văn Nhật Chiêu, một tên tuổi không xa lạ trong giới văn thơ Việt Nam đương đại sẽ hiện diện trong số này với thơ Tượng Quê, một thú vị bất ngờ của làng thơ Việt.

Hương Thiên xin trân trọng giới thiệu!

TT. THÍCH THIÊN TÀI

“Làng tôi”... thời để nhớ !

NGUYỄN ĐỨC TỐ

Mang tên một dòng sông, sông Bảo Định, dòng sông nối liền sông Tiền và sông Vàm Cỏ Tây. Tác giả - Trần Bảo Định - là người Nam bộ, dùng thơ để kể những câu chuyện đời thường, không triết lý cao xa, không lý sự, nhưng đã làm rung động biết bao nhiêu trái tim yêu mến sự mộc mạc, thủy chung của người Nam bộ.

Người xưa thường nói: “*Coi mặt mà bắt hình dong*”, ở đây cũng thế, đọc cái tên của tác giả là mừng tượng ngay đến chất thơ một miền quê, nơi ông được sinh ra và gắn bó. Trong tập thơ Làng Tôi, những hình ảnh của miền quê Nam bộ luôn bàng bạc như tiếng trống của đình làng, những sợi khói đốt đồng, những câu hò đêm trăng và cũng không thiếu hương vị của cá lóc nướng trui. Tác giả tự giới thiệu:

Xứ nghèo thuộc đất Tây An

Gọi An Vĩnh Ngãi là làng quê tôi.

(Tết Đoan Ngọ nhớ quê)

Những dòng thơ kể lại câu chuyện tình chơn chất nhưng cảm động và dịu dàng của thuở mới biết yêu. Một hình ảnh thật lãng mạn nhưng dung dị, khi được đi cùng với người yêu

dưới ánh trăng:

Bóng trăng soi bóng tội mình

Bóng em đè bóng lên hình bóng tôi

(Trống đình làng)

Thơ Trần Bảo Định như một câu chuyện kể, kể chuyện tình của một thời chiến tranh ly loạn, mà tác giả là nhân chứng. Yêu đó rồi mất đó, người yêu là cô gái quê thơ ngây, trong trắng, thật thà:

Cần nhân em bước theo sau

Làm bầm em hỏi sao lâu tới đình?

(Trống đình làng)

Trong khung cảnh tiếng trống đình thúc bách, đang hồi hả băng đồng để coi hát chầu thì tình yêu đến. Thế nhưng:

Nụ hôn vừa chạm làn môi

Thì làng quê đã bom rơi đạn cày.

(Trống đình làng)

Làm sao diễn tả được nỗi buồn thương, chua xót tận đáy lòng khi trở về sau bao nhiêu năm xa cách:

Hôm về tôi khóc một mình,

Bóng tôi đè bóng lên hình mộ em.

(Trống đình làng)

Sinh hoạt của ruộng đồng, những cảnh đốt đồng luôn ẩn hiện lên ý thơ. Một chút vẩn vương, một chút băng khuâng khi nhìn cảnh đốt đồng với ngọn khói làm cay mắt những người thân yêu:

*Chiều treo sợi khói ngọn cây,
Mẹ và em đốt đồng, cay mắt cùng*

(Đốt đồng)

Và để rồi, vì chinh chiến nên tác giả phải rời xa quê hương, lúc trở về thì người yêu không còn còn nhận ra, đành cất bước ra đi, lìa xa mối tình đầu:

*Ngập ngừng đứng tựa ngoài hiên,
Tôi quay lưng lại cố quên tình đầu.*

(Đốt đồng)

Hay xót xa hơn như:

*Hôm về, gõ cửa nhà thăm
Em quên chẳng nhớ ngõ làm kẻ gian
Quay lưng buồn thấu tâm can
Chuong công phu đổ, cò sang sông chiều!*

(Cánh cò chiều)

Tuy nhiên, giữa cái bi thảm trong tình yêu vì cuộc chiến, vẫn còn đâu đó những khoảnh khắc chan chứa niềm vui và mộng mơ khi được cùng người yêu chơi trò thả diều:

*Tôi dùn em thảng diều bay
Chiều quê thương nhớ những ngày có nhau*

(Cánh diều)

Để rồi, khi cũng đến lúc cùng phải lòng nhau:

*Ngày mùa lúa gặt đập xong,
Đôi ta như đã phải lòng thương nhau.*

(Ngày mùa nhớ bạn)

Hay:

*Đêm trăng nghe tiếng em hò,
Theo trăng tôi bước chân dò dẫm trăng.*

(Ngày mùa nhớ bậu)

Cùng với những niềm vui nho nhỏ của miền sông nước:
*Bẹ chuối óp cá lóc đồng
Tôi khom khom thổi, em khều tro than.*

(Cá lóc nướng trui)

Nỗi nhớ quê nhà khiến ông không bao giờ quên những
cái tên gọi thân thương:

*Làng tôi có rạch Bà Tàu,
Có cầu Bà Lý, có ao Cây Bần.*

(Làng tôi)

Ngôi trường làng của thời niên thiếu:

*Mái trường lợp lá dân lo.
Lúa thừa mấy tốp học trò nhà quê.*

(Ngôi trường làng)

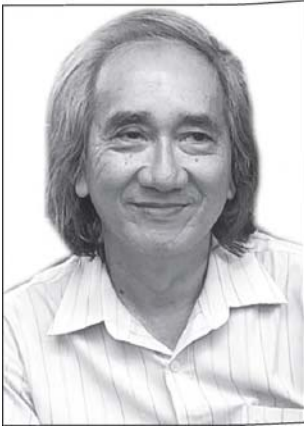
Trần Bảo Định sinh 1944 tại làng An Vĩnh Ngãi, Tân An (Long An), từng học ban Triết, Trường Đại học Văn Khoa, Viện Đại học Đà Lạt.

Thơ ông là mạch chảy từ trái tim yêu người, yêu quê đến con chữ mộc mạc, chơn tình; kết tụ thành tiếng lòng thôn thức... Và rồi, tập thơ “Làng tôi”, chắc chắn sẽ sống mãi trong sự triu mến, trân quý của người làng An Vĩnh Ngãi, quê hương ông!

N.Đ.T

Nhật Chiêu Và Thơ Tượng Quẻ

PHAN CÁT TƯỜNG



Kinh Dịch, một bộ kinh được xem là huyền bí và cũng là đỉnh cao của triết học Đông phương. Kinh nói lên sự vận hành của vũ trụ, thông qua nguyên lý Âm Dương và sự lưu chuyển của Bát Quái để biến thành 64 quẻ dịch. Bộ kinh này tuy là căn bản của văn hóa phương Đông, nhưng để hiểu tường tận về các quẻ Dịch không phải là chuyện một sớm một chiều!

Nhà văn Nhật Chiêu đã bỏ ra nhiều thời gian và công sức để nghiên cứu Dịch lý và khi ông đã thấm thấu được ý nghĩa của 64 quẻ Dịch thì chữ nghĩa lại tuôn trào như một ngọn núi lửa đã đủ độ nóng thì sẽ phun trào để đem lại ánh sáng cho đời và dòng dung nham khi nguội đi sẽ nuôi dưỡng đời sống muôn loài trên mặt đất! Và sự tuôn trào của Nhật Chiêu đã giúp mọi người có thể nắm bắt được cái thần của từng quẻ Dịch chỉ qua một số câu thơ mang tính châm phá.

Điều đặc biệt ở đây là Nhật Chiêu đã trang điểm lộng lẫy cho thơ bằng giai điệu của chính các quẻ trong kinh Dịch. Sáu bốn (64) quẻ Dịch là 64 giai điệu, 64 bài nhạc. Nay Nhật Chiêu lấy những giai điệu đó và đặt lời cho chúng thành những bản tình ca đầy thơ mộng nhưng cũng chuyên chở vừa đủ những tư tưởng triết lý trong kinh.

Đó là thơ Tượng Quẻ!

Ví dụ Thủy Địa Tỷ (水 地 比), quẻ số 8 trong kinh Dịch với ý nghĩa là sự kết giao trong một tập thể đông người được diễn tả bằng các hào (hình dưới), với lời thơ:

MƯA VÀ ĐẤT

☰	☷	Mưa đến đây	mưa đến đây
☰	☷	và mưa mang theo điệu hát	
☰	☷	mưa còn bay	đất còn ngâỵ
☰	☷	ai như đại	ai như say
☰	☷	ngực nàng mọng	môi mưa đầy
☰	☷	nàng một cỡi	mưa nghìn tay

Địa Lôi Phục (地 雷 復), quẻ số 24 trong kinh Dịch với ý nghĩa là sự hồi phục của vạn pháp sau một chu kỳ luân chuyển. Về thời gian, quẻ ứng vào tháng 11 (âm lịch). Về không gian, quẻ tiên đoán về sự co cụm của vũ trụ sau quá trình giãn nở. Về Đạo học, Phục là quẻ của thời khắc chứng ngộ khi hành giả trở về bản tâm của mình. Và Nhật Chiêu đã viết như sau:

SẦM RẼN TRONG ĐẤT

☷	☷	Đưa bóng mình	đến chân trời
☷	☷	đưa bóng mình	lên đỉnh núi
☷	☷	đưa bóng mình	ra xa khơi
☷	☷	rời một ngày	quay bước lại
☷	☷	đưa chiếc bóng	về tỉnh khời
☷	☷	cười vang trong cuộc quy hồi	

Có thể nói Nhật Chiêu đã chọn được lối vào Dịch Lý bằng một khung cửa hẹp. Khung cửa này có thể ví như một đặc ân mà Trời đất dành cho những ai có lòng thành với Kinh. Và Nhật Chiêu có lòng thành nên Trời đất đã ban tặng cho ông cách kiến giải, được hiện diện như một khung cửa hẹp, để mà từ đó ông có thể lách mình qua rồi đưa tay dẫn dắt cho những ai muốn đi theo. Kinh Thánh cũng đã từng nói *“Muốn vào nước Trời phải đi qua khung cửa hẹp”* cũng chừng mực nào trong một ý nghĩa như là Nhật Chiêu đang làm cho chúng ta.

Trong 64 bài thơ Tượng Quẻ, người ta thấy lửa, nước, gió, đất và những giai nhân lộng lẫy với *“cặp đôi hồng đưa to, đầy nhịp con tim mê dại...”* (Quẻ Trạch Sơn Hàm), nhưng tất cả đều là sự vay mượn bất đắc dĩ “cái này” để nói lên “cái kia” khi mà mọi chuyện đều bất-khả-đắc trước sự vô ngôn của Kinh Dịch.

Nếu không mượn “Mưa” thì làm sao hiểu được quẻ Khảm? Nếu không mượn “Đất” thì ai hiểu thấu quẻ “Khôn”? Mưa và Đất chính là hình ảnh của sự kết giao mà Tượng truyện trong Dịch đã nói *“Địa thượng hữu thủy. Tiên vương dĩ khuyến vạn quốc, thân chư hầu”*.

Nhật Chiêu đã vượt qua được rào cản ngôn ngữ kinh Dịch để giới thiệu cho mọi người một cách tiếp cận với những nguyên lý của Trời đất thông qua những hình tượng quen thuộc để từ đó dẫn hành giả vào ánh sáng của con đường lên thượng giới.

Đó chính là sứ mạng của thơ Tượng Quẻ!

P.C.T

Tiến Mẹ Vào Hạ

- Tưởng niệm 21 ngày Mẹ mất!

- Kính tặng nhà thơ Trần Bảo Định -

Cảm tạ “ Thay nén hương lòng ” qua bài thơ “ Mẹ ”.

NGUYỄN NGỌC THƠ

*Ngày Mẹ mất –Tha phương con về trong nắng lửa
Lửa Từ thiêng soi rực sáng tim con (*)
Quỳ bên xác Mẹ, con nghẹn ngào nén khóc
Nghe dư âm sóng lệ rớt qua hồn.*

*Ngày Mẹ mất, Tây Sơn bùng con bão lửa
Con, rơi vào vùng lốc xoáy, bông yêu thương
Tình máu tử dâng trào sông ký ức
Vỡ niềm đau - Nay, Mẹ có còn đâu?*

*Ngày Mẹ mất, Cha như người mất trí
Ngưỡng chín mươi suy sụp dưới sân đời
Nhà thợ tang lặng thình chiều tắt nắng
Lá mạn khô rơi đầu ngõ hạ buồn thiu...*

*Cả đời Mẹ là những chuỗi ngày cơ cực
Quên thân mình lo hạnh phúc chồng, con
Lời Mẹ dạy con hẳn sâu ghi nhớ
Lấy từ tâm làm lẽ sống xây đời...*

*Tạ từ Mẹ. Giác trăm năm. Khép lại
Cửa luân hồi mở “Tứ biệt-Sinh ly”! (**)
Đưa linh cữu Mẹ về thung Xà Kính
Tiếng cuộc kêu triền Lỗ Đá vọng từ bi.*

*Mẹ nằm đây. Đất Hóc La. Mộ tộc
Gói lên trăng Gò Thị ngóng Hòn Vung
Đêm, gió Nam cọ bụi cát xanh đồng
Chiều, áo lụa toi màu đo lỹ vắng...*

*Ngày Tam Thất-Con cắm bình hoa ly trắng
Đốt nén nhang trầm, buồn trắng nấu mênh mông
Trước bàn vong anh em con khẩn đầu lay Mẹ
Trông mắt Mẹ cười qua di ảnh khói bao dung.*

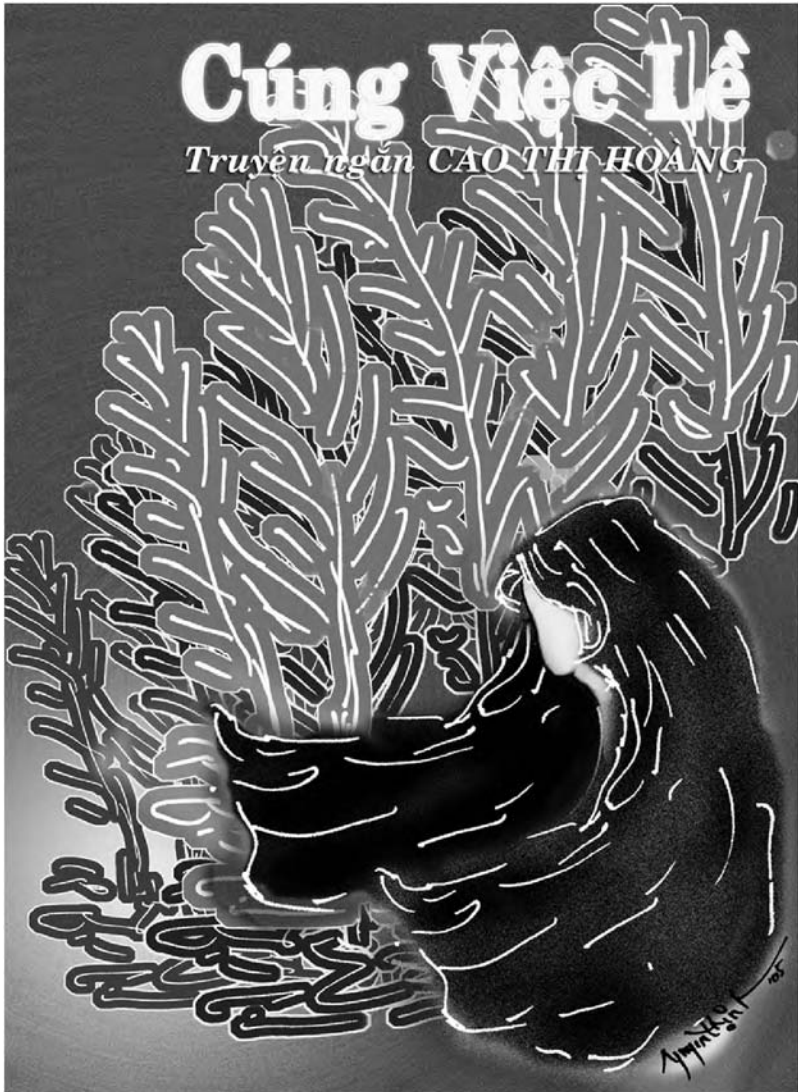
*Mùa báo hiếu...
Con thắm nguyện dưới chân Bồ Tát
Tụng Vu Lan bốn, mong Mẹ sớm an nhiên về Cõi
Phật
Xanh bơ vơ – Con lạc giữa vô thường – Mộ côی Mẹ!*

(*) “Tận cùng tứ biệt-sinh ly

Sinh còn chẳng tiếc, tiếc gì tứ ly” (Tứ biệt-sinh ly/ Bùi Giáng)

(**) “Tứ biệt, sinh ly mộ khúc buồn” (Mẹ -Trần Bảo Định)

Tây Sơn, ngày 06/06/2015



Minh họa Nguyễn Thịnh

Cúng Việc Lễ

(truyện ngắn)

CAO THỊ HOÀNG

1.

Nắng chiều sụp mí tới mắt cá chun, Tư vội vã:

- Thưa dì, con dia!

Đương lui cui lược nồi khoai dưới bếp, nghe con cháu thưa hỏi đi dia, dì Năm Chạch hót hơ hót hải chạy theo ra bến sông núa áo con Tư.

- Bậy trở lại, ăn khoai rồi hãy dia!

Giành lấy cây dầm bơi xuống, dì dắt cháu trở vô nhà. Nồi khoai đương sôi ùn ục.

Tư nhấp nha nhấp nhồm, ngồi đứng không yên. Biết con cháu lo lắng vì, sợ *ma da* ở khúc cua ngã ba kinh Ông Hồng. Dì trấn an:

- Nhảm nhò gì, bậy sợ? Lát nữa, dì cho câu chú, ma nghe phát chạy, quỷ nghe rụng rời.

Rồi, không đợi đến lát nữa, dì cho liền con Tư: “*Án ma ni bát di hồng*”! Khi Tư thuộc câu chú thì, nồi khoai cũng vừa chín tới.

Ăn khoai xong, Tư bước xuống xuống. Dì dặn đi dặn lại:

- Bậy nhớ, cứ ăn con cá Chạch... Mười ngày, nửa tháng, việc đó nó sẽ ngon cơm.

Đâm ngang sông. Xuồng cỡi lưng sóng, lòng Tư nhấp nhô theo con sóng!

*

Người xưa, vào Nam khẩn hoang lập trại ruộng, nhiều trại ruộng thành ấp, nhiều ấp hợp thành làng, mỗi làng có nhiều họ, mỗi họ có nhiều dòng. Dầu vậy, những dòng họ đó chưa hẳn là chính xác. Bao biến động thời cuộc, miếng cơm manh áo tha phương... Buổi đầu, thường thì người ta che giấu tông tích với nhiều nguyên nhân, nhiều lý do. Có khi, thay họ đổi tên, nhằm bảo trọng bản thân và dòng họ. Đến lúc thiết yên ổn, người ta mới lần hồi tìm địa cội nguồn.

Đì Năm không cùng cội nhưng cùng nguồn với tía. Mần sao truy căn được? Người xưa tinh lắm, lấy chữ đứng đầu tên bản quán đặt tên đứng đầu nơi trú quán. Ví như, Bình Lập, Bình Tịnh, Bình Lăng, Bình Trinh, Bình Nam... ở Vũng Gù, tức Long An ngày nay; đa phần có cội nguồn Bình Định. Việc đó, trật trùng hồng biết; chỉ biết Cố tổ đì Năm đời trước đã dò tìm gặp được Cố tổ tía, từ tên đứng đầu của đất mới và thông qua lễ cúng Việc Lễ.

Có lần, Tư nghe bà nội biểu tía chuẩn bị cúng Việc Lễ ngày hai chín tháng giêng. Tư thắc mắc, dựa cột nghe chớ không dám hỏi nội. Lớn lên, Tư mới hiểu chuyện cúng Việc Lễ là do tía cắt nghĩa. Tía nói:

- Cúng Việc Lễ là nghi thức cúng theo việc đã thành lệ tỏ lòng biết ơn các bậc tiền hiền, thủy tổ dòng họ đã có công trong cuộc mở đất.

Ngày đó, cả nhà bận rộn lo thức cúng Việc Lễ. Tía nhắc chị Hai:

- Bậy nhớ sẵn cúng Việc Lễ, cúng luôn *Tạ thổ kỳ yên*, cúng thí cô hồn, cúng cầu an xóm làng dòng họ.

Tư hỏi chị Hai sao cúng nhiều vậy? Chị Hai cười:

- Cúng nhiều được phước, cúng châm chước họa bước vào thân.

Nói xong, chị nện một câu:

- Con nhỏ này, lộn xộn quá!

Tư thương chị Hai rất mực. Từ khi má mất sớm, trong ngoài một tay chị lo. Chưa bao giờ nghe chị than, chỉ nghe tiếng chị cười.

- Cúng *Tạ thổ kỳ yên* là cúng gì, chị Hai?

Tư lẻo đẻo theo chị và cứ hỏi lộn xộn. Thấy vậy, tía kêu Tư lên nhà trên biểu:

- Để chị Hai bậy mần rút, kéo trễ giờ cúng. Bậy châm bình trà dùm tía.

Rồi, tía nói:

- Đất phương Nam dù rừng thiêng nước độc, thú dữ, dịch bệnh... vẫn có chủ là thần linh. Bởi, *đất có thổ công, sông có hà bá*. Vì vậy, trong thâm tâm người đi mở đất không nghĩ mình đi cướp đoạt đất, chỉ là tạm mượn đất của trời do thổ công cai quản mà khai khẩn đỡ đói nghèo. Cúng *Tạ thổ kỳ yên*, là cúng tạ ơn thần linh đã cho dòng họ, gia đình mượn đất mần ăn.

Tía còn nói, sau này tía có mất, tui bậy cũng nhớ cúng, đừng quên!

Bà con cô bác cùng một họ với tía lần lượt đến, cười nói râm ran. Hồi nội còn sống, nội gọi ngày cúng Việc Lê là ngày giỗ hội, tía gọi là ngày hiệp kỵ các bậc tiền bối quá vãng từ bốn đời trở địa trước; người đời gộp chung kêu là *Cửu huyền thất tổ!*

Tư trải ba tấm đệm bàng xuống đất, mọi người xúm nhau dọn đồ cúng: Cháo ám nấu thiệt như với cá lóc để nguyên đuôi, vi, kỳ, vây; mắm sống bần chua, thịt phay heo ba chỉ, tôm càng xanh luộc, cá lóc nướng trui, trứng các loài chim trời... các loại rau rừng mọc dại ven sông, ven rạch. Rượu nấu nguyên chất từ gạo nếp. Chén bằng muống dừa, đĩa bằng tre... gọi cho người đương sống hình dung và cảm thông sự thiếu thốn, nỗi nhọc nhằn sơn trường của người đi mở đất.

Năm nào cũng vậy, trước một ngày cúng Việc Lê, dì Năm Chạch qua nhà phụ giúp chị Hai. Dì nói với chị Hai:

- Nhà nào cũng cúng Việc Lê, nhưng rất hiếm cúng trùng ngày. Nhà nào cũng cúng bằng đồ cúng đơn sơ, mộc mạc như nhau, nhưng có một hai món đồ cúng khác nhau. Bậy biết, đó là thứ gia phả sống bất thành văn và là, ký hiệu riêng có của từng dòng họ. Người bỏ xứ đi, lòng nặng cổ hương. Đất lạ, họ tìm địa cội nguồn bằng thứ gia phả bất thành văn qua ký hiệu riêng vốn có của món đồ cúng, còn gọi là vật Tổ.

Chiến tranh, nhà tan cửa nát, gia đình thất tán. Đói nghèo, tha phương cầu thực. Họ di đâu? Họ di phương Nam bằng tâm linh hoàn toàn tin thần linh cứu rỗi. Thế quyền đọa đày, Thần quyền giúp đỡ. Họ chán ghét, lánh xa vua chúa, quan lại

bao nhiêu thì, họ thương tưởng, gần gũi thánh thần bấy nhiêu.

Nghe di Năm tự sự, chị Hai nhớ đôi lần tía kể.

Cố tổ di Năm là Bùi Thị The, con Bùi Thị Mẫn, trước ở Xuân Hòa sau qua An Thái. Ở An Thái, Bùi Thị Mẫn giúp việc bếp núc cho thầy giáo Trương Văn Hiến. Sống thời loạn, Trịnh-Nguyễn tranh hùng, đất nước cắt đôi, lòng người ly tán; bọn quan quân đảng trong đảng ngoài kiêu binh, những lạm vợ vét của cải dân lành, đông hơn ruồi bu kiến đậu xơ mít. Tuy phận đờn bà, sớm hôm lo việc bếp núc, nhưng Bùi Thị Mẫn ham học quyền cước. Đêm rảnh việc, nhưt là những đêm trăng sáng, Bùi Thị Mẫn được thầy giáo Hiến chân truyền *Bích hồ du sơn*, một môn võ công thượng thừa bám chạy trên vách núi nhanh hơn sóc, phòng thân khi có biến.

Tây Sơn tam kiệt dựng cờ khởi nghĩa, Bùi Thị Mẫn theo giáo Hiến; con gái Bùi Thị The theo nữ tướng Bùi Thị Xuân. Lúc Nguyễn Nhạc xưng Đế, giáo Hiến cùng Bùi Thị Mẫn không còn nghe Tây Sơn nhắc tới.

Đi suốt cuộc trường chinh với chủ tướng, Bùi Thị The tham dự trận sống mái cuối cùng ở Nhật Lệ với quân Nguyễn Ánh. Bị thương nặng, không thể cùng Bùi Thị Xuân rút dia Thanh Chương, Bùi Thị The được dân che giấu và chăm sóc. Được tin chủ tướng bị bắt, Bùi Thị The thay tên đổi họ, dong buồm trốn vào Nam.

The bây giờ là Thê. Thê trôi dạt đến chợ Cây Tài thuộc làng quê Mỹ Thạnh, hề ai mượn gì mần đó. Một hôm, Cố tổ tía ra chợ Cây Tài mua ít đồ cúng Việc Lễ, gặp Thê. Biết hạng *tứ cố*

vô thân, Cố tổ tía thương tình đất dĩa nhà phụ sức khấn đất.

Thê chết trăn khi ngó thấy mấy cô gái trong nhà vo ống quần sát háng, se bột gạo lên bấp vé non trắng hồng thành những sợi tằm mượt rượt, chỉ có họ Bùi ở Xuân Hòa mới se sợi bánh tằm kiểu đó. Thê bắt bột se tằm nhanh và khéo, khiến mọi người trầm trồ, khen ngợi. Có điều, sợi tằm không mượt vì bấp vé non của Thê chẳng chịt vết sẹo. Lúc Cố tổ tía đặt tấm da heo cắt hình đầu voi lên mấy tàu lá chuối xanh, Thê không cảm được xúc động, bật khóc.

Cố tổ tía sợ kinh động, kéo Thê ra sau vườn hỏi ngọn nguồn cặn kẽ. Thê thiệt thà, nói:

- Da heo cắt hình đầu voi, sợi bánh tằm bắt bột gạo se trên bấp vé non con gái; dễ mấy ai diễm phúc thưởng thức? Chỉ họ Bùi ở Xuân Hòa hoặc vùng Tây Sơn! Dám hỏi chủ nhân, có phải họ Bùi?

- Sao cô hỏi vậy?

- Vì, nấu họ Bùi!

Nửa tin nửa ngờ, Cố tổ hỏi gặng:

- Bùi là Bùi nào? Bùi biết khiến Tượng không?

Như chạm vào tâm thức, Thê rạn vỡ sắc mặt.

- Khiến Tượng khó mà dễ. Cái dễ mà khó là, mần sao cho Tượng hiểu ý người? Tượng hiểu ý người chỉ khi nào, Tượng cảm nhận được sự yêu thương chân thành của người đối với Tượng. Loài Tượng ghét giả dối, xảo quyệt. Muốn vậy, người chiến binh điều khiển Tượng phải sống cùng Tượng để Tượng quen hơi, phải cho Tượng ăn để Tượng biết cần, phải tắm rửa

Tượng để Tượng biết nhớ, phải biết tâm tình bằng mắt, bằng miệng để Tượng biết đồng cảm. Khi đó, người khiển Tượng chỉ hô: *Hăng, Tượng đi; Trum, Tượng quy; Truth, Tượng đứng dậy; Hau, Tượng dừng lại...* Và, chỉ có người quản Tượng hô, Tượng mới mần theo; người khác dẫu hô giống vậy, Tượng như định không mần.

Nghe xong, Cố tổ tía nghiêm sắc mặt, cười bằng đôi mắt.

- Nẫu, vào nhà dâng hương *cửu huyền thất tổ!*

Tía hồi đem bánh tằm nước cốt dừa, trái tằm da heo cắt hình đầu voi lên đệm cúng. Đó là, hai món đồ ăn mang *ký hiệu riêng* của họ Bùi mỗi khi cúng Việc Lề. Trong khi đợi tàn nhang, tía cùng di Năm và thân tộc thả bè kết bằng thân cây chuối hột, trên bè gạo muối củi và đầy đủ đồ ăn thức uống cho cuộc hành trình xa, *để cao tăng, cố tổ, ông bà* trở về xứ Nẫu thăm lại cố hương.

Xong xuôi, tía đứng giữa sân nhà khấn quốc thái dân an, vái chiến sĩ trận vong, mời những cô hồn bơ vợ xiêu lạc, đĩa ăn uống no say nhưn ngày hai chín tháng giêng cúng Việc Lề họ Bùi hàng năm.

2.

Cuộc sống gia đình ngày càng khó khăn, chị Hai chèo ghe xuống miệt Rạch Gốc, Cà Mau mua than đước về bán. Chèo đước mấy chuyến, lời đủ mua gạo cho tía và mấy em ăn đôi tháng. Bom đạn đổ địa nhiều, người ta bắn giết nhau dễ như nhổ gốc rạ. Tía cản không cho chị đi. Sợ bầy em đói, chị tiếp tục đi

và, chị dính giữa hai làn đạn, chết mất xác mất ghe. Thương con đứt ruột, tia thương khóc một mình, thân xác ngày thêm tiêu tụy và, một đêm trở trời, tia nằm chết trên bộ ván mà xưa kia má đã chết.

Tur gồng gánh bầy em, trụ cột gia đình và thay mặt họ Bùi cúng Việc Lễ thời chiến. Di Năm xắn tay áo, nhảy vô bờ đỡ một vai. Rồi, đàn em lớn khôn, đưa cưới vợ, đưa lấy chồng; khác chi bầy chim đủ lông đủ cánh, rời tổ bay vào quãng trời xa. Tur thuộc lớp gái nhà quê lỡ thời lỡ lứa, sống thui thủi một mình trong căn nhà trống hoác trống huơ! Nhiều khi ai đó, trong đám lính đóng đồn Bình Lãng hò thả lưỡi câu: *“Tròng trành như nón không quai/Như thuyền không lái, như ai không chèo”* (ca dao). Tur không là cá mà, nếu là cá, Tur cũng không dễ gì mắc lưỡi câu. Cũng lắm kẻ bạo gan bạo phổi, hò trêu gheo, đẩy đưa: *“Lãng lơ chết cũng ra ma/Chinh chuyên chết cũng chôn ra ngoài đồng”* (ca dao). Nhưng, Tur thì cầm lòng vững bụng, chả dại gì đưa để bị người đẩy! Bởi, trái tim của Tur hoàn toàn thuộc về Sáu Đầu, từ cái chiều ở bến Đình tiền Sáu tòng quân.

Di Năm thường tấm tắc khen đứa cháu của mình.

*

Chiến tranh kết thúc!

Sáu Đầu trở về làng, sau khi gửi lại chiến trường Thuận Mỹ đôi chun. Mỗi lần di chuyển quanh bếp, Sáu chống hai tay ngược phía sau xuống đất, đẩy mông đít về phía trước. Ra ngõ, Sáu dùng đôi nặng gối lê từng bước một.

Vườn nhà Sáu, bom pháo bao lần chà đi xát lại tan hoang,

chỉ còn trơ trụi bụi tre già cổ sống nơi bến nước.

Gia đình Sáu, đã chết hết dưới nắng bom mưa đạn, chỉ còn sống sót bà mẹ già mù đôi mắt. Không biết mẹ mù vì thương cảm cảnh nhà hay vì mong nhớ con?

Di Năm cùng bà con lối xóm, xúm lại dựng cho hai mẹ con cái chòi vách đất trên nền cũ đã bị đạn cày bom xới. Việc nhà Sáu, một tay con Tư lo liệu, phụ giúp.

- Thằng Sáu đâu rồi, gần tới cúng Việc Lễ nha con!

Bà lần ngón tay bấm đốt tính ngày.

*

Đời sống mới, việc cúng kiến bây giờ rất khó khăn, lương thực theo chế độ khẩu phần ghi trong sổ, đi xa “của ai nấy ăn”, tụ tập năm mười người phải xin phép xã. Vì là, lễ cúng Việc Lễ đầu tiên sau ngày hòa bình, sợ có điều rắc rối xảy ra bởi phong trào “Bãi trừ tàn dư văn hóa Mỹ-Ngụy” đang phát động rầm rộ trong xã nên, di Năm và Tư định bàn trót với Sáu.

- Lệ xưa, cứ giữ!

Sáu nói chắc nịch.

Rồi, mọi việc diễn ra suôn sẻ. Dầu sao, xã cũng châm chước và chiếu cố gia đình Sáu. Có điều, dòng họ Trịnh của Sáu chẳng thấy ai về như thời trước. Chiến tranh làm thất tán, trôi dạt chằng? Hàng xóm, dù mời họ ngại tới bởi, cái ăn cái uống lúc này không dễ dàng, rộng rãi như xưa. Hai mẹ con buồn, di Năm và Tư buồn lây!

Ngồi ăn trên manh chiếu sờn gáy trải giữa sân, bốn người lặng lẽ không ai nói với ai lời nào. Tư giành Sáu đút cháo ám

cho bà. Dì Năm phá tan bầu không khí trầm lắng.

- Sáu, mày ăn thử món vật Tổ họ Bùi coi ngon hông mậy!

Miệng nói, tay dì gấp từng sợi bánh tằm bỏ vào chén, chan nước cốt dừa sâm sấp, đưa cho Sáu. Vừa ăn, Sáu vừa khen ngon. Mẹ của Sáu nghe con khen ngon, bà vuốt miệng:

- Cái thằng chết bầm này, nhỏ lớn ăn thứ gì cũng chẳng thèm khen ngon. Nay, nó khen ngon cũng là lạ, chắc ngon thiệt.

Bà bảo con Tư ngưng đút cháo ám, cho bà ăn bánh tằm chan nước cốt dừa coi sao. Bà nhai trệu trạo sợi tằm, trong sự cảm nhận hương vị đậm đà của bánh, của tình người.

Khi con Tư bung chén bát ra cầu ao rửa, bà nói chuyện hôn nhân hai đứa với dì Năm. Thằng Sáu nằn nì không chịu.

- Tư, em nó lấy con rồi sẽ khổ suốt đời. Cuộc sống ngày tới khó hơn ngày qua, con làm gì nuôi vợ con với hai cái chum đã cụt?

Ba người im lặng.

Sáu nói rằng, thà một đứa khổ hơn là kéo dính chùm cùng khổ. Thôi thì, Sáu chủ động tháo sợi dây buộc ràng lời hứa “nên duyên cầm sắc” năm cũ, để Tư trút gánh khổ và đi lấy chồng. Nghe con nói, từ đôi mắt mù lòa của bà mẹ, từng giọt nước mắt lăn theo những nếp nhăn nghiệt ngã phận người. Dì Năm thở dài, khôn cầm được nước mắt.

Ngó qua sông, Sáu nhìn đàn cò rời cánh đồng bay trong nắng chiều hấp hối về tổ. Sáu cúi đầu xuống đất, suy nghĩ: Đời mình, mai sau chắc không có tổ để bay về!

Sáu nhắc nạng gỗ, lê từng bước đến bên mẹ.

- Đứng buồn mẹ! Thân xác con tật nguyên...

Sáu chưa nói hết câu, Tư từ cửa bếp vừa khóc vừa chạy ào lên ôm Sáu.

- Tui chỉ sợ tâm hồn tật nguyên. Tui thương anh!

3.

Từ ngày mất chồng con Tư, mặt mày thảnh Sáu lúc nào cũng ủ dột. Bạn bè trong xóm tưởng Sáu tui thân vì tàn phế nên, thường xúm lại động viên theo cái kiểu Bà lớn đi xúc dầu động viên anh em thương binh: *Tàn nhưng không phế*. Mỗi lần vậy, Sáu bực bội, cự nự: Thân tàn ma dại. Đã tàn, mất trật vuột, chẳng ra ngô ra khoai, sao không phế? Không ai hiểu ý Sáu muốn nói gì, chỉ một người hiểu đó là, Tư!

Rồi, chẳng biết hữu ý hay vô tình, ghe thương hò qua lại trên sông Vàm Cỏ Tây thường hò đối đáp chọc ghẹo, động tới nỗi khổ thâm kín vợ chồng Sáu Đâu: "*Thà rằng, nó nhỏ mà dài/ Còn hơn chụp búp nửa ngoài nửa trong*"(ca dao). Đâu đó, có tiếng ai hò nổi: "*Thà rằng, nó nhỏ mà cong/ Còn hơn tổ bố nửa trong nửa ngoài*"(ca dao)

Những chị em bạn có gia đình chỉ sao mất vậy. Tư mất hết cách, theo kiểu "*Phước chủ may thầy*" nhưng, vẫn trầm trờ trầm trất. Trong khi, hằng đêm mẹ chồng khăn vái Trời Phật cho bà đưa cháu nội trước lúc bà qui tiên. Tội nghiệp con Tư buồn so!

Một hôm, dì Năm nhắc con Tư bơi xuồng qua nhà đi gấp, có việc cần. Tư buộc xuồng dưới bến, đi riết lên nhà.

- Bây ngồi đây, dì bày cho cái việc khó ở vợ chồng được xuôi chèo mát mái.

Rồi dì kể:

- Xóm cá Chạch rặt một họ là, họ Tạ. Nhà nào nhà này, để út chót, út vét, út mót... tới út thứ mười lăm, mười sáu thì, mới ngưng đẻ! Tóm lại, dòng họ Tạ đẻ cả vò cả vọc. Cắc có có ai đó, hỏi ron hỏi ren: *Mần sao đờn ông có đủ và thừa bản lĩnh chẵn gói, hay đờn bà mần sao đẻ như vịt?* Họ im lặng, tuyệt nhiên không hé môi. Mà, cũng phải, người mình giấu nghề hơn mèo giấu cú.

Tư chen vô:

- Họ giấu, sao dì biết?

Dì Năm lên mặt chảnh:

- Vây, mới là dì của bây!

Nhon tuân trước, nhà họ Tạ cúng Việc Lễ, cậy người nhờ dì qua gói bánh ít. Lúc dọn đồ cúng ra sân, dì để ý món vật Tổ của họ Tạ là món vật nào? Thì ra là, con cá chạch!

Dì bỏ lửng câu chuyện, bước lại bếp thêm củ nôi khoai luộc.

Tư nóng ruột, muốn biết gấp cái “*hỏi sau sẽ rõ*”. Hỏi thúc dì Năm:

- Rồi, sao nữa dì Năm?

Dì phùng má, thổi lửa:

- Bây với nó...

- Nói ra, rầu chết dì ơi! Mất hai chun, ảnh ngựa con sấp; khác chi cối đá xay bột. Thớt dưới có cái giếng cối thực cứng

chắc, xỏ lỗ ngỗng thốt trên khít rim bột xay mới nhuyễn. Đẳng này...

Tư ngập ngừng. Đẳng này... cũng tội nghiệp, chồng con hay bảo: Thằng chồng chết trôi thì đờn ông úp mặt, đờn bà ngửa mặt! Tui, có lẽ cả đời ngửa mặt, thôi em!

Dì Năm xúc động. Nhưng bỗng nét mặt dì tươi hẳn lên:

- Đùng ngại chuyện úp ngửa, chỉ ngại chuyện cái nội lực của đàn ông yếu hay mạnh mà thôi! Mà có thấy người Chăm thờ mấy cái Linga trong tháp không? Linga là vật tổ của họ, luôn chĩa thẳng lên trời, mà đàn bà Chăm vẫn sanh con đẻ cái phà phà.... Rồi Dì Năm bật mí...

- Bí quyết để họ Tạ bí truyền “*bản lĩnh đờn ông*” là, các món nấu: Cháo cá chạch, cá chạch om hột hẹ lấy nước uống, cá chạch hầm rượu bằng nồi đất...

Tư hớn hờ mừng ra mặt, nói huyên thuyên:

- Trời đất, cá chạch xứ mình bình thiên. Đội ơn dì, con đội ơn dì!

Dì Năm nhắc khéo Tư:

- Nói nhiều, khổ nhiều nha con!

Nặng chiều sụp tới mí mắt cá chum.

- Thôi, ăn khoai đi, rồi đi!

*

- Minh ơi! Ở nhà nhớ đút cơm cho con, tui theo dì Năm bắt cá chạch, một cúng Việc Lễ!

C.T.H

Tìm Hơi Từ Áo Xưa

Gửi T.

*Người đi qua thời gian
In dấu buồn kỷ ức
Người đi qua hư thực
Cánh vạc vút mây ngàn.*

*Tóc em như suối mây
Nụ tâm xuân thơ mộng
Áo xuân thì say nóng
Thuyền trăng về ngắt ngây.*

*Và như một gã khờ
Hồn tôi run rẩy lắm
Người ơi, sao im lặng
Đêm chết tự bao giờ?*

*Em ở phương trời xa
Có nhớ người năm cũ
Cánh chim chiều lữ thứ
Về đâu đời không nhà.*

*Sài Gòn chìm trong mưa
Gió lùa qua phố vắng
Lệ tình rơi thâm lặng
Tìm hơi từ áo xưa!*

Mưa nắng

*Lúc sáng
Trời quang
Mây tanh nắng
Khi chiều
Đất ướt
Gió đưa mưa
Vòng đời
Vấn cứ
Mưa và nắng
Thế thái
Nhân tình
Nắng với mưa!*

“*Thiên nhân thông*”!

(*Truyện ngắn*)

Tịnh Viên LÊ TẤT SĨ



Tôi có một người bạn, thân nhau từ hồi học cấp 1 trường Lê Lợi, cấp 2 trường Nguyễn Tri Phương; nhưng lên cấp 3 ở Quốc Học, vì chúng tôi học khác ban (B-C) nên ít khi gặp nhau, dù cùng đi một con đường.

Gần đến cuối năm lớp 11 (Đệ Nhị) bạn tôi “ham vui” nên có vợ sớm. Cô vợ, cũng là nữ sinh trường Đồng Khánh, học

dưới hai lớp, là người ở cùng xóm, do đó “lửa quá gần rơm”. Và, kết cục là cô gái “Hoàng Hoa tam muội” (chữ đùa của chúng tôi)...ở nhà bông con. Còn riêng chàng “Hồ Đại mỗ” thì xếp bút nghiên, không thi Tú tài phần một nữa mà theo nghiệp chiến binh.

Lúc trong quân trường, hai lần tôi ghé thăm. Bạn vui, mạnh và hồn nhiên. Khi chia tay, lần nào anh cũng chúc tôi cố gắng theo nghiệp đèn sách cho đến nơi đến chốn. Ngược lại, tôi cũng chúc bạn được bình an khi đi vào lửa đạn...

Nào ngờ, cả hai lời chúc đều không thành tựu. Hơn hai năm sau, tôi được tin bạn bị thương nặng sau một trận đánh lớn. Chữa trị xong, anh được giải ngũ. Còn tôi, cũng bỏ dở sách đèn vì chiến sự tràn lan.

Dù sống xa nhau, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi vẫn biết tin nhau qua thư từ và bè bạn.

Rồi năm 1975 đến...

Và, 20 năm sau (1985), kể từ lúc tôi rời Huế 1965- Dù không có được “áo gấm” như người xưa đã từng nói, nhưng, tôi cũng cố tìm về làng quê... Và, đành lỗi hẹn với người con gái sông Vân một thửa...

Không then,

Nhưng buồn...

Tiện đường, ghé thăm bạn... Nhưng hơi ối, bạn tôi, dù thân thể còn mập mập. Mà... thần kinh không ổn định...Lúc tỉnh, vẫn nhận ra nhau, nhắc lại những kỷ niệm học trò; nhưng khi lên cơn, bạn tôi cũng không nhận ra vợ con của mình...

Chuyện kể rằng: vào những thập niên sau năm 1975, đời sống kinh tế quá khó khăn; vợ của bạn tôi, cũng như những người phụ nữ khác, phải lặn lội, bươn chải với cuộc sống trong các chuyến hàng xa.

Bạn tôi, lo âu cho hạnh phúc gia đình; nghe lời một “sư phụ” luyện “Thiên nhãn thông” để kiểm soát, theo dõi hành vi của vợ... Chẳng biết bạn có thành tựu “Thiên nhãn thông” không, mà gần một năm sau, mất cân bằng về thần kinh, nói năng lảm nhảm, lúc tỉnh lúc mê...

Hồi đó, lo cho cái ăn là chính, còn cái mặc, cái chữ là thứ yếu, nói gì đến chuyện tâm linh!

Tất cả đều chú trọng vào bao tử!

Gặp bạn trong hoàn cảnh đó, dù cũng còn chật vật, nhưng lâu ngày mới gặp lại, quý trọng nhau, thương kính nhau, xót xa... dúi vào tay bạn chút tiền ít ỏi, nói là để mua thuốc hút chơi... mà, ứa nước mắt. Bạn ôm chặt, tưởng chừng như không rời... Ai dè, đó là cái ôm nhau lần cuối.

Ba năm sau, lại về quê... Xe đến bến lúc 11 giờ đêm, thuê xe thò đi ngang qua nhà bạn, thấy đèn đuốc sáng trưng, nhìn cỗ quan tài im lặng. Những tưởng là đám tang bà cụ mẹ. Nào ngờ, sáng ra hỏi thăm hàng xóm, mới hay tin bạn đã qua đời. Và, được đem chôn hồi sớm. Chiều tối hôm đó, dù bận, nhưng tôi cũng đến chia buồn cùng chị vợ và các cháu. Nhìn khuôn mặt thân quen trong ảnh, tôi nghẹn ngào... Gia đình cho biết, sự ra đi của bạn tôi cũng khá bình an. Số là, hơn hai tuần trước, bác Doanh có đến thăm, chỉ dạy cách niệm lục tự Di Đà, lần này

chịu nghe theo, nên sự ra đi của bạn cũng có phần thanh thản.

Mấy hôm sau, tôi tìm thăm bác Doanh và có ý trách nhẹ, tại sao bác không giúp ngay từ đầu, để đến nông nổi thế! Bác buồn nói: “Chú biết không, vào những thời điểm ấy, gia đình anh cũng khốn khổ vô cùng, từ vật chất đến tinh thần. Bản thân anh, chuyện công phu cũng bị gián đoạn và trở ngại lắm lắm... dù chỉ là sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Cũng vài lần anh tìm gặp và góp ý, nhưng chú ấy vẫn khăng khăng bám lấy mục tiêu “Thiên nhân thông” của mình. Anh bất lực! Em thông cảm”.

Chuyện của bạn tôi xảy ra gần 30 năm. Tháng trước đọc tạp chí Sông Hương, thấy cụm từ: “Người tu nhầm pháp môn”, ứng vào trường hợp của bạn tôi. Tâm đắc, tôi viết về bạn mình, sau những tháng năm dài trần trở.

Tôi thiên nghĩ: Một người mà tu nhầm pháp môn đến nỗi vong mạng như thế, chưa kể phần tinh thần, huống hồ, nhiều người, một tập thể mà “tu nhầm pháp môn” thì hậu quả không thể lường được!

Mùa Vu Lan lại về, mùa báo hiếu, và cũng là mùa thúc liễm thân tâm của chư vị tăng ni trong ba tháng an cư kiết hạ.

Ngưỡng mong rằng với những năng lượng thanh tịnh mà quý ngài đã đạt được, sẽ chuyển hóa những tà kiến mê lầm với những tâm hồn ít nhiều hữu duyên với Phật.

Bên dòng Serepok

Trọng Hạ 2015

Tịnh Viên Lê Tất Sỹ

Một ngón tay và hai bàn chân

Tôi có một người bạn, là nhân viên trong một cơ sở phúc lợi xã hội, anh ta đã kể cho tôi một câu chuyện như thế này:

Một lần, có một bà mẹ gọi điện đến phòng của anh ấy để xin giúp đỡ, cô ấy nói rằng đứa con trai thiếu niên của cô đã vô tình bị cắt đứt một ngón tay. Bởi vì không có cách nào để nối lại nên cậu ấy rất đau lòng, suốt ngày trốn trong phòng, không muốn đến trường nữa. Nhận được điện thoại, nhân viên xã hội nói: *“Cô có thể đưa cậu ấy tới đây để cùng nói chuyện được không?”*

Bà mẹ nói: *“Thằng bé cảm thấy mình không còn trọn vẹn nên không muốn gặp ai hết, tôi nghĩ là nó không sẵn sàng đi đến đó đâu”*.

Thế là anh ấy sắp xếp một nhân viên tới nhà để hỏi thăm. Hôm đó, người mẹ lo lắng nên từ sáng sớm đã đến cửa phòng con trai gõ cửa và nói có một cô nhân viên xã hội đến thăm, muốn quan tâm một chút đến tâm tư của cậu ấy. Nhưng bà mẹ chỉ nghe thấy có rất nhiều đồ đạc ném về phía cánh cửa đang đóng chặt, hơn nữa còn nghe thấy một câu nói vô cùng giận dữ: *“Mẹ đừng gọi người ta đến, con không muốn ai đến hỏi han gì cả”*.

Giờ hẹn đã đến, người mẹ với vẻ mặt rầu rĩ đi ra mở cửa, bà vừa luống cuống vừa thấy có lỗi nói: *“Thật sự là rất xin lỗi, lúc này tôi có nói qua với con trai là cô tới thăm, nhưng nó rất bướng bỉnh, nói thế nào cũng không chịu gặp cô”*.

Cô nhân viên xã hội nói với bà mẹ bằng giọng an ủi: *“Không sao đâu ạ, tôi hiểu mà, hay là để tôi thử xem xem thế nào? Phòng*

của cậu ấy ở đâu?”

Bà mẹ chỉ lên lầu: *“Phòng ngay ở trên đầu cầu thang.”*

Cô nhân viên xã hội nói: *“Tốt rồi, vậy làm phiền chị cầm giúp tôi một cái nạng lên lầu chờ tôi.”*

Cô nhân viên này là một người đi tập tễnh, hai chân đeo đôi giày sắt rất nặng, lúc đi lên lầu phải dùng tay vịn vào lan can rồi nhẩy từng bậc thang, cho nên cần một người mang giúp cây nạng lên lầu chờ sẵn, chờ đến khi cô ấy lên lầu rồi thì có thể chống nạng vào mà đi.

Cô ấy đi lên lầu giống như đu xà vậy, hoàn toàn dùng lực của hai tay bám vào lan can mà đu, nhấc hai chân khỏi mặt đất, rồi lại rơi xuống bậc cầu thang, bởi vì giày sắt rất nặng nên mỗi lần rơi xuống bậc cầu thang thì phát ra âm thanh rất to.

Vì cô nhân viên đi lên lầu với tốc độ rất chậm, lại phát ra âm thanh thùng thùng rất nặng nề, quả thực là giống như là con rô bốt Mazinger Z đi lên lầu vậy.

Cậu thiếu niên trong phòng nghe thấy âm thanh vừa quái dị lại vừa đáng sợ tới gần, cảm thấy vừa kinh ngạc vừa sợ hãi, cậu ta không thể nhìn được nữa liền mở cửa phòng ra để xem là cái gì. Nhưng cảnh tượng hiện ra trước mặt càng khiến cậu ta thêm chấn động hơn: *“Một người phụ nữ với đôi chân không thể vận động được lại đến an ủi một người chỉ thiếu một ngón tay như mình...!”*

Cô nhân viên xã hội không nói một câu nào, cậu bé đã tự cảm thấy rằng một chút thương tích của bản thân hoàn toàn không đáng kể gì.

H.G (st)

Nắng sớm

*Gió cây rung nhẹ nắng lên
Nghe trong sương sớm rộn rên bước chân
Ngày đến rộn rã dương trần
Cuộc đua được mát muôn phân dư hạnh...!*

Ngẫm

*Nghĩ rằng ai sẽ bằng ta
Thông minh, cần mẫn bao là danh công
Mà sao như thể hư không
Tiếng chuông thức tỉnh dạn lòng nhẹ tênh.*

Tiếng gà trưa

*Đong đưa cánh võng bên hè
Gà trưa một tiếng ta về thiên thai
Tỉnh giấc lòng cứ u hoài
Đường xa chân bước mệt nhòaì hư vô.*

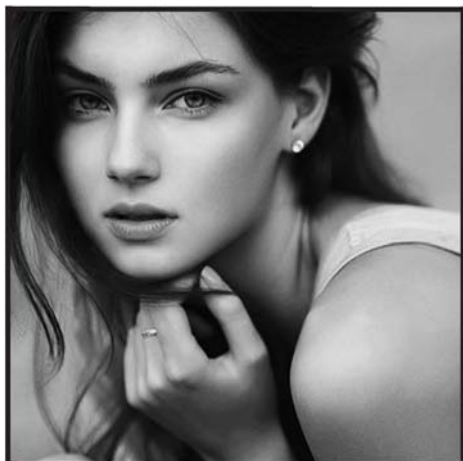
Hoàng hôn

*Bóng mây lơ lửng nắng chiều
Cho người lữ khách bao điều băng khuâng
Sớm mai hết, bóng chiều gần
Hoàng hôn lên tiếng chuông ngân liên đài.*

Tà Dâm

(Truyện ngắn)

ĐẶNG HỒNG THÚY



Những vần thơ của thị hừng hực niềm yêu được chia sẻ khắp các trang mạng. Nếu người ta không mang đi chia sẻ thì chính thị mang đi chia sẻ. Rồi thị vung tiền in ấn nó ra để cho khắp thiên hạ biết thế nào là yêu đến tận cùng, yêu đến lóa lờ, vật vã.

Thị có hứng thú văn chương. Hồi bé thì câu chữ nghịch ngợm và trong trẻo nhưng cũng là thứ bạ đâu viết đấy. Ấy thế mà cha thị rất tự hào khi phát hiện ra. Đó là lần ông đi cầu tiêu, vớ vội mấy tờ giấy trong cuốn nháp của thị bỏ đi. Ông bèn để lại tờ giấy có bài thơ đem vào hỏi thị rằng bài này lấy ở đâu ra. Thị đáp: Con viết đấy. Thế là ông cho chép nắn nót lại đem khoe hội văn nghệ. Ai cũng tâm tặc khen con ông có

năng khiếu.

Thị bắt đầu làm thơ tình khi đem lòng mê một cậu bạn trẻ cùng lớp. Thơ tình được mọi người thích thường là thơ buồn. Càng lâm li, bi lụy, càng xoáy vào tim gan người đọc càng được yêu thích. Cậu bạn học đó lại đặc biệt đẹp trai, duyên dáng, học giỏi. Có thể đánh giá là hot boy của trường. Đương nhiên cậu này chỉ mê hot girl đời nào quan tâm đến thị. Thế nên thị có đủ đau khổ, tự ti, tủi thân tủi phận, chán đời... để than thở cùng thơ. Bởi thế mà trong đám bạn học, thơ thị đã nổi lên kha khá rồi. Câu chữ cứ toàn là:

*Cả một rừng hoa dại cúi đầu
Mặc lệ tuôn như ngàn con mắt khóc*

Hoặc:

*Người đi, hồn ta mất
Đêm khóc mùa thiên thai*

Tuổi thiếu nữ của thị cũng rất đáng buồn. Có lẽ bởi kiếp trước thị ít hò ít hẹn “kiếp sau ta tìm thấy nhau”, nên kiếp này giai cứ nhìn thấy thị là lảng. Dầu đám giai đó vẫn biết: Thị sống có tâm hồn, có chiều sâu, am hiểu rộng, thông minh, dễ gần, vui tính. Đã thế họ còn biết thị có đủ tiêu chuẩn của các bậc phụ huynh: Công việc ổn định, có bằng cấp khá, nhanh nhẹn, tháo vát, cha mẹ đàng hoàng, lí lịch ba đời không giúp tây đánh ta. Thế mà họ vẫn lảng mới lạ. Bởi thế, thị lại có cơ để buồn, tủi và đổ sự thất tình vào thơ

*“Xuân cảm cỏ đi như chó đuôi
Đào đứng bên thêm đỏ lệ rơi”*

hoặc:

Trong người, ta khác chi nắng sớm

Một bóng mây qua, tắt lửa tình

Đến phút 89 thì cũng gặp được người muốn cưới mình. Tất nhiên đó là người thị không muốn cưới. Tuy nhiên phụ nữ lấy chồng thuộc điều kiện cần và đủ để dư luận và cái nhìn của xã hội xác định thị là người bình thường. Thêm nữa, thị cũng đã quá chán với việc bơ vơ không có ai bên cạnh nên thị đồng ý cưới. Cha thị quả quyết rằng: Mặc dù tính thị cao ngạo nhưng lại thích làm cái gì cũng chu đáo, nên kiếp trước anh này là con giun vô tình bị xéo chết. Thị là con bọ hung bay qua thương tình nên đùn đất đắp mộ cho anh ta. Bởi thế kiếp này mới nên duyên nên phận.

Chẳng biết cha thị có phải là người đã mở thiên mục thiên nhãn thấu thị hay không, nhưng sống với thị anh chồng cứ thụ động và quần ra như giun dế, còn thị thì hùng hổ, phàn phạch như bọ hung, hiên ngang như xe tăng Đức thống lĩnh toàn bộ tư tưởng, tài lực của gia đình. Đã tưởng rằng con lốc tiền tài và danh vọng cuốn thị về tận biển của nó. Nhưng sức sống của tình yêu thật mãnh liệt. Vào lúc tiền tài và danh vị tạm đủ, thì tình yêu lại như cơn bão lôi thị đến bên bờ của sự thèm khát. Thị chán chồng và bắt đầu tư tưởng. Như một thứ ung thư di căn. Tư tưởng chạy lên mắt khiến cho con mắt nhìn thấy giai đẹp, giai tài, giai giàu là cân đong đo đếm, ước thử vào mình như đi siêu thị ước áo quần. Tư tưởng chạy lên mặt khiến mặt của thị hường lên, môi hồng ra, mắt miệng cười lúng

la lúng liếng. Rồi son phấn, rồi áo quần cứ là ton tón model gái già xì tin dâu. Chân thì ton tót chạy theo những toan tính vô giai hiện ra trong đầu hết sức rồ dại. Tiếp sức cho thị là những vần thơ lòng lên nổi khao khát chín nẫu đầy gọi dục:

Em, trăng vừa chín mùa ân ái

Anh có chèo thuyền đón trăng rơi

hoặc

Chỉ luôn tròn kim dài nút thắt

Khâu mối duyên mình vạn mùa yêu

Những vần thơ của thị hừng hực niềm yêu được chia sẻ khắp các trang mạng. Nếu người ta không mang đi chia sẻ thì chính thị mang đi chia sẻ. Rồi thị vung tiền in ấn nó ra để cho khắp thiên hạ biết thế nào là yêu đến tận cùng, yêu đến lỏa lò, vật vã.

Thơ thị gặp đúng thời vận. Đó là lúc trên các trang mạng toàn mông vớ vớ, áo trễ, quần sơ luya. Ảnh và video đang điếm được thơ của thị thổi vào như điều gặp gió, cháy rừng rực cả bốn mùa. Thị bỗng thành người của công chúng và được hoan hô vì đã phơi gan phơi ruột trước bàn dân thiên hạ. Đó là hành động phi thường. Lỏa lò cả những thứ tưởng như không thể lỏa lò. Thị vui lắm, hãnh diện lắm, vĩ cuồng về bản thân ghê lắm.

Nhưng trong tâm tư thị vẫn buồn. Thị buồn vì hình như giai nào thị ưng cũng không phải là tiền duyên của thị. Bởi vì dẫu thị rất đổi nỗ lực, chịu chơi nhưng giai nào cũng chỉ như nốt nhạc ngân lên một đoạn rồi tắt lịm, chứ nói gì chuyện thành

tri kỷ, tri âm. Đôi lúc tưởng đã nắm được giai trong lòng bàn tay như đức Phật Như Lai rồi thì giai lại lọt kẽ tay thị mà đi. Giai ra đi không một lời từ biệt, lặng lẽ lặn sâu như con cá mập về nghĩa địa giữa đại dương. Để lại cho thị biết bao là ảo não, chán chường và nỗi ngấm ngấm tự kỷ. Bởi trong tư duy của thị thì: đàn bà được giai “có hạng” yêu, chiều, cung phụng và tuyệt đối trung thành mới nói lên giá trị của người đàn bà. Thị đã từng viết:

Ánh sáng lung linh trao tình nên ngọc đẹp

Hoa biết vui buồn nhờ sương gió đong đưa

Cha thị thấy thị cứ búi lấy các cuộc vui, để vui chôn hết kỷ niệm này đến kỷ niệm khác, tìm kiếm, săn đuổi, gặp gỡ rồi chia tay hết giai này lại giai khác, bèn gọi thị về quê ở với ông một thời gian. Ngày ngày cha con đàm đạo, ngắm sách, bình hoa, lên chùa hưởng cái thư thái, ra chợ mua cái thú vui ngắm người mua sắm, tiêu dao đồng nội ngắm ánh tà dương, thả câu nghe bóng cá...

Nhân một chuyên rong chơi dự hội thơ, ông kể cho thị nghe câu chuyện:

“Hoàng Sơn Cốc (Đình Kiên) một thi nhân triều Tống rất giỏi sáng tác thơ tình yêu. Ông đã từng bài kiến thiên sư Viên Thông Tú, bị thiên sư Tú trách mắng rằng: “Đại trượng phu tài năng văn phú, lại can tâm dưng vào chỗ này ư?” Chính khi Thiên sư Tú đang nói thì Lý Bá liền vẽ ngựa. Sơn Cốc cười mà rằng: “Lẽ nào ta cũng đọa vào bụng ngựa hay sao?” Thiên sư Tú nói: “Bá lúc đó nghĩ tới ngựa, đọa thành thân con ngựa

Đức Phật dạy: “Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng. May thay, chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có hai thứ như thế thì khắp thiên hạ không ai có thể tu Đạo được cả!”

(Kinh Tứ Thập Nhị Chương)

cũng chỉ là chuyện cá nhân ông ấy, còn ông viết thơ tình, lại khuấy động lòng dâm dục của người trong thiên hạ, tội lỗi này đâu chỉ dừng lại ở việc bị đọa vào bụng ngựa, e rằng địa ngục đang đợi ông đó.” Hoàng Sơn Cốc nghe vậy, trong lòng dấy lên nỗi sợ hãi, ngại ngần cáo biệt, từ đó cũng gác bút”

Thị trở về nhà, đêm nằm mơ thấy bị quân quan đến bắt. Ấn là đóng hai chữ Tà Dâm lên trán. Hai chữ đóng xong, da thịt chảy nhão ra thành hai dòng sông sâu hoắm. Thị hét lên, tỉnh dậy. Nhìn mình trong gương thấy hai nếp nhăn vắt ngang trán. Từ đó người ta thấy thị phát điên. Cứ gặp bút thì bẻ bút, gặp giấy thì xé giấy, thấy gương thì đập gương. Ai nói đến thơ mình thì xông vào cào cấu.

Cha thị nghe tin bèn đến thăm cùng một ông thầy. Ông thầy chăm son vào tay viết lên trán thị chữ Cấm rồi bỏ về. Thị ngủ mê mết 18 ngày không động cựa. Khi tỉnh dậy vui, buồn, hiền lành như một đứa trẻ thơ. Ai nhắc đến thơ thì lắc đầu kêu: Không biết.

Đ.H.T

Hạt Sen

Ta về

Nhặt hạt từ tâm

Xâu thành chuỗi ngọc

Đêm rằm

Niệm hương.

Cuộc Đời Dịch Biến

Có con sông nào

không xuôi về biển

Có biển nước nào

không biến thành hơi

Hơi lên kết đọng mây trời

Gió đưa mây đến về nơi non ngàn

Mây biến thành mưa

Mưa tuôn ào ạt

Nước tinh tuyền

Tắm mát đời non

Nước đi

Là trở về nguồn

Cuộc đời

Dịch biến

Hết buồn

lại vui !

KHÔNG TỬ VÀ NHAN HỒI

Ngày kia, Không Tử dẫn học trò từ nước Lỗ sang nước Tề. Trong đám học trò có Nhan Hôi và Tử Lộ là hai môn sinh được Không Tử sủng ái nhất. Thời Đông Chu, loạn lạc khắp nơi khiến dân chúng lâm cảnh lâm than đói khổ. Thầy trò Không Tử cũng có nhiều ngày nhịn đói cầm hơi.



Ngày đầu tiên khi đến đất Tề, Không Tử và các môn sinh được một người giàu có biếu cho một ít gạo.

Không Tử liền phân công:

- Tử Lộ và một số môn sinh khác vào rừng kiếm ăn, còn Nhan Hôi đảm nhận việc nấu cơm.

Đang khi nằm đọc sách ở nhà trên, Không Tử bỗng nghe tiếng động ở nhà bếp, nhìn xuống, người bắt gặp Nhan Hôi đang mở vung xới cơm cho vào tay nắm lại từng nắm nhỏ rồi từ từ đưa vào miệng. Thấy cảnh học trò đang ăn vụng, Không Tử nhìn lên trời than thở: “Người học trò tín cẩn nhất của ta lại là kẻ ăn vụng?”

Khi Tử Lộ và các môn sinh khác trở về thì nồi cơm cũng vừa chín. Không Tử cho tập hợp tất cả lại và nói:

- Bữa cơm đầu tiên này trên đất Tề làm cho thầy chạnh

lòng nhớ đến quê hương. Thầy nhớ đến cha mẹ, cho nên muốn xới một bát cơm để cúng cha mẹ, các con nghĩ có nên không? Nhưng liệu nồi cơm này có sạch chẳng?

Nhan Hồi liền chấp tay thưa:

- Dạ thưa thầy, nồi cơm này không được sạch. Khi cơm vừa chín, con mở vung ra xem thử, chẳng may một cơn gió tràn vào, bồ hóng bụi trần rơi xuống làm bẩn cả nồi cơm, con đã nhanh tay đập nồi cơm lại nhưng không kịp. Sau đó, con định xới lớp cơm bẩn vất đi, nhưng nghĩ rằng cơm ít mà anh em lại đông, nên con đã ăn phần cơm ấy. Thưa thầy, như vậy là hôm nay con đã ăn cơm rồi.

Nghe Nhan Hồi nói xong, Khổng Tử lại ngẩng mặt lên trời mà than rằng:

- Chao ôi! Thế ra trên đời này có những việc chính mắt mình trông thấy rành rành mà vẫn không hiểu được đúng sự thật. Suýt nữa Khổng Tử này đã trở thành kẻ hồ đồ!

SẮC NAN!

Tử Hạ hỏi về hiếu, Đức Khổng Tử đáp: **Sắc nan!**

Thờ phụng song thân, nếu để vẻ không vui thể hiện trên sắc mặt, trong trường hợp này, cha mẹ cũng không được vui, như thế làm sao gọi là hiếu được?

Muốn làm vui lòng cha mẹ, bất cứ ở trong trường hợp nào, hoàn cảnh nào, đều phải giữ được một sắc mặt vui vẻ. Đó là một điều khó làm nhất!

(Khổng Tử - Tứ thư)

Nắng mới

LƯU TRỌNG LƯ

(Tặng hương hồn Thầy Me)

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song.
Xao xác gà trưa gáy náo nùng;
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chòn sống lại những ngày không.*

*Tôi nhớ Me tôi thuở thiếu thời,
Lúc Người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi.*

*Hình dáng Me tôi chưa xóa mờ
Hãy còn mường tượng lúc vào ra
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.*

(Tiếng Thu - 1939)

Nhớ Mẹ

THẠCH LIÊN

*Mẹ ơi! Hãy dịu niềm thương đợi
Vì đời con một kiếp huân tu*



Chiều nay bầu trời âm u vẫn vũ chuyển mây, không gian xám chùng như sắp tan thành lệ. Sau giờ công phu niệm Phật, tôi ngồi trong tịnh cốc đơn sơ, nhìn lên bàn thờ qua khói hương bay, trông thấy tượng ảnh Đức Quán Thế Âm đẹp dịu dàng trang nghiêm từ ái, chợt liên tưởng đến Mẹ.

Người Mẹ không quản nắng mưa nhọc nhằn nuôi con ăn học, màu tóc pha sương nhuộm trắng hơn nửa mái đầu, biết bao đêm dài sống hăm hiu cuộc đời góa bụa, dỗ giấc ngủ con thơ qua tiếng ru êm ái ngọt ngào, cùng với nhiều lo toan chăm chút mặc dầu con đã khôn lớn trưởng thành rong ruổi đua chen. Lúc đó, vì mãi mê ngủ vùi trong hư ảo lợi danh, nên lòng nông nổi vô tư trước ân sâu cao cả. Ngày nay những tâm tình chất chiu ấy lại biến thành

mỹ cảm nồng nàn theo mỗi bước du phương.

Thấm thoát đã hơn hai mươi năm, nhân ngày Lễ Vu Lan, sau nhiều đêm suy nghĩ, tôi quyết định xin phép Mẹ hiền được vào chùa lập hạnh ly gia. Mẹ lặng im không phản đối bởi vốn là một Phật tử thuần thành, tuy nhiên trong ánh nhìn ngần ngại như ngầm bảo rằng: gia đình ta vốn vẹn có hai mẹ con, một căn nhà khang trang với mảnh vườn xum xuê cây trái, sao ta không chịu an hưởng thanh nhàn tu tập lại vẽ vời tính chuyện vân du. Mẹ kể cho nghe câu chuyện để trầm tư:

“Thuở xưa, có một thanh niên nghe nói Đức Phật là đấng siêu tuyệt, bèn háo hức từ giả Mẹ lên đường tìm chân lý, phó mặc niềm nhớ nhung của người Mẹ cô đơn, chàng đi và đi mãi vào tận rừng sâu núi cao nhưng không hề thấy Phật. Sau nhiều năm phiêu bạt, một hôm may mắn gặp ông lão tiều phu hóa thân của Như Lai, khéo léo chỉ bày cách nhận dạng, hãy tìm gặp người nào mà hồn nhiên mang đôi dép ngược giống trẻ thơ, thì đó chính là Đức Phật. Năm tháng gian nan chí nguyện chưa tròn, sức lực mỗi mòn nhớ Mẹ da diết, chàng hồi hải trở lại quê nhà vào đêm mưa rơi lạnh ướt, gõ cửa kêu lớn: “Mẹ ơi! Con về đây!”. Trong giấc ngủ chập chờn nổi sầu mong đợi, nghe tiếng gọi thân quen liền choàng tỉnh dậy, bà Mẹ hân hoan khôn xiết, chạy ra mở cửa ôm chầm đứa con xa biệt. Chàng trai quỳ xuống ôm hai chân Mẹ, thổn thức trong lòng hồi lỗi trào dâng. Bỗng đứng đứa con kêu lên nức nở: “Phật đây rồi!”. Vì chàng ta vừa nhận thấy Mẹ mình đang mang đôi dép ngược, do bà

sơ ý xô chân lằm khi vội vã mừng con”.

Thật xúc động vô cùng, nhưng tôi cố giải tỏa vòng đai buộc ràng độ đảo, bằng cách kể một giai thoại thú vị, hy vọng Mẹ sẽ cảm thông: Đại đức A-nan sau vài lần thất bại khẩn cầu Phật Thích Ca, xin cho bà Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề xuống tóc nhập gia Tăng đoàn. Cuối cùng Ngài đành chọn phương án khơi gợi bốn phận hiếu thảo của Thế Tôn đối với công lao người Di Mẫu. Phật tuyên thuyết: **“Này A-Nan! Nếu có ai vai trái công cha, vai phải công mẹ, đem vật thực chu cấp đủ đầy, suốt đời không làm song thân phiền muộn, người đó cũng không thể nào đền đáp công ơn dưỡng dục của hai đấng sanh thành. Nhưng nếu có người đem điều thiện lễ ác giảng trạch cho cha mẹ được nghe, trọn đời sống theo chánh pháp, đem lòng bình đẳng yêu thương tất cả muôn loài. A-Nan ơi! Người đó đã làm tròn hiếu đạo ở thế gian”.**

Phải mất hơn một tuần thao thức đắn đo, hằng đêm đọc tụng Phẩm Phổ Môn cầu nguyện, Mẹ mới chấp thuận cái ước vọng quá táo bạo này.

Trong buổi tiễn đưa, Mẹ không khóc nhưng giọng nói thoảng nghẹn ngào, mãi đến giờ đây lòng tôi vẫn âm vang rõ ràng từng lời dặn sâu sắc: **“Hãy khiêm tốn, nhẫn nhục, đừng vội vàng bài bác điều gì, nếu con chưa đủ trình độ thấy biết như thật. Đặc biệt hãy nhớ lời nhắc nhở của Tổ Sư Thiền Trục Chỉ: Dù mang thân tu sĩ mặc áo cà sa nhưng lìa tâm Phật vẫn là người ngoại đạo.** Tôi hết sức ngạc nhiên đến sững sờ trước ngôn từ thâm thúy đượm nhuần đạo vị Pháp

Hoa. Tôi ngắm Mẹ thật lâu, rồi đưa mắt nhìn bức ảnh Đức Quán Thế Âm trên ngôi thờ đang nở nụ cười phổ độ. Nhìn lại Mẹ tôi cảm nhận dạt dào cái nụ cười đôn hậu thân thương...

Mùa Vu Lan đêm ấy, ngoài trời lất phất mưa bay, trong căn nhà ấm áp kỷ niệm, mừng lễ Đáo Tuế giản dị. Mẹ cắt đôi bánh kem hình hoa sen chi mỗi người một nửa. Tựa hồ tức cảnh khai tâm, mượn Pháp vị đậm đà dâng hiến Mẹ, tôi diễn bày khái quát về pháp thân lưu xuất của Phật Quan Âm: **“Dạng thứ nhất Chánh Pháp Luân Thân với tướng hảo quang minh tảo nhã như Ngài Bạch Y Đại Sĩ, lấy thuận duyên cứu khổ chúng sanh gọi là Đại Từ Bi. Còn dạng thứ hai Giáo Linh Luân Thân với tướng phần nộ dữ dần của Ngài Mã Đầu Quán Tự Tại, dùng nghịch hạnh nhiếp phục kẻ ngoan cố ác ôn, gọi là Vô Duyên Đại Từ Vô Ngại Đại Bi”**.

Mẹ phần khởi tiếp thu giáo lý, cảm khái nghe pháp không hề mệt mỏi, rồi thông thả uống cạn tách trà vừa nhớ chuyện xa xăm, mỉm cười Mẹ nói: **“Đứa quý tử lông bông phải vớ về chiều chuộng mới chịu làm Sĩ Tử, nhưng dục trần cám dỗ đẩy đưa thích thú bôn ba đời Lãng Tử. May mắn thay! Nhờ trượng hướng trái ngang dẫn lối thiện tâm trở nên Phật Tử”**.

Tôi ngẫu hứng nương theo lối dùng từ uyển chuyển: **“Thưa Mẹ! Phật Tử chẳng chịu dùng chân đầu, bởi nhận ra mình là Gã Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa, nên lăm liếm cõi bỏ mặc cảm thấp hèn quyết vươn lên làm Thích Tử,**

Lá Sen

*Thơm từ nắng ngọt từ mưa
Cần cù lá chặt cạn mùa nuôi hoa
Gạn trong dẹt cánh lụa là
Cuống dầm thân dưới bốn ba đục bùn
Xòe xanh che chở nụ non
Đợi ngày hương nhụy vươn thơm rục dầm
Bao hy sinh bấy lặng trầm...*

ĐỖ NGUYỄN LAN PHƯƠNG

**ngõ hầu thừa kế gia bảo của cha già, hóa thành Trưởng Giả
Tử giàu sang...”**

Hoàng hôn phủ trùm lên vạn vật, mùi thơm từ những khóm hoa Bạch Hạc dọc theo lối sỏi kinh hành ngọt ngào hương đưa. Tiếng chuông chùa Linh Sơn ngân nga báo hiệu sắp đến thời Niệm Phật, khéo nhắc nhở tôi luôn tinh tấn tu hành, để hồi hướng công đức cho Mẹ hiền tại tiền thân thân và ở giây phút cuối đời được hoan hỷ trọn lành đến thắng cảnh Tây phương.

*Mẹ già chịu cảnh đơn cô
Riêng con vẫn một góc trời phong ba
Quyết đi tìm Phật trong ta
Tìm chân thật giữa pha lọc lừa.*

(Sơn Thất, Mùa Vu Lan nhớ Mẹ)

TIN VĂN PHẬT SỰ

- Ban Trị sự GHPGVN Quận 8 tổ chức lễ đài chính kỷ niệm Phật Đản PL.2059 tại chùa Long Hoa , Phường 15, Quận 8 theo truyền thống hằng năm và trên 20 ngôi chùa trên địa bàn quận đã tổ chức lễ đài phụ trong khuôn viên chùa.

- Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2015 của BTS. GHPGVN Quận 8, Ban Trị sự và chư Tăng Ni trụ trì các tự viện đã thực hiện nhiều chương trình Từ thiện xã hội tại địa phương với hàng hàng ngàn phần quà cho người nghèo và trẻ em hiếu học, gồm: Gạo, mì, nước tương, xe đẹp, thẻ bảo hiểm Y tế, nhà tình thương,... với tổng trị giá trên 5 tỷ đồng.

- Ngày 09/7/2015 tại trường hạ Pháp Quang, BTS. GHPGVN Quận 8 kết hợp với Công An Quận 8 tổ chức phổ biến giáo dục về An toàn Giao thông và luật Phòng chống tội phạm ma túy, toàn thể Tăng, Ni trụ trì các tự viện thuộc quận 8 đều tham dự.

- Theo lời kêu gọi của BTS.GHPGVN TP.HCM về việc vận động cứu trợ nạn nhân bị thảm họa động đất tại Nepal, BTS.GHPGVN Quận 8 đã ủng hộ 10 triệu đồng.

QUẬN 8 VỚI MÙA AN CƯ KIẾT HẠ

THÍCH NỮ HIỀN THỨ

Chư Tăng Ni Quận 8 trong mùa an cư năm 2015 thực hành theo lời Phật dạy:

Thức liễm thân tâm, chính là thức liễm thân tứ đại và vọng tâm. Trong mùa an cư, Tăng ni cần điều chỉnh thân tứ đại sao cho khỏe mạnh, giữ gìn tứ oai nghi theo Phật dạy. Và nhất là tâm, đừng suy nghĩ những điều bất thiện, không để phiền não tâm sanh khởi.

Trau dồi giới đức, mới tu thì lấy giới để ràng buộc vọng tâm và xây dựng tứ oai nghi cho thành tựu. Lâu dần, giới này biến thành đức và dùng đức hạnh ấy để cảm hóa người. Tu sĩ mà không có đức hạnh, không thể coi là con Phật.

Nhờ kết hợp việc *thức liễm thân tâm*, *trau dồi giới đức*, nên tâm bình ổn gọi là định. Khi định, tức tâm thanh tịnh, huệ sẽ phát sáng. Có thể nói phần chính yếu là tu Định và Huệ trong lúc cầm túc an cư.

BTS.GHPGVN.Q8 tổ chức 02 trường hạ tập trung tại chùa Thường Quang (Phường 16) dành cho chư tăng và chùa Pháp Quang (Phường 5) dành cho chư Ni; Hai điểm cầm túc an cư tại chỗ tại chùa An Phú (Phường 10) và chùa Bửu Quang (Phường 4). Tổng số chư Tăng Ni, hành giả đăng ký tu học khoảng 350 vị.

T.N.H.T

Chiều Quê

(Tùy bút)

Y NGUYỄN



Cánh diều chao
ngiên, đánh ngoặt
một vòng xuống thấp,
rồi lại vút lên cao như
nhắm như, trêu người;
như muốn khoe khoang
vẻ hồn nhiên duyên
dáng của vũ - điệu -
diều. Chú bê non ngược
mắt nhìn trời. Trong đôi

mắt tròn to, ngấn nước, long lanh một mảng trời thiên thanh
có dải mây trắng vắt ngang, vàng ửng. Tháng bảy, đầu thu,
đất trời vẫn còn oi nồng lửa hạ. Con đường quê xuyên ruộng
tung lên từng lớp bụi xám nhờ, đỏ quạch đằng sau những
bánh xe lữ lượt đi - về . Những làn bụi cứ tung lên, là là theo
gió, rồi nhẹ nhàng đáp xuống, lặn biến mất tằm vào màu
xanh; cái màu xanh mỡ màng, bất tận, mệnh mông của biển
lúa con gái đương thì.

Chiều quê.

Ấu thơ trong tôi đầy những buổi chiều quê. Những
buổi chiều quê vừa quen, vừa lạ. Những buổi chiều quê tưởng

đã lụi sâu vào ký ức - vậy mà vẫn khôn nguôi ám ảnh một đời. Tôi đã đi qua ngàn vạn buổi chiều, nhưng không hề có hai buổi chiều giống hệt. Cũng trời xanh, ráng vàng, mây trắng, nhưng những thanh sắc của ngày tàn chưa bao giờ trùng lặp, chưa bao giờ nhàm nhạt trong cảm thức hoa niên. Chiều quê mang một cái hồn - hồn quê; và cái hồn quê ấy đã nuôi dưỡng những con người chân quê - dù đi bất cứ nơi đâu vẫn khó lòng quên được cội nguồn. Cội nguồn ấy - vừa mang tính tâm linh, vừa mang màu thực thể - sẽ hiện về như một lời cảnh tỉnh khi con người chớm bước vong thân toan làm điều bạc ác; sẽ hiện về như một niềm an ủi khi con người lỡ bước sa cơ, chao đảo giữa chợ đời...

Chiều quê.

Khi những tia nắng nan quạt cuối cùng hắt lên chân trời đằng Tây từng vệt dài, tím sẫm; khi tiếng chuông chùa tan vào thinh không từng hồi giống già; khi chú bò vàng kéo chiếc xe không lộc cộc, đủng đỉnh về làng trong tiếng rống ậm ò nhàn tản, ung dung - nhịp điệu đời, nhịp điệu thời gian dường như chậm lại. Và - tôi bất chợt nhận ra - tôi đang mở lòng mình để cảm nhận, lắng sâu hơi thở yên bình của khoảnh khắc tà huy. Chiều quê không có chỗ cho tất bật, bon chen; không có chỗ cho toan tính, hơn thua của cảnh đời tục lụy. Khói lam trườn mình, ôm lấy những đọt tre già xơ ngọn; và một chút gió Nam non mơ hồ vừa lướt nhẹ, bứt rơi dăm chiếc lá khô vàng thả xoay tít, bay bay.

Y.N.

Cái đẹp của người tu

HT. THÍCH THIÊN PHƯỚC

*Tâm con yên lặng như gương tròn sáng
Tâm con trong sạch như ánh nguyệt tròn
Tâm con từ bi như tuyết phủ núi sông
Tâm con quảng đại như cam lồ pháp vũ.*

*Tâm là Phật như đóa sen vàng
Tâm là đức hạnh như ngàn hoa đua nở
Tâm con chẳng yêu mùi tục lỵ
Nào khác chi sương rơi đỉnh núi.*

*Tâm con chẳng tham sân si
Nào khác chi gió mùa xuân thổi nhẹ
Tâm con thiện lành là mỹ sắc thanh lương
Tâm con nhẫn nhục hiếu đạo.*

*Cũng như ngày xuân vô tận
Tâm bình đẳng là tình cao thượng
Tâm bác ái ấy nụ cười chư Phật
Tâm hỷ xả là ánh sáng Như lai.*

*Tâm giác ngộ là rừng bửu báu
Tâm ly trần là thắng cảnh Tây phương
Tâm vô ngại là Nhật Quang Bồ tát
Tâm vô chấp là đoạn diệt não sầu*

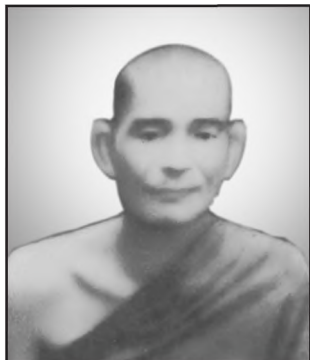
*Tâm như lưu ly bích ngọc
Tâm như Nguyệt Quang Bồ tát
Tâm tự hồi là mùi trầm thượng hảo
Tâm cầu tu là cái đẹp thiên hương*

T.T.P

Tưởng niệm Hòa Thượng

Thích Thiện Phước

(1924 – 1986)



Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng THIỆN hạ PHƯỚC húy NHỰT Ý, dòng LÂM TẾ GIAPHỔ thứ 41, Tăng chủ môn phái LIÊN TÔNG TỊNH ĐỘ NON BÔNG.

• Khai sơn hệ phái LIÊN TÔNG TỊNH ĐỘ NON BÔNG.

• Sáng lập Phật Học Đường TÂY PHƯƠNG BÔNG ĐÀO (1962 – 1980)

• Sáng lập Phật giáo Từ thiện Xã hội miền Đông.

• Đại biểu Trung ương Hội Phật giáo Tịnh Độ Tông đặc trách miền Đông Nam Bộ.

• Chứng minh đạo sư các: Tổ đình Linh Sơn, Quan Âm Tu Viện, Long Sơn Cổ Tự, Nhứt Nguyên Bửu Tự, Chùa Long Phước Thọ, Bửu Hoa Ni Viện và Tam Thiện Tự.

• Sáng lập Tịnh xá Thắng Liên Hoa, (xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa).

Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP

Hòa thượng Tôn Sư tên thật là Lê Minh Ý, trong kháng chiến chống Pháp cải tự là Lê Văn Mười. Tôn Sư sinh ngày mùng 01 tháng 07 năm Giáp Tý (1924), hồi 06 giờ sáng, nhằm tiết Đại thử tại thôn Nhật Tảo, làng An Nhứt Tân, quận Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thân sinh là Cụ Lê Văn Đầu, nhà nho giáo uyên thâm, thân mẫu là bà Nguyễn Thị Hoạt, là một người hiền đức gia phong nề nếp.

Đời Ngài tuy thuộc gia đình nông dân, nhưng có nếp sống kỷ cương gia giáo, bất hạnh vì mẫu thân mất sớm, chỉ còn thân phụ và anh, chị, em gồm 09 người; mà nay cũng đã qua đời, còn Ngài thứ mười, nên Ngài là con út. Được thân phụ thương mến cho ăn học và dạy truyền pháp tắc nhân đạo, gia phong nho giáo thuần túy cho Ngài.

Thuở nhỏ, đã có căn lành duyên tốt, ý chí thoát ly khỏi gia đình tìm chơn lý Phật Pháp sớm nở trong lòng son trẻ. Từ những năm 16 đến 19 tuổi, Ngài đã vân du non nầy núi nọ, hết chùa nầy sang am, tự khắc tìm Thầy hỏi đạo vấn tu về pháp môn Niệm Phật để lập hạnh xuất gia. Có khi Ngài tập tu khổ hạnh, ăn ngọc cả năm, tu tịnh khẩu suốt năm, có khi Ngài phát nguyện đưa đò không lấy tiền để giúp những dân quê nghèo khó, thêm lâm nạn chiến tranh đói khổ, và lấy công đức nầy

làm gia hạnh cho cuộc sống đạo qua tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tôn Sư luôn phát khởi làm tất cả công đức lành, như bố thí xả thân làm việc từ thiện, bắt cầu, bồi lộ, khuyến tu. Với những công đức này, Ngài chỉ mong mỗi hồi hướng cho việc xuất gia, làm nên việc lớn. Nhưng rồi, với chí nguyện làm Phật cũng không đến được, bởi chiến tranh bộc phát.

XUẤT GIA HÀNH ĐẠO

Cơ duyên học Phật đã đến, gặp được Thầy lành, Ngài được học pháp môn Tịnh độ niệm Phật với ĐỨC SƯ ÔNG thượng BỬU hạ ĐỨC. Sau tám tháng tu hành, công phu công quả, nhân một hôm Ngài được diện kiến với Đức Sư Ông, Ngài thưa hỏi : “Bạch con muốn được giống như đức Ông Ba ...” – Sư Ông đáp : “Muốn thì được”..! chỉ có một câu nói giản đơn, nhưng hàm ý sâu xa cho cơ đồ Phật pháp trong tương lai – Chính Ngài là đệ tử tâm đắc của đức Sư Ông, được ấn chứng gia truyền tâm pháp, Sư Ông dạy: “Nên về miền Đông hành đạo, về sau sẽ được công viên quả mãn...”

Năm 1956 về Biên Hòa, sống ẩn dật tại Long Sơn Cổ Tự (Tân Ba, Tân Uyên, Bình Dương) tham vấn cầu pháp với Hòa Thượng Hồng Ân – Trí Châu và trở thành môn đệ của dòng Lâm Tế Chánh Tông, thứ 41 từ đây. Nhưng cũng năm này, bị tình nghi ẩn náu để hoạt động Cách mạng nên bị nhà cầm quyền sở tại thẩm vấn, sau nhờ các Phật tử Nguyễn Thị Mỹ, Pháp danh Diệu Ý (năm 1969 trở thành một Sư cô chân tu thật đức), Ông Quận Hườn (Quận trưởng quận Châu Thành Biên

Hòa), ông Cò Hương, ông bà Ban Kiệt và nhiều Phật tử khác có uy tín tại Biên Hòa rất kính ngưỡng Ngài, nên đứng ra bảo lãnh được trả tự do, nhưng phải bị trục xuất ra khỏi tỉnh Biên Hòa.

Tại xứ Tân Ba, nơi hóa đạo đầu tiên, Ngài tiếp nhận môn đệ xuất rất đông, trong đó có vị đệ tử ngày nay là Trưởng tử Ni Sư Huệ Giác, người con hiếu đạo, người đệ tử trung thành chung lo xây dựng đạo pháp cho đến khi Tôn Sư viên tịch, và chính Ni Sư cũng là người Trưởng tử thừa kế đạo nghiệp của Tôn Sư trong Tông Môn **LIÊN TÔNG TỊNH ĐỘ NON BÔNG**.

Sau khi bị trục xuất ra khỏi tỉnh Biên Hòa, Ngài đăng sơn ẩn dật tại Điện Phổ Đà, thuộc **TỔ ĐÌNH LINH SƠN TỰ**, Núi Dinh, Bà Rịa, nay là huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tổ Đình Linh Sơn Tự nằm trong lòng núi non bao la hùng vĩ, ngôi chùa là một cổ tự có truyền thống trên 200 năm, Thầy Chủ Tự (tức Ngài Yết Ma Sở) nhận thấy đạo hạnh uy nghi, đức độ khả phong của Ngài, đáng làm gương mẫu cho đạo pháp và Tăng Ni, đại chúng Phật tử trong tương lai, nên quyết định giao Tổ đình Linh Sơn cho Tôn Sư làm trụ trì vào năm 1957. Để phát huy truyền thống Đạo pháp và Dân tộc, Tôn Sư thể hiện Chơn lý trước tiên qua các Phật sự khẩn hoang, truyền thừa pháp môn tu khai sơn pháp phái, trùng hưng Chùa cũ, tu bổ chùa hư nên sập trở lại khang trang tốt đẹp.

PHẬT GIÁO TỪ THIỆN XÃ HỘI

Kiến tạo một công đức lớn đầu tiên là Đức Tôn Sư thành lập PHẬT GIÁO TỪ THIÊN XÃ HỘI MIỀN ĐÔNG, giữa cảnh non bồng nước nhược, hàng hàng lớp lớp Tăng Ni, Phật tử kính phục sự giáo hóa của Ngài, phát Bồ đề tâm theo Tôn sư vừa tu vừa làm việc phục vụ từ thiện xã hội.

Năm 1961, Ngài thành lập cô nhi viện PHƯỚC LỘC THỌ, nuôi cô nhi quả phụ, trẻ em tàn phế, tâm thần, bệnh hoạn bẩm sinh . . . Với cơ sở PHƯỚC LỘC THỌ, trong đó còn đùm bọc bao che, nuôi dưỡng gia đình con em cách mạng, những thành phần gia đình trong và ngoài đạo Phật gặp khó khăn, Ngài đều tiếp độ cho vào Phật đạo, để vui đi những nỗi khổ ở trần gian. Cô nhi viện Phước Lộc Thọ lúc bấy giờ thu nhận có trên 200 cô nhi và quả phụ, người già yếu khó khăn về nương.

SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO TĂNG NI

Tôn sư dạy: “Trong ba môn Văn, Tư, Tu, thuộc về trí huệ môn, có nghe pháp thì trí thông tuệ sáng, có tư duy chính chắn thì việc hành đạo đúng chánh pháp, có tu tập thiền tụng, niệm Phật mới thể hiện được hạnh lành, thực tiễn phổ hóa quần sanh. Người Thích tử phải thực hiện tu tập đầy đủ ba môn Văn - Tư - Tu, vì chính đó dẫn đến chứng nhập vô trụ xứ Niết Bàn”.

Với lời dạy ngàn vàng của đức Tôn Sư đã từng làm cho hàng Tăng Ni trong tông môn vượt qua mọi khó khổ suốt 50 năm tu học hành đạo. Đây là một đại lộ chánh pháp xuất phát từ PHẬT HỌC ĐƯỜNG TÂY PHƯƠNG BÔNG ĐÀO mà

hàng Giáo phẩm Tăng Ni Tổ Đình Linh Sơn cũng như trong tông môn ngày nay xuất thân từ đó và trưởng thành trên bước chân hồng pháp lợi sanh.

Phật Học Đường TÂY PHƯƠNG BÔNG ĐÀO được Đức Tôn Sư sáng lập ngày mùng 08 tháng tư năm Nhâm Dần (1962). Ngài rước các Giáo sư thuộc đệ tử của Đức Pháp Chủ KHÁNH ANH, chư Tôn Đại Đức Giáo thọ sư Tăng Ni thuộc Giáo hội Tăng già Nam Việt, Giáo Hội Tăng Già Khất sĩ, cũng như chư Tăng, Ni trong tông môn cộng tác giảng dạy. Phật Học Đường đã tụ hội trên 300 Tăng Ni sinh tòng học. Ngày nay các hàng Giáo phẩm Tăng Ni xuất thân từ Phật Học Đường TÂY PHƯƠNG BÔNG ĐÀO được du hóa khắp nơi trong nước với danh hiệu GIÁO ĐOÀN DU TĂNG KHẤT SĨ NON BÔNG, có vị vẫn còn trung thành với bước chân Du Tăng hành đạo, số đông chư Tăng Ni trở thành Viện chủ, Trụ trì khắp Trung, Nam phần Việt Nam. Ngoài ra, còn có những Tăng Ni có chí hướng, mang ý thức mới đang tham gia làm việc trong các Tỉnh hội, Thành hội của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, cũng như trong các trường Cao Cấp Phật Học, Cơ Bản Phật Học của Giáo Hội.

Phật Học Đường Tây Phương hoạt động cho đến năm 1980 thì giải thể theo chủ trương chung, để cùng nhau bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên “ Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam. . .”

BƯỚC CHÂN HÓA ĐẠO

Những nơi Đức Tôn Sư thường trụ để giáo hóa đạo pháp,

như : Tổ Đình Linh Sơn, có công khai sơn môn phái LIÊN TÔNG TỊNH ĐỘ NON BÔNG, khẩn hoang, trùng hưng tô diêm, làm đẹp tông lâm thắng cảnh BÔNG Lai Núi Dinh. Tuy bị chiến tranh tàn phá nhưng những nét đẹp vẫn còn lưu dấu. Hiện nay ngôi Tổ Đình cũng được sửa sang di tích đôi phần khang trang.

Rồi Ngài đến xây dựng Nhứt Nguyên Bửu Tự để xương mình Tịnh độ, xiển dương chánh pháp. Hàng năm nơi đây vào ngày mùng 08 tháng 08 âm lịch có mở khóa niệm Phật “BÁ NHỰT TRÌ DANH” cầu sanh Tịnh độ cho đến ngày 17 tháng 11 âm lịch, ngày vía Đức Phật A Di Đà bế giảng khóa niệm Phật.

Năm 1985, Ngài về Chùa Phổ Hiền (xã Tân Thành) giáo hóa, vân tập môn đệ hoằng truyền giới luật để củng cố lại Tăng Đoàn trên bước đường du phương hành đạo tại trần thế.

Tôn Sư có công lớn trong việc trùng tu ngôi Long Sơn Cổ Tự(xã Tân Ba, Tân Uyên) bị hư sụp nhiều lần được trang nghiêm tốt đẹp để báo đáp Ân Sư cầu pháp là Hòa Thượng Thượng Hồng Ân – Trí Châu. Sau khi Hòa Thượng Ân Sư viên tịch, Ban Tế Tự, đứng đầu là Cụ Đốc Mã Sấm ở địa phương nhớ công đức Ngài, nên làm giấy giao Chùa. Ngài liền ủy quyền lại cho môn đệ là Thượng Tọa Thích Huệ Tâm về Trụ trì lo cho trăm họ tu hành.

Tịnh xá Thắng Liên Hoa (xã Hiệp Hòa) được chính đích Tôn Sư xây dựng. Tịnh xá nằm ven bờ sông Đồng Nai, (bến đò Long Kiêng), cũng là một ngôi thắng cảnh thanh tú duy nhất

của địa phương. Khi về xã Hiệp Hòa, Tôn Sư tu bồi cầu bến đò Long Kiêng, xây đắp hương lộ, cảm động đồng bào nhớ ơn sâu. Hôm nay vì bệnh nhiều nên phó chúc Tịnh xá lại cho Đại Đức Thích Giác Thông giữ gìn ngôi di tích.

Năm 1975, về chùa Long Phước Thọ (xã Long Phước, huyện Long Thành) khai rẫy, sửa chữa và giao cho Sư Cụ Thích Thiện Lộc bảo quản lo việc nông thiền.

Hiện nay Ngài là Hòa Thượng Chứng minh Đạo sư QUAN ÂM TU VIỆN. Đối với Tông môn Hệ phái có công khai sơn lập Tự, đối với Giáo hội, Ngài có công hoằng hóa hướng đạo Tăng, Ni, Phật tử tu hành, trùng hưng chánh pháp, làm tốt cho Đạo pháp. Do vậy ngày 27 tháng 12 năm 1978 được Trung ương Giáo hội Phật giáo Tịnh Độ Tông biểu dương công đức và tấn phong Hòa Thượng, bổ nhiệm Hòa Thượng Tôn Sư với chức vụ Đại Diện Trung ương Giáo hội tại miền Đông Nam Bộ .

MÃN NGUYỄN ĐỘ SANH

Với ý chí thanh lương và lòng từ thiện, và tình thương đại đồng, nên đi đến đâu Tôn Sư đều tô điểm làm đẹp cho quê hương, thêm tình, thêm nghĩa cho con người, đem sức sống của mình hòa hợp với mọi người, vì vậy chư Tăng Ni, với Phật tử ai cũng quý mến Ngài như cha mẹ ruột thịt, với tình Thầy trò dạy đạo, nhắc đạo, khuyến tu, bôn đạo quý kính Ngài như cha mẹ dạy con cháu.

Đối với tự thân, để báo đáp thâm ân Thầy Tổ, năm 1974, Đức Sư Ông thượng BỬU hạ ĐỨC viên tịch Ngài mất đi đáng

chơn Sư Phụ, suốt năm ấy Ngài về Tổ đình Thành An (núi sập) để xây tháp điện thờ Tổ Thầy. Ngài ở đó thọ tang báo ân, báo hiếu suốt một năm trường mới trở về Quan Âm Tu Viện.

Ôi! Thân người có hạn, kiếp sống quá mong manh, sự lo lắng của Ngài quá nhiều năm cực khổ, nên lâm bệnh. Mỗi lần bệnh rất trầm trọng, đã nhiều lần được đưa vào bệnh viện Nguyễn Trãi, được các Giáo sư Bác sĩ Lương Phán, cán bộ bác sĩ, y tá tận tình cứu chữa, có khi bệnh nặng nằm cả năm mới giảm. Suốt hai năm nay Ngài bệnh luôn luôn, tự thấy thân quá yếu, nên vào thất cảm tức, không tiếp xúc môn đệ, để chuyên tâm niệm Phật.

Ngày 18 tháng 07 năm Bính Dần 1986 bệnh tái phát, lại được đưa vào bệnh viện để điều trị tiếp tục.

23 giờ 30 ngày 30 tháng 07 vì sức yếu tuổi già, nhận thấy nhục thân không còn tác dụng, Ngài dạy phải đem về Quan Âm Tu Viện và cách một giờ sau Tôn Sư xả báo an tường, mãn nguyên độ sanh, giã từ môn đệ về với Tổ Phật.

Trước đó Tôn Sư từng khéo léo khuyên môn nhơn đệ tử tu hành chính chắn, giữ đạo hạnh trang nghiêm trong sạch, bất thối chuyển trên đường tu giải thoát. Lập hạnh chân chánh, năng phát nguyện lành với chúng sanh, làm việc công ích xã hội, phải tinh cần niệm câu danh hiệu NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT, sống tỉnh giác hành thiện để sớm về cõi Phật.

Ngày 5, tháng 8, năm Bính Dần (8/9/1986)

Trưởng tử THÍCH NỮ HUỆ GIÁC

MỤC LỤC

- B2. NT. TN Huệ GiácTường niệm HT. Thích Thiện Phước
03. HT. Thích Tâm ChâuBáo ân
09. Nguyễn Đức TốHiếu đạo
17. Trần Tam BảoHạ về niệm Phật hồn nhiên
27. Nguyễn Thị Ánh HuỳnhBạn của má tôi
33. Lê Mai TrinhĐóa hồng trắng cho mẹ
35. Andrew OlendzkiChánh niệm như trò xiếc
43. Phan Thành DanhVâng lời má
51. Hương Lan8 lần nói dối của mẹ
55. Huỳnh Đức TúVu Lan, E-mail cho má
59. Hương NguyễnKhoảng trống
69. Phan Cát TườngNhật Chiêu và thơ Tượng Quê
75. Cao Thị HoàngCúng việc lễ
90. Lê Tất Sĩ”Thiên nhãn thông”
97. Đặng Hồng ThúyTà dâm
107. Thạch LiênNhớ mẹ
113. Thích Nữ Hiền ThủPhật sự Quận 8
114. Y NguyênChiều quê

THƠ

HT.Thích Thiện Phước, TT. Thích Thiện Tài, Triều Tâm Ảnh, Quang Thám, Trần Dạ Lữ, Trung Thúy, Trần Bảo Định, Nguyễn Hải Thảo, Nguyễn Long Xuân, Danh Khương, Nguyễn Tất Nhiên, Hoài Huyền Thanh, Yên Sa, Lê Hà Thăng, Thuận Bình, Trăng Khuyết, Bùi Nguyễn Trường Kiên, Lư Châu, Nguyễn Ngọc Thơ, Nguyễn Hoàn Kiếm, Nguyễn Văn Kỳ, Nhật Triết, Lưu Trọng Lư, Đỗ Nguyễn Lan Phương.

HƯƠNG THIÊN 03/2015

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovavannghe.org.vn

nxbvanhovavannghe@yahoo.com.vn

Website: nxbvanhovavannghe.org.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Nguyễn Kim Phước

Sửa bản in: Bảo Bảo

Trình bày: Mai Phúc Châu

Bìa: Thịnh Art

Liên kết xuất bản: Hương Thiên Books

304 Bông Sao, P.5,Q.8, TP.Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty Vĩnh Thịnh An - TP.HCM

Số đăng ký KHXB: 04-2015/CXBIPH/22-124/VNTPHCM

QĐXB số: 378-QĐ/NXBVHVN ngày 10/08/2015

In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2015



Ảnh: Nguyễn Đức Tố

Bút nhóm HƯƠNG THIỀN họp mặt nhân ngày Báo Chí Việt Nam

Nhân ngày báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6) và cũng là kỷ niệm 9 năm (2007-2015) ngày ra mắt ấn phẩm Hương Thiền, Ban Chủ Nhiệm đã tổ chức cuộc họp mặt thân mật tại chùa Linh Bửu (Quận 8, TP.HCM). Đến dự họp mặt có TT. Thích Thiện Tài, nhà thơ Phạm Thiên Thư, nhà văn Nhật Chiêu, nhà thơ Trần Bảo Định cùng các thành viên và thân hữu của bút nhóm.

Qua giấy phép xuất bản của NXB Văn hóa - Văn nghệ, sau 9 năm sinh hoạt, Hương Thiền đã phát hành được 33 kỳ ấn phẩm, trung bình 4 kỳ/năm vào các dịp đại lễ: Xuân Di Lặc, Phật đản, Vu lan, vía đức Phật A Di Đà - số lượng phát hành 1.000 bản mỗi kỳ. Với hai thể loại chính là truyện ngắn và thơ, Hương Thiền đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của giới Phật tử sau những giờ phút tu tập và công quả trong nhà chùa.

C.T

Từ trái qua:

- Hàng ngồi: Huỳnh Đức Tú, Nguyễn Hải Thảo, Phan Cát Tường, Lê Việt Yên.

- Hàng đứng: Dương Kiên Dũng, Phạm Văn Sau, Phạm Thiên Thư, TT. Thích Thiện Tài, Trần Bảo Định, Nhật Chiêu, Nguyễn Hữu Tinh, phu nhân Lê Việt Yên, Trảng Khuýt, Lê Mai Trinh.

PHẠM THIÊN THƯ

*Đường về hái nụ mù sa
Đưa theo dài một nương cà tím thôi
Thôi thì em chẳng yêu tôi
Leo lên cành bưởi nhớ người rung rung.*

*Sao em bước nhỏ ngập ngừng
Bên cầu sương rụng mấy từng mai mơ
Đêm về thấp nển làm thơ
Tiếng chân còn vọng nửa tờ thư tôi.*

*Đôi uyên ương trắng bay rồi
Tiếng nghe tha thiết bên trời chớm đông
Nửa đêm đắp mảnh chăn hồng
Lại nghe hoa lạnh ngoài đồng thiết tha.*

*Con chim chết dưới cội hoa
Tiếng kêu rụng giữa giang hà xanh xao
Mai anh chết dưới cội đào
Khóc anh xin nhỏ lệ vào thiên thu.*

(Đưa em tìm động hoa vàng- P.T.T)



ISBN: 978-604-68-1636-2



9 786046 816362

20.000 đồng



Sống Giản Dị

Ni trưởng THÍCH NỮ HUỆ GIÁC

Người Phật Tử chon chánh, không thích danh vọng buộc ràng, không thích tiền tài vật chất cao sang làm như bản tinh thần, đơn giản cách ăn, ở, ngủ nằm... để rộng thời giờ suy tư chân lý, niệm Phật, niệm Pháp, niệm

Tăng (tự lợi).

Ngoài ra con còn phải có thời giờ làm lợi ích cho chúng sanh, bố thí chúng sanh, làm việc từ thiện xã hội, giúp đỡ mọi người (lợi tha). Sống đơn giản chừng nào hay chừng nấy, thân tâm hồn xác rảnh rang, danh vọng tiền tài vật chất không cảm dỗ được.

Đi không buộc ràng, ở không vương mắc, không luyến tiếc để xa lìa thì lợi ích cho con biết mấy!

Này con ạ ! Chí có bền đạo mới thanh, thệ nguyện bền, đạo mới viên mãn, tín hạnh tròn xong, phước quả mới tròn đầy.

(Trích Chon Phật tử - 1974, TX. Thăng Liên Hoa, Biên Hòa)



Vu Lan Bồn

HT. THÍCH GIÁC QUANG

Lễ Vu Lan được chư Tăng Ni, Phật tử các tự viện trong nước cũng như ngoài nước tổ chức vào ngày Rằm tháng Bảy (Âl) và có truyền thống tổ chức tại các quốc gia Đông Nam Á có tín ngưỡng Phật giáo; chúng ta cũng nên tìm hiểu về sinh hoạt văn hóa này.

Vu Lan (chữ Phạn Ullambana), tiếng Hoa dịch là “giải đảo huyền”, có nghĩa là giải cứu tội khổ bị treo ngược. Trung Hoa còn gọi lễ này là “Vu Lan bồn”, chữ “bồn” nghĩa là chậu, dùng để diễn nghĩa chậu đựng thức ăn dâng cúng. Vậy lễ Vu Lan hay Vu Lan bồn có nghĩa là lễ dâng cúng thức ăn lên Tam Bảo để xin chú nguyện cho ông bà, cha mẹ những người quá cố trong bảy đời gọi là cứu huyền thất tổ, nếu ai đó làm điều tội lỗi ở trần gian, khi mãn phần bị đọa vào địa ngục, sẽ được nhờ vào oai đức Tam Bảo ra khỏi địa ngục, sanh về cõi an lành khác.

Ngay sau khi ngài Mục Kiền Liên tu hành đắc đạo, nhớ đến mẹ, ngài dùng thiên nhãn thông nhìn thấy mẹ sanh vào chốn nạ quý, không được ăn uống. Ngài đem cơm dâng cho mẹ, bà Thanh Đề lòng vẫn còn bòn xẻn, nên lấy tay trái che miệng bát, tay phải bốc cơm ăn, nhưng cơm chưa đưa tới miệng thì đã hóa ra thành lửa, ăn không được. Mục Kiền Liên trở về bạch với Đức Phật mọi việc.

Đức Phật dạy rằng, tội của bà Thanh Đề quá nặng, Mục Kiền Liên không thể cứu được. Muốn cứu mẹ, phải nhờ thần lực của mười phương chư Tăng cầu nguyện vào ngày lễ Vu Lan (tức ngày Tụ tứ sau mùa an cư). Mục Kiền Liên nghe và làm y như lời Phật dạy, nên cứu được bà Thanh Đề ra khỏi địa ngục.

Từ đó, lễ Vu Lan trở thành truyền thống, hằng năm đến ngày Tụ tứ của chư Tăng, mọi người con Phật vì báo hiếu cha mẹ quá vãng hay cha mẹ hiện tại, vì những người gặp nạn, sắm sửa nhiều thứ thức ăn, nhiều thứ trái cây, hương đăng, vật trải giường nằm, thức ăn ngon nhất đặt vào trong “bồn”, hiến cúng cho chư Tăng. Ngày ấy sự tu học của chư Tăng đã công thành quả mãn, chư Tăng ở mười phương tụ hội lại nhất tâm thọ vật thực cúng dường. Vì có đầy đủ giới pháp thanh tịnh, nên ai hiến cúng thức ăn cho họ trong ngày này, thì cha mẹ thoát khỏi khổ ách, người sống đương thời tăng long phước thọ, kẻ đã quá vãng được sanh về cõi an lạc. Lễ Vu Lan có từ thời Đức Phật cho đến hôm nay.

T.G.Q



Duyên thơ

ĐẶC chủng gieo mầm nét chữ rêu
SAN sẻ nòng thơ dáng yêu kiều
HƯƠNG trầm quyện tỏa hồn phiêu lãng
THIÊN chìm cõi mộng bóng tịch liêu
BÚT pháp múa rìu qua mắt thợ
DANH như mây lượn giữa trời mơ
THUẦN tánh vun trồng nơi cội phúc
TÂM hồn chan chứa cả bầu thơ.

Tình Linh Sơn Cốt Nhục

Nhớ về Linh Thứu xa xưa
Linh Sơn hiện hữu ân thừa khó quên.

TỔ lên đỉnh núi Dinh tu ẩn
ĐÌNH trú chân khai khẩn đất hoang
LINH khí thiêng sáng lập đạo tràng
SƠN hùng vĩ mở mang Tịnh thổ.

Đức Tôn sư thánh hiền sơ tổ
Cảnh non bông hiển lộ khai cơ
Liên tông Tịnh độ trông chờ
Tu theo hạnh Tổ, lên bờ giác tâm.

Trao đức thầy Quan Âm tu viện
Dạy trường chay niệm Phật tu hiền
Bủa lòng Thánh đức khắp miền
Đại từ bi nguyện, mẹ hiền Quan Âm.

Ân thượng Huệ tình thâm hạ Giác
Thương chúng con ngơ ngác đường trần
Truyền môn niệm Phật chuyên cần
Tịnh tâm liễu ngộ, thoát trần khổ đau.

Người đi trước, kẻ về sau
Tây phương hội ngộ, gặp nhau kiếp này
Đức Thầy dạy bảo cao đầy
Chúng con y giáo, từ đây phụng hành.

Mong ngày chánh quả mau thành
Quy bên chân mẹ mới đành lòng con
Nguyện thề giữ đạo sắt son
Di Đà sáu chữ, chúng con thực hành.

Mùa An cư năm Ất Mùi 2015

Tỳ kheo Thích Thiện Tài

Tinh Hoa Tứ Trọng Ân

TT. THÍCH THIÊN TRANG

Giáo lý của Đức Phật là một kho báu vô giá cho triết lý sống, kỹ năng sống, bản đồ tìm về nguyên lý vũ trụ. Chữ Hiếu của đạo Phật đã khẳng định được nguồn năng lượng vô tận để nhân loại trên hành tinh này tồn tại và phát triển, nói đến chữ Hiếu trong đạo Phật phải nói đến Tứ Trọng Ân: Ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân tạo hoá, ân chúng sinh...

Nho giáo chỉ đặt nặng chữ Hiếu với mẹ cha, đó là ân cơ bản nhất của con người, nhưng trong giáo lý đạo Phật còn thêm ba chữ hiếu nữa nhằm kiện toàn nền móng nhân đạo cho vững chắc để tiến lên: Tiên đạo, Phật đạo...

Định nghĩa chữ Hiếu: Bổn phận, trách nhiệm, tiến hóa. Hiếu của Phật có sự gắn kết giữa con người với con người, giữa con người với vũ trụ, bởi hiếu của Phật là đại hiếu (hiếu với cha mẹ, hiếu với muôn loài, vạn vật chúng sinh...)

Ngày nay, khoa học đã đến đỉnh cao thì mới nhận ra lời nói của Đức Phật cách đây hơn 2.500 năm là một tiếng chuông báo động cho nhân loại. Đức Phật dạy: *“Nhân loại trên hành tinh này một ngày nào không còn gìn giữ đạo Hiếu, ngày ấy đến hồi hoại diệt...”*

Khoa học cũng đã nhìn ra nguy cơ nên báo động đỏ cho nhân loại trên hành tinh hãy ngừng ngay những hành động tàn sát môi sinh và môi trường, hãy bảo vệ sự sống cho hành tinh này.

Bằng hành động cụ thể, phải thương yêu, san sẻ, phóng sanh,



bảo vệ động vật hoang dã, không chặt phá cây rừng, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền, làm những điều lành, xa lánh những điều ác. Đó là triết lý sống văn hóa, đạo đức, luân lý mà mùa báo hiếu Vu Lan của đạo Phật nhắc nhở tôn vinh Tứ Trọng Ân.

T.T.T

Vu Lan và xá tội vong nhân

NGUYỄN ĐỨC TỐ



Tháng Bảy âm lịch và rằm tháng Bảy - tết Trung Nguyên - là một trong những tháng lễ quan trọng nhất của người Việt. Nó đã đi sâu vào truyền thống văn hoá và trong tâm khảm biết bao nhiêu thế hệ. Bởi thế nhân gian có câu “Cúng cả năm không bằng rằm tháng bảy”. Tháng Bảy là tháng để con người tỏ lòng hiếu kính với tổ tiên, cha mẹ – những người còn sống hay đã khuất và làm việc thiện để cầu phúc.

Trong lễ này, có nhiều người nhầm lẫn cho rằng lễ Vu Lan và ngày xá tội vong nhân là một, song trên thực tế lại là hai lễ khác nhau.

Ngày xá tội vong nhân và Vu Lan đều có chung nguồn gốc từ Phật giáo. Hai ngày lễ đều tổ chức vào ngày rằm tháng Bảy. Tuy có chung nguồn gốc nhưng hai lễ này có sự khác biệt rõ ràng về điển tích ra đời và phong tục, nghi thức thực hiện.

Theo quan niệm của nhân gian, ngày rằm tháng Bảy cũng là ngày Xá tội vong nhân, ngày Diêm vương mở cửa Quỷ môn quan để ma quỷ được tự do trở về dương thế. Chính vì thế theo tục lệ, trong ngày này, người ta phải cúng quần áo giấy

với nhiều màu sắc, các loại bỏng ngô, chè lam, kẹo vừng, kẹo dồi, bánh quế, cháo, tiền vàng, gạo trộn lẫn muối, ngô, khoai lang luộc, cháo hoa và những lễ vật khác dành cho cô hồn, ma đói không nơi nương tựa.

Lễ Vu Lan báo hiếu là một đại lễ trong Phật giáo, thể hiện một trong “Tứ đại trọng ân” của nhà Phật đó là Ân cha mẹ, Ân Tam bảo, Ân đất nước, Ân chúng sinh vạn loại. Ân cha mẹ là ân đầu tiên. Cha mẹ ở đây không chỉ là đấng sinh thành mà còn có thể hiểu là chúng sinh. Truyền thuyết kể về sự ra đời của ngày này liên quan đến Bồ tát Mục Kiền Liên. Theo kinh Vu Lan, sau khi đắc đạo, Mục Kiền Liên biết được mẹ mình đang bị đày xuống địa ngục vì lúc sống đã gây nhiều ác nghiệp. Mục Kiền Liên đem cơm xuống địa ngục để dâng cho mẹ đang bị đói khát. Nhưng khi ăn, mẹ của Mục Kiền Liên là bà Thanh Đề không cho các cô hồn khác ăn cùng nên cơm hóa thành than đỏ. Mục Kiền Liên đau xót nhờ Phật Tổ chỉ cách cứu giúp. Phật Tổ dạy, chỉ có hợp sức của chúng tăng vào ngày rằm tháng Bảy mới mong cứu được mẹ. Mục Kiền Liên làm theo và đã giải thoát cho mẹ.

Ở nước ta, người dân thường tổ chức cả hai lễ vào cùng ngày rằm tháng Bảy hoặc nhiều người cúng lễ xá tội vong nhân sớm hơn với ý nghĩ là cúng sớm để các cô hồn không quấy phá. Hai lễ này đều được người dân tổ chức long trọng với hai ý nghĩa Bồ thí và Cúng dường.

N.Đ.T



Mẹ!

(Tiền mẹ Nguyễn Ngọc Thơ - về cõi xa!)

*Con mất mẹ rồi. Con mất mẹ!
Đông khô, hồ cạn. Phú Phong ơi!
Ván thiên khép lại ngăn chân trẻ
Thiên cổ hồn quanh quần phách người!*

*Phú Thọ thôn nghèo nuôi chí cả
Hầm Hồ bao quản giúp Tây Sơn
Nhai cơm lười mẹ lừa xương cá
Móm sữa từ rau củ lớn khôn.*

*Tây Phú làng quê xa phố chợ
Mẹ còng lưng gánh bán ngô khoai
Nhiều năm khốn khó nhà cùng khổ
Thiếu gạo, thừa rau, đói những ngày!*

*Quê người con sống đời cầu thực
Đất khách lòng ray rút áo cơm
Than ôi! Biết níu làm sao được
Tử biệt, sinh ly, mộ khúc buồn!*

*Con về bên mẹ. Chăm nom mẹ.
Đã muộn rồi chẳng? Đã muộn rồi!
Thượng đạo mưa nguồn rơi lặng lẽ
Sông Côn nước cạn đáy tro phơi!*

*Rồi, mẹ tàn hơi. Đêm quạnh quẽ
Tháng ba, hai chín, Ất Mùi. Đau!
Mồ cô, con đã mồ cô mẹ
Cuộc sống khởi đầu, cuộc bể dâu!*

(Tân An, chiều 17.5.2015)

Thà như bước chân

*Mạng nhện đời tội lỗi
Chơn tâm dạ từ bi
Tích tẩn, lòng sám hối
Phủ bụi trần, ta đi*

*Ân oán giờ buông bỏ
Lòng thanh thản quay về
Bích Câu đầy hoa cỏ
Mặt hồ tịnh chiều quê.*

T.B.Đ

Mẹ Nuôi



Mẹ như mẹ đẻ của con
Vì chung mẹ đã nuôi con thành người
Công dưỡng quý sánh ngang Trời
Dẫu chưa nghe được một lời mẹ ru!
Thay “âu ơ” bằng “nam mô”
Từ lâu mẹ đã khuyên tu con rồi
Đêm đêm quỳ trước Phật đài
Con theo mẹ tụng đủ thời kinh xưa...

Một ngày mẹ bỏ đi xa
Mình con rớt lại cõi Ta Bà. Buồn!
Mình con bước mỗi trên đường
Gập ghềnh, khúc khuỷu trên từng lối đi
Con giờ như cánh chim di
Chưa tìm ra được hướng đi đời mình
Nửa đời sống kiếp lênh đênh
Nửa đời đeo những lụy phiền trĩu vai!

Đêm nay nhớ quá bàn tay
Mẹ chăm con những tháng ngày ấu thơ
Biết rằng chỉ có trong mơ
Mà sao con vẫn khát chờ... mẹ ơi!
Con thương mẹ nhất trên đời...

Thoát

*Ra khỏi căn phòng ẩm mốc
Ra khỏi bốn bức tường lạnh căm, mục ruỗng
Tôi đi
Về phía mặt trời mọc*

*Dẫu gì tôi cũng tìm đến góc quán quen
Nơi có thể còn một chút thoáng đãng
Nơi tôi có thể chiêm nghiệm về mọi thứ
Mỗi sáng
Khi ngồi một mình*

*Một mình với ly cà phê ngọt – đắng
Một mình với cốc chè lạnh
Một mình với khói thuốc trắng
Tôi thả trái tim chấp cánh*

*Để mặc trái tim
Bay qua những vòm cây
Bay lên giữa trời cao
Tràn đầy gió – nắng
Và tôi
Thoát...*

(11.07.2015)

Buông

*Buông nhau
Mấy bận trong đời
Buông rồi
Lại nú, người ơi... đừng về!
Biết rằng
Hai chữ vô vi
Sẽ yên tĩnh giữa nhu mì chiều xanh!
Nhưng
tôi buông bỏ sao đành
Một nhan sắc cũ
đã thành thực yêu?
Một đêm người ấy cứng chiu
Hơn
mười năm sống liêu xiêu cõi tình...
Buông rồi
có hết phiêu linh
Hay
đem thương nhớ nhốt mình vào trong?
Lạ thay!
Một sợi chỉ hồng
Buộc nhau suốt kiếp, đừng hồng thoát ra!*

Hóa ra

Hóa ra chỉ thờ và cười
Là trăm niềm nỗi
Một đời xa bay
Hóa ra
Tình thức phút giây
Là ta thấy rõ
Mặt mày chưa sinh!

Đều hiu

Lỡ tay
Rớt xuống cuộc đời
Loay hoay số phận
Khóc cười đều hiu
Bến sông
Còn chiếc đò chiều
Bạt ngàn sương nước
Liêu xiêu bóng người!

Công án lá xanh

Có khi
Tâm đã thoát lời
Có khi hồn cỏ
Dạo chơi thung thiên
Cũng là thơ
Cũng là thiên
Sương treo công án
Một miền lá xanh!

Mượn chữ

Mượn chữ
Rong chơi miền bụi trắng
Tờ trắng vàng
Pha lẫn khói sương xanh
Tay muốn hái
Thơ xưa rơi biển lặng
Nghe nổi buồn
Ngôn ngữ vỡ lan canh!

NGHĨA TÌNH LONG THỌ

Tôi gặp Lê Mã Long trong một dịp hành hương chùa Pháp Bảo (Đức Hòa- Long An) vào mùa Vu Lan. Ban đầu, tôi cứ ngỡ anh là ca sĩ trong đoàn văn nghệ gây quỹ từ thiện của chùa, nhưng sau câu chuyện trao đổi với thầy Trụ trì là TT. Thích Tắc Bồn, tôi mới biết anh vốn là Phật tử thuần thành, đã nhiều năm công quả ở chùa này. Anh thường xuyên cùng nhà chùa tổ chức các chương trình hành hương kết hợp với hoạt động từ thiện xã hội và các dịp lễ Tết.

Anh không chỉ làm từ thiện tại chính địa phương Đức Hòa mà còn dẫn đoàn Phật tử đi đến vùng sâu vùng xa khác như: Đình K'nór (Lâm Đồng), Vĩnh Châu (Sóc Trăng),...

Là chủ trại hòm Long Thọ, anh đã nhiều lần tặng hòm cho những người qua đời có hoàn cảnh khó khăn và còn lo đám tang hoàn tất cho những người nghèo quá vắng.

T.K.M

CƠ SỞ MAI TÁNG HỘI NGƯỜI CAO TUỔI

TRẠI HÒM LONG THỌ - PHÁP BẢO (cơ sở 2)

- Phục vụ mai táng theo yêu cầu - phục vụ 24/24
- Các loại hòm danh mộc, hòm kiếng, hòm tròn, hòm vuông, Đài Loan,...
- *Những gia đình khó khăn, Hội Từ Thiện chùa Pháp Bảo xin trợ giúp.*

ĐC: 186 ấp Bình Hữu, xã Đức Hòa Thượng, H.Đức Hòa, Long An.

ĐT: 0723 850 315 - 0913 749 274 - 0932 290 411